



HCMUTE

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC TẬP **MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

(Thiết kế theo Chương trình 132TC rút gọn dành cho sinh viên các ngành kỹ thuật)



TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2021

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC TẬP
MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

**(Thiết kế theo Chương trình 132TC rút gọn dành cho sinh
viên các ngành kỹ thuật)**

TP HỒ CHÍ MINH, NĂM 2021

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
Chương 1. KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	2
I. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh	2
II. Đối tượng nghiên cứu của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh	6
III. Phương pháp nghiên cứu	7
IV. Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh.....	7
Câu hỏi ôn tập	8
Tài liệu tham khảo	8
CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP CHƯƠNG 1	9
Chương 2. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	15
I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.....	15
1. Cơ sở thực tiễn.....	15
2. Cơ sở lý luận.....	18
3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh.....	29
II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	31
III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh	38
1. Đối với cách mạng Việt Nam	38
2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại	39
Câu hỏi ôn tập	40
Tài liệu tham khảo	40
CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP CHƯƠNG 2	41
Chương 3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....	51
I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc.....	51
1. Vấn đề độc lập dân tộc.....	51
2. Về cách mạng giải phóng dân tộc.....	55
II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	62
1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội.....	62
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	66

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.....	71
3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội .76	
IV. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng việt nam giai đoạn hiện nay	76
1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định	76
2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa.....	77
3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị	77
4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ	78
Câu hỏi thảo luận.....	79
Tài liệu tham khảo	79
CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP CHƯƠNG 3	80
Chương 4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN.....	89
I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng cộng sản việt nam	89
1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam.....	89
2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh	90
II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.....	98
1. Nhà nước dân chủ	98
2. Nhà nước pháp quyền	102
3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh	106
III. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng đảng và xây dựng nhà nước	110
1. Xây dựng đảng thật sự trong sạch, vững mạnh	110
2. Xây dựng nhà nước.....	111
Câu hỏi thảo luận.....	112
Tài liệu tham khảo	112
CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP CHƯƠNG 4	114

Chương 5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ.....	122
I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc.....	122
1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc	122
2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.....	123
3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.....	125
4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất	126
5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	128
II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế	130
1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế	130
2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức	132
3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế.....	134
III. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay.....	137
1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng	137
2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông- trí dưới sự lãnh đạo của Đảng	138
3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế.....	139
Câu hỏi thảo luận.....	140
Tài liệu tham khảo.....	141
CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP CHƯƠNG 5	142
Chương 6. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI.....	152
I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa	152
1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác.....	152
2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa.....	155
3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới.....	157
II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.....	158
1. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng	158
2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng	160
3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng	164

III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người	168
1. Quan niệm Hồ Chí Minh về con người	168
2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người	168
3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng con người	169
4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh	171
Câu hỏi thảo luận.....	177
Tài liệu tham khảo	178
CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP CHƯƠNG 6	180
ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM CÁC CHƯƠNG	191

LỜI NÓI ĐẦU

Trong hệ thống các trường đại học và cao đẳng, các môn Lý luận chính trị góp phần xây dựng cho sinh viên thế giới quan, nhân sinh quan khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, niềm tin vào lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Với tầm quan trọng đó, tại Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/03/2014 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đổi mới việc học tập Lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân, nhấn mạnh, cần tăng cường quản lý, chỉ đạo công tác học tập Lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân; xác định rõ lý luận chính trị là môn chính bắt buộc, có thi cử, kiểm tra nghiêm túc, chặt chẽ. Do vậy, việc đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và học tập Lý luận chính trị có tầm quan trọng chiến lược trong thời kỳ mới.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy và chủ trương của Ban Giám hiệu Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh về việc thiết kế chương trình 132 tín chỉ và đổi mới phương pháp giảng dạy, kết hợp phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại như dạy học số, dạy học theo dự án giúp sinh viên kết hợp được lý luận với thực tiễn, điều đó đòi hỏi phải có giáo trình phù hợp với sự thay đổi phương pháp giảng dạy của nhà trường. Vì vậy, chúng tôi biên tập và ra mắt cuốn “*Tài liệu hướng dẫn học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh*”, nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu học tập, nghiên cứu và tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và ôn thi hết học phần môn Tư tưởng Hồ Chí Minh của sinh viên không chuyên ngành lý luận Mác – Lênin.

Trong quá trình biên soạn giáo trình này, chúng tôi đã kế thừa những nội dung của Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh do Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia của các bộ môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các giáo trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã biên soạn. Đồng thời, chúng tôi tham khảo, kế thừa giáo trình của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và của các viện, các trường biên soạn. Tuy nhiên, do những hạn chế khách quan và chủ quan nên giáo trình vẫn còn những nội dung cần tiếp tục được bổ sung và sửa đổi, chúng tôi rất mong nhận được nhiều ý kiến của các thầy cô, các đồng nghiệp và các anh, chị sinh viên để giáo trình được hoàn chỉnh hơn.

Nhóm tác giả

Chương 1

KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Mục tiêu chương 1

Về kiến thức: Trang bị cho người học tri thức về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.

Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng tiếp cận nghiên cứu, học tập môn học và vận dụng tri thức bài học phục vụ cho việc nghiên cứu, học tập các bài học sau.

Về thái độ: Định hình thái độ đúng đắn trong quá trình nghiên cứu, học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh

I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Tư tưởng, theo cách hiểu đơn giản, là toàn bộ những suy nghĩ của con người trong quá trình nhận thức về môi trường sống và về chính bản thân, được chia sẻ ra bên ngoài thông qua nhiều phương thức khác nhau, trong đó phổ biến là nói và viết. Theo quan niệm của triết học, tư tưởng là sự phản ánh hiện thực trong ý thức, là biểu hiện quan hệ của con người với thế giới chung quanh.

Tư tưởng trước hết là sản phẩm của một cá nhân cụ thể, được áp dụng trong phạm vi của cá nhân đó. Thông qua sự chia sẻ, tư tưởng của một cá nhân có thể tác động chi phối nhận thức và hành động của những người khác. Khi tư tưởng của một cá nhân được thực tiễn chấp nhận, chứng minh tính đúng đắn trong thực tiễn, được các lực lượng xã hội (tổ chức chính trị; giai cấp, tầng lớp dân cư; quốc gia dân tộc) lấy làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lúc này được gọi là hệ tư tưởng.

Hai từ “tư tưởng” trong “Tư tưởng Hồ Chí Minh” được hiểu ở góc độ hệ tư tưởng. Chủ thể của hệ tư tưởng thường được gọi là nhà tư tưởng. Theo V.I. Lênin, nhà tư tưởng là người thống nhất được tư tưởng và hành động, lý luận và thực tiễn, cụ thể là các tiêu chuẩn: có sự chuẩn bị đầy đủ về mặt lý luận, có khả năng đi trước, dự báo chỉ đường cho phong trào quần chúng (còn tự phát); có được tầm mắt chính trị rộng lớn để giải quyết thành công mọi vấn đề chiến lược, sách lược của cách mạng; có tài ba về tổ chức để

có thể sáng lập một chính đảng cách mạng có sức chiến đấu mạnh mẽ; có một nghị lực cách mạng phi thường, vượt qua mọi trở lực, khó khăn để thực hiện tư tưởng của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một khái niệm khoa học, định nghĩa về tư tưởng Hồ Chí Minh cần được trình bày cô đọng, chặt chẽ, ở cấp độ lý luận nhằm phản ánh được bản chất và nội dung cốt lõi.

Cho đến nay, theo thống kê sơ bộ, đã có hơn 60 định nghĩa về tư tưởng Hồ Chí Minh và có nhiều cách trình bày về nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011), Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình bổ sung, phát triển nhận thức đã định nghĩa khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh như sau:

“Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”¹.

Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh gồm các nội dung sau:

Thứ nhất: Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là một tập hợp đơn giản những ý tưởng, những suy nghĩ cụ thể của Hồ Chí Minh trong những hoàn cảnh cụ thể mà là một hệ thống những quan điểm, quan niệm về con đường cách mạng Việt Nam được hình thành trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin. Khái niệm trên cho thấy tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống các quan điểm có vị trí như là một học thuyết chính trị - xã hội triệt để, có tính khoa học và cách mạng, hình thành trong thời đại cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Toàn diện: Hệ thống các quan điểm trong tư tưởng Hồ Chí Minh mang tính toàn diện với nhiều nội dung bàn đến hầu hết những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam: từ chính trị đến kinh tế, văn hóa, xã hội,

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.88.

quốc phòng, an ninh, giáo dục; từ con người đến tổ chức, đến quốc gia dân tộc; từ con đường cách mạng đến phương pháp cách mạng, lực lượng cách mạng, chủ thể cách mạng, đối tượng của cách mạng, tổ chức lãnh đạo cách mạng;...

Sâu sắc: Những quan điểm này là hết sức sâu sắc vì không chỉ phản ánh đúng đắn hiện thực, thấy rõ bản chất các vấn đề, hiểu thấu nhu cầu nguyện vọng của Nhân dân mà còn vạch đường hướng giải quyết đúng đắn; không ít luận điểm còn có tính chất vượt qua nhận thức phổ biến đương thời, góp phần bổ sung và phát triển tri thức lý luận của nhân loại, đặc biệt là chủ nghĩa Mác - Lênin. Tính sâu sắc này được tạo nên bởi nhiều yếu tố, trong đó giữ vai trò đặc biệt quan trọng là do phẩm chất cá nhân và do hệ thống quan điểm được hình thành trên cơ sở vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam.

Những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam là: Con đường cách mạng; mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng; đối tượng cách mạng; lực lượng cách mạng; phương pháp cách mạng; lãnh đạo cách mạng.

Thứ hai: Tư tưởng Hồ Chí Minh là “kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại”. Điều này khẳng định một số nguồn gốc tư tưởng – lý luận cơ bản hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh như: Chủ nghĩa Mác – Lênin, giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại.

Thứ ba, về vai trò, giá trị: Tư tưởng Hồ Chí Minh “là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”. Tư tưởng Hồ Chí Minh có giá trị vô cùng to lớn cả về lý luận và thực tiễn đối với Đảng, với dân tộc và nhân dân ta trong sự nghiệp cách mạng trước đây, hiện nay và mai sau. Do vậy, việc nghiên cứu, học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động lý luận và thực tiễn với Đảng, dân tộc và nhân dân ta là rất quan trọng nhằm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

*** Quá trình phát triển nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2/1951) đã khẳng định: “đường lối chính trị, nề nếp làm việc và đạo đức cách mạng của Đảng

ta hiện nay là đường lối tác phong và đạo đức của Hồ Chí Minh... Toàn Đảng hãy ra sức học tập đường lối chính trị, tác phong và đạo đức cách mạng của Hồ Chủ tịch. Sự học tập ấy là điều kiện tiên quyết làm cho Đảng mạnh và làm cho cách mạng đi mau đến thắng lợi hoàn toàn”¹.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI khẳng định phải đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy. “Muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh”².

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (1991), vấn đề nghiên cứu học tập tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng. Đảng khẳng định lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Tại Đại hội, lần đầu tiên khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh được định nghĩa.

Đại hội lần thứ IX của Đảng (2001), khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh được trình bày khá đầy đủ trong Văn kiện của Đại hội. Trong nhiệm kỳ Đại hội IX, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 32-CT/TW, ngày 27 tháng 3 năm 2003, “Về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới”. Kể từ khi khởi xướng sự nghiệp đổi mới và Đảng ta khẳng định lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, đây là lần đầu tiên Ban Bí thư Trung ương Đảng có chỉ thị đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngày 7 tháng 11 năm 2006, thay mặt Bộ Chính trị, đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã ký ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW về tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Chỉ thị nêu rõ: “Tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh là sự kết tinh những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta và tinh hoa văn hóa của nhân loại, là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và nhân dân ta; là tấm gương sáng để mọi người Việt Nam học tập và noi theo”.

Sau 10 năm thực hiện từ Đại hội lần thứ IX (2001) đến Đại hội lần thứ XI của Đảng (2011), tổng kết thực tiễn, Đảng ta tiếp tục khẳng định giá trị và ý nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh. Tại Đại hội lần này, Đảng ta tiếp tục đưa ra khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh ở tầm khái quát cao hơn: vẫn

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 12, Nxb CTQG, H, 2001, tr 9.

² Đảng Cộng sản Việt Nam, Sdd, tập 47, tr 459

tiếp tục khẳng định tính hệ thống của tư tưởng Hồ Chí Minh ở tầm khái quát triết học bao gồm các luận điểm, quan điểm, quan niệm được xây dựng dựa trên cơ sở thế giới quan Mác-Lênin và thực tiễn Việt Nam; khẳng định nguồn gốc lý luận tư tưởng Hồ Chí Minh mà Đại hội IX đã đưa ra.

Các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII và XIII của Đảng tiếp tục khẳng định tinh thần được khẳng định ở Đại hội XI.

II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Môn học tư tưởng Hồ Chí Minh có hai đối tượng nghiên cứu chính:

Thứ nhất, hệ thống các quan điểm thể hiện trong các tác phẩm của Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ được phản ánh trong văn kiện, tác phẩm của Người mà còn được quán triệt trong chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta do Người đứng đầu, trong toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp cách mạng mà Người để lại cho chúng ta. Đây là đối tượng nghiên cứu chính yếu của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ hai, quá trình tư tưởng Hồ Chí Minh đi vào thực tiễn, được bảo vệ, vận dụng và phát triển trong thực tiễn.

Với đối tượng nêu trên, môn học tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là một khoa học mô tả đơn giản các sự kiện, biến cố lịch sử cụ thể, rồi rạc về cuộc đời và hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là một hệ thống tri thức đáng tin cậy về các sự kiện, biến cố, quá trình tìm đường cứu nước, hoạt động cách mạng đa dạng phong phú của Hồ Chí Minh được Người khái quát thành hệ thống lý luận chính trị, những quy luật phổ biến và đặc thù của cách mạng Việt Nam. Đây chính là cơ sở làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành một khoa học và việc nghiên cứu, học tập tư tưởng của Người có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Môn học tư tưởng Hồ Chí Minh có nhiệm vụ làm rõ đối tượng nghiên cứu nêu trên, cụ thể:

- Làm rõ khái niệm, cơ sở hình thành, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Làm rõ các nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Làm rõ vai trò và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Làm rõ quá trình vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ yếu trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

- Bảo vệ, phổ biến và phát triển nội dung, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Nắm vững đối tượng nghiên cứu và phải có tư liệu, tài liệu.

- Thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử là cơ sở để xem xét mọi vấn đề liên quan đến lịch sử và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh:

+ Thống nhất tính đảng và tính khoa học.

+ Thống nhất lý luận và thực tiễn.

+ Quan điểm lịch sử - cụ thể.

+ Quan điểm toàn diện và hệ thống.

+ Quan điểm kế thừa và phát triển.

- Việc nắm vững phương pháp luận Hồ Chí Minh đóng vai trò quan trọng. Đó là:

+ Lý luận gắn với thực tiễn.

+ Quan điểm thống nhất giữa lập trường giai cấp với lập trường dân tộc, giữa dân tộc với thời đại.

+ Quan điểm phát triển, sáng tạo, đổi mới.

+ Quan điểm toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm cụ thể.

+ Quan điểm “*dĩ bất biến, ứng vạn biến*”.

- Kết hợp chặt chẽ phương pháp lôgic và phương pháp lịch sử.

- Vận dụng các phương pháp liên ngành.

IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh giúp:

- Bồi dưỡng thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Nhận thức được quy luật phát triển của xã hội Việt Nam, trên cơ sở đó, góp phần hình thành nên lý luận đổi mới về kinh tế, chính trị, xã hội... trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là một trong những nhiệm vụ, biện pháp tốt để nâng cao trình độ lý luận, giúp người học có được định hướng đúng đắn trong hành động thực tiễn, hoàn thiện nhân

cách, trở thành công dân có ích trên quá trình thực hiện mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước. Học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên có điều kiện nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện và sâu sắc về tiểu sử, sự nghiệp, đặc biệt là tư tưởng và tấm gương đạo đức, suốt đời phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân của Hồ Chí Minh. Điều này giúp sinh viên bồi đắp nhận thức, niềm tin khoa học về Người. Đồng thời, môn học giúp sinh viên có thêm động lực tu dưỡng, rèn luyện bản thân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, mặt khác, góp phần củng cố, tăng cường cho sinh viên về lòng yêu nước, tự hào dân tộc, về Đảng Cộng sản Việt Nam và chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh để luôn kính yêu Chủ tịch Hồ Chí Minh, thấy rõ tư tưởng Hồ Chí Minh đã, đang và sẽ mãi mãi “soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta”.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích khái niệm “Tư tưởng Hồ Chí Minh” trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI (2011).
2. Vì sao cần học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018.
2. Bộ Giáo dục và đào tạo: *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, theo Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về *Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về lý luận chính trị* (<https://moet.gov.vn/van-ban/vbdh/Pages/chi-tiet-van-ban.aspx?ItemID=2729>), Hà Nội, 2019.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

ÔN TẬP CHƯƠNG 1

Câu 1. Tư tưởng là:

- a. Sự phản ánh hiện thực trong ý thức
- b. Biểu hiện quan hệ của con người với thế giới chung quanh
- c. Cả a và b
- d. Tất cả đều sai

Câu 2. Hai từ “tư tưởng” trong thuật ngữ “tư tưởng Hồ Chí Minh” được hiểu là:

- a. Hệ tư tưởng
- b. Tư tưởng chỉ áp dụng trong phạm vi một cá nhân
- c. Tư tưởng áp dụng trong phạm vi một nhóm ít người
- c. Tất cả đều đúng

Câu 3. Các tiêu chuẩn của nhà tư tưởng theo quan điểm của V.I.Lênin là:

- a. Có sự chuẩn bị đầy đủ về mặt lý luận, có khả năng đi trước, dự báo chỉ đường cho phong trào quần chúng (còn tự phát)
- b. Có được tầm mắt chính trị rộng lớn để giải quyết thành công mọi vấn đề chiến lược, sách lược của cách mạng; có tài ba về tổ chức để có thể sáng lập một chính đảng cách mạng có sức chiến đấu mạnh mẽ
- c. Có một nghị lực cách mạng phi thường, vượt qua mọi trở lực, khó khăn để thực hiện tư tưởng của mình
- d. Cả a, b, c

Câu 4. Theo quan điểm của V.I.Lênin, nhà tư tưởng là người có khả năng đi trước, dự báo chỉ đường cho phong trào quần chúng khi còn:

- a. Tự giác
- b. Tự phát
- c. Tự tin
- d. Tự lập

Câu 5. “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp

của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”.

Định nghĩa trên được nêu trong văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ:

- a. IX
- b. X
- c. XI
- d. XII

Câu 6. Theo định nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, " Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm..... về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam"

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Toàn diện và sâu sắc
- b. Sâu sắc và toàn diện
- c. Toàn diện
- d. Sâu sắc

Câu 7. Theo định nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, " Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về "

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Những vấn đề chủ yếu của cách mạng Việt Nam
- b. Những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam
- c. Những vấn đề quan trọng của cách mạng Việt Nam
- d. Những vấn đề quyết định của cách mạng Việt Nam

Câu 8. Những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam là:

- a. Con đường cách mạng; đối tượng cách mạng; lực lượng cách mạng; phương pháp cách mạng; lãnh đạo cách mạng
- b. Con đường cách mạng; mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng; lực lượng cách mạng; phương pháp cách mạng; lãnh đạo cách mạng
- c. Con đường cách mạng; mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng; đối tượng cách mạng; lực lượng cách mạng; phương pháp cách mạng; lãnh đạo cách mạng

d. Con đường cách mạng; mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng; đối tượng cách mạng; lực lượng cách mạng; phương pháp cách mạng

Câu 9. Theo định nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Tư tưởng Hồ Chí Minh là "kết quả của sựvà sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta"

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Vận dụng; phát triển
- b. Phát triển; vận dụng
- c. Thực hành; vận dụng
- d. Phát triển; thực hành

Câu 10. Theo định nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Tư tưởng Hồ Chí Minh là "kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo vào điều kiện cụ thể của nước ta"

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Giá trị truyền thống của dân tộc
- b. Tinh hoa văn hóa nhân loại
- c. Chủ nghĩa Tam dân
- d. Chủ nghĩa Mác - Lênin

Câu 11. Theo định nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Tư tưởng Hồ Chí Minh là "kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của"

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Việt Nam
- b. Nước ta
- c. Sự nghiệp cách mạng
- d. Tất cả đều đúng

Câu 12. Theo định nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Tư tưởng Hồ Chí Minh "..... và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc"

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Kế thừa

- b. Vận dụng
- c. Tiếp thu
- d. Tiếp biến

Câu 13. Theo định nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Tư tưởng Hồ Chí Minh "kế thừa và phát triển các tốt đẹp của dân tộc"

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Chủ nghĩa yêu nước
- b. Tinh thần đoàn kết
- c. Giá trị truyền thống
- d. Tinh thần hiếu học

Câu 14. Theo định nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Tư tưởng Hồ Chí Minh "..... tinh hoa văn hóa nhân loại"

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Kế thừa
- b. Tiếp biến
- c. Tiếp nhận
- d. Tiếp thu

Câu 15. Theo định nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Tư tưởng Hồ Chí Minh "tiếp thu tinh hoa nhân loại"

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Trí tuệ
- b. Văn hóa
- c. Tư tưởng
- d. Kiến thức

Câu 16. Theo định nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Tư tưởng Hồ Chí Minh có các nguồn gốc tư tưởng – lý luận là:

- a. Chủ nghĩa Mác – Lênin, giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại
- b. Chủ nghĩa Mác – Lênin, chủ nghĩa yêu nước, tinh hoa văn hóa nhân loại

- c. Chủ nghĩa Mác – Lênin, giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa tư tưởng nhân loại
- d. Chủ nghĩa Mác, giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại

Câu 17. Theo định nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Tư tưởng Hồ Chí Minh có giá trị là:

- a. Tài sản tinh thần vô cùng quý giá
- b. Tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá
- c. Tài sản trí tuệ vô cùng to lớn và quý giá
- d. Tài sản vô cùng quý giá

Câu 18. Theo định nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của:

- a. Đảng ta
- b. Dân tộc ta
- c. Cả a và b
- d. Tất cả đều sai

Câu 19. Theo định nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Tư tưởng Hồ Chí Minh có vai trò:

- a. Dẫn đường
- b. Chỉ đường
- c. Dắt đường
- d. Soi đường

Câu 20. Theo định nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Tư tưởng Hồ Chí Minh "mãi mãi soi đường cho của nhân dân ta giành thắng lợi"

Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống

- a. Sự nghiệp cách mạng
- b. Cuộc đấu tranh
- c. Cuộc chiến đấu
- d. Công cuộc đổi mới

Câu 21. Đối tượng nghiên cứu chính của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh là:

- a. Hệ thống các quan điểm thể hiện trong các trước tác của Hồ Chí Minh
- b. Quá trình tư tưởng Hồ Chí Minh đi vào thực tiễn, được bảo vệ, vận dụng và phát triển trong thực tiễn
- c. Cả a và b đúng
- d. Cả a và b sai

Chương 2

CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Mục tiêu Chương 2:

Về kiến thức: Trang bị cho người học tri thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng khai thác tài liệu để làm rõ cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; kỹ năng vận dụng tri thức bài học phục vụ nghiên cứu, học tập bài học khác.

Về thái độ: Định hình niềm tin về bản chất khoa học và cách mạng của tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua nghiên cứu, học tập cơ sở, quá trình hình thành và phát triển.

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Cơ sở thực tiễn

a. Thực tiễn việt nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

+ *Bước sang thế kỷ XIX, Việt Nam vẫn ở trong tình trạng kém phát triển.*

Việt Nam là một nước có lịch sử và nền văn hiến lâu đời, có truyền thống chống ngoại xâm vô cùng oanh liệt. Tuy nhiên, cũng như các nước phong kiến phương Đông khác vốn có nền văn hóa phát triển sớm, vẫn chìm sâu dưới sức nặng của quan hệ sản xuất phong kiến chuyên chế, bảo thủ. Do đó, lực lượng sản xuất chậm phát triển, trình độ khoa học kỹ thuật lạc hậu; đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân lao động cực khổ, bế tắc; mâu thuẫn giữa giai cấp địa chủ phong kiến thống trị với nhân dân lao động, mà tuyệt đại đa số là nông dân, ngày càng sâu sắc. Bước sang thế kỷ XIX, Việt Nam vẫn ở trong tình trạng trì trệ, kém phát triển.

+ *Thực dân Pháp xâm lược và thống trị đất nước ta.*

Từ lâu, chủ nghĩa đế quốc đã nhòm ngó, mưu đồ xâm chiếm Việt Nam. Ngay từ cuối năm 1784, thực dân Pháp đã có dã tâm xâm lược nước ta khi Bá Đa Lộc đưa Hoàng tử Cảnh sang Pháp cầu viện và 3 năm sau thay mặt Nguyễn Ánh ký với Pháp Hiệp ước Vécxây (28/11/1787). Từ đó, lợi dụng Hiệp ước này và bằng nhiều cách, chủ yếu là truyền đạo, Pháp

dần dần thực hiện ý đồ xâm lược. Đến giữa thế kỷ XIX, trước sự suy yếu của chế độ phong kiến nhà Nguyễn, đế quốc Pháp bắt đầu xâm lược nước ta. Một bộ phận chóp bu vua quan phong kiến uơ hèn đã đầu hàng thực dân Pháp, bán nước ta cho ngoại bang, phản bội truyền thống yêu nước quật cường và phong trào đấu tranh chống xâm lược sôi nổi liên tục đang diễn ra của các tầng lớp nhân dân ta.

+ *Chính sách cai trị của thực dân Pháp tạo ra những biến đổi trên đất nước ta về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, ...*

Trong gần một thế kỷ, đế quốc Pháp đã câu kết với giai cấp phong kiến địa chủ thống trị nước ta một cách vô cùng tàn bạo biến nước ta, một nước phong kiến độc lập thành một nước thuộc địa nửa phong kiến, thành nơi cung cấp nguyên liệu, nhân công rẻ mạt và thị trường tiêu thụ hàng hóa của chủ nghĩa tư bản. Chúng chia cắt đất nước ta, vốn là một quốc gia thống nhất, thành ba kỳ với ba chế độ thống trị khác nhau để dễ bề cai trị và đàn áp.

+ *Các phong trào yêu nước chống ngoại xâm và tay sai diễn ra rầm rộ nhưng lần lượt thất bại.*

Ngay từ lúc đế quốc Pháp nổ súng xâm lược nước ta, nhân dân ta đã anh dũng đứng lên chống xâm lược. Các phong trào cứu nước, từ các cuộc khởi nghĩa Bình Tây ở lục tỉnh, từ phong trào Cần Vương, Văn Thân, Đông Du, Đông Kinh Nghĩa thực, Duy Tân của Phan Bội Châu, Lương Văn Can, Phan Chu Trinh... đến cuộc nổi dậy của Hoàng Hoa Thám và các cuộc khởi nghĩa sau đó đều lần lượt thất bại và bị đàn áp khốc liệt. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cho đến đầu thế kỷ XX gặp bế tắc về đường lối. Bối cảnh đó đã thôi thúc Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.

b. Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

+ *Sau thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản, chế độ tư bản chủ nghĩa được xác lập, hình thành hệ thống tư bản chủ nghĩa trên phạm vi thế giới, dẫn đến mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.*

+ *Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, xâm lược và thống trị các quốc gia khác, dẫn đến mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc thực dân.*

Chỉ tính riêng 09 nước đế quốc (Anh, Pháp, Mỹ, Tây Ban Nha, Ý, Nhật Bản, Bỉ, Bồ Đào Nha, Hà Lan) với số dân 320.657.000 người, với

diện tích 1.407.606 km², đã thống trị, bóc lột các nước thuộc địa gồm hàng chục dân tộc với số dân 560.193.000 người, trên diện tích 55.637.000 km². Phần lớn các thuộc địa nằm ở khu vực Á, Phi, Mỹ La Tinh. Chính sách nô dịch của chủ nghĩa thực dân đế quốc đã tước đoạt những quyền lợi cơ bản của nhân dân bản xứ, dần xóa bỏ các giá trị văn hóa, tinh thần sở tại.

Cùng với mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản ở các nước tư bản chủ nghĩa và mâu thuẫn giữa các nước tư bản, đế quốc với nhau, mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc thực dân đã xuất hiện và ngày càng phát triển cả bề rộng và bề sâu, trở thành một mâu thuẫn hết sức sâu sắc của thời đại. Thuộc địa bị áp bức nặng nề khiến mâu thuẫn giữa chủ nghĩa thực dân đế quốc với nhân dân thuộc địa càng gay gắt làm bùng nổ nhiều phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc

+ *Chiến tranh thế giới thứ nhất là một biểu hiện sự suy yếu của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới.*

Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) nổ ra là hệ quả của sự phát triển không đồng đều của chủ nghĩa tư bản dẫn đến việc một số nước đế quốc muốn chia lại thị trường thuộc địa, cho thấy mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc.

+ *Chủ nghĩa Mác ra đời (1848), được Lênin kế thừa, phát triển và hiện thực hóa bằng thắng lợi của Cách mạng tháng Mười (1917), mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản ngày càng gay gắt.*

Chủ nghĩa Mác ra đời năm 1848, với Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, phát hiện quy luật tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Từ chỗ là “bóng ma cộng sản”, sau gần nửa thế kỷ đấu tranh chống hệ tư tưởng tư sản và các trào lưu cơ hội chủ nghĩa dưới mọi màu sắc, chủ nghĩa Mác đã trở thành hệ tư tưởng chính thống của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản phát triển đến giai đoạn tột cùng của nó là chủ nghĩa đế quốc, Lênin đã kế tục, phát triển tư tưởng và sự nghiệp của Mác – Ăngghen trong giai đoạn lịch sử mới, đã lãnh đạo thành công cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới – Cách mạng tháng Mười Nga (1917), mở đầu thời đại mới - thời đại cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc. Sự ra đời của Nhà nước xô viết đã làm nảy sinh mâu thuẫn mới mang tính thời đại: mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

+ *Năm 1919, Quốc tế Cộng sản được thành lập.*

Tháng 3 năm 1919, sau khi đánh bại các thế lực nội phản và giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống hành động can thiệp hòng “bóp chết” nhà nước Xô Viết ngay khi mới ra đời của 14 nước đế quốc, Lênin cùng các đồng chí của mình đã sáng lập Quốc tế Cộng sản (1919) vì nhận thấy sự phân rã của Quốc tế II không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn phong trào cách mạng thế giới dâng cao. Lênin cũng đã thấy rõ mối quan hệ giữa phong trào cộng sản thế giới với cách mạng giải phóng dân tộc và thuộc địa, chỉ ra con đường giải phóng các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với khẩu hiệu nổi tiếng “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại”.

2. Cơ sở lý luận

a. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

Mỗi dân tộc dù ở trình độ văn minh cao hay thấp đều có những văn hóa truyền thống đặc trưng riêng của mình. Hệ thống giá trị đó chính là sự kết tinh tất cả những gì tốt đẹp nhất được chắt lọc qua nhiều thời đại lịch sử để tạo nên bản sắc riêng của một dân tộc. Theo Giáo sư Trần Văn Giàu: “Giá trị tinh thần truyền thống của một dân tộc là những nguyên lý đạo đức lớn mà con người trong nước thuộc các thời đại, các giai đoạn lịch sử, đều dựa vào để phân biệt phải trái, để nhận định nên chăng, nhằm xây dựng độc lập, tự do và tiến bộ của dân tộc đó”¹.

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã tạo lập cho mình một nền văn hóa riêng, phong phú và bền vững với những giá trị truyền thống tốt đẹp và cao quý như: Lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần đấu tranh anh dũng, bất khuất, thà chết không chịu làm nô lệ; Tinh đoàn kết, thương yêu đùm bọc, gắn kết cá nhân – gia đình – làng xã – Tổ quốc; Nhân ái, khoan dung, hòa hợp, trọng tình nghĩa, đạo lý; cần cù, sáng tạo trong lao động; tề nhị trong ứng xử, giản dị trong cuộc sống....v.v.

+ *Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam*

Lòng yêu nước là đạo lý sống, niềm tự hào và là yếu tố đứng đầu bảng giá trị tinh thần của người Việt Nam.

Việt Nam là một quốc gia được hình thành từ rất sớm, trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, đất nước Việt Nam đã trở thành Tổ

¹ Trần Văn Giàu: *Tuyển tập*, Nxb. Giáo dục, H.2001, tr.301-302.

quốc thiêng liêng của mỗi người dân đất Việt. Tinh thần yêu nước đã trở thành đạo lý sống, niềm tự hào và là một nhân tố đứng đầu trong bảng giá trị tinh thần của con người Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: *“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước... Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng”*¹².

Truyền thống yêu nước phát triển thành chủ nghĩa yêu nước.

Truyền thống yêu nước đó không chỉ là một tình cảm, một phẩm chất tinh thần, mà đã phát triển thành một chủ nghĩa - chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa dân tộc chính, thành dòng chủ lưu của tư tưởng Việt Nam, xuyên suốt lịch sử của dân tộc.

Chủ nghĩa yêu nước là động lực tư tưởng, tình cảm chi phối suy nghĩ, hành động của Hồ Chí Minh, là cơ sở tư tưởng dẫn Người đến với chủ nghĩa Mác-Lênin.

Hồ Chí Minh chỉ rõ: tôi sinh ra đã thấy nước tôi bị biến thành thuộc địa. Vì muốn giải phóng cho nhân dân mình nên ngay từ nhỏ tôi đã tham gia những hoạt động yêu nước. Chính sức mạnh của truyền thống yêu nước ấy đã thúc đẩy Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước và đến với chủ nghĩa Mác – Lênin như Người đã từng khẳng định: *“Lúc đầu, chính chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”*¹³. Đó là động lực tư tưởng, tình cảm chi phối mọi suy nghĩ, hành động của Người trong suốt cả cuộc đời mình. Người lấy cho mình cái tên Nguyễn Ái Quốc - Nguyễn yêu nước, để luôn nhắc nhở, cổ vũ bản thân và cổ vũ quốc dân đồng bào.

Hồ Chí Minh là biểu tượng sáng ngời của truyền thống yêu nước. Truyền thống ấy đã kết tinh rực rỡ ở Bác, đưa Bác lên vị trí người con yêu nước số một của dân tộc Việt Nam trong thời đại cách mạng vô sản. Đó là chủ nghĩa yêu nước dân chính của người cộng sản Việt Nam Hồ Chí Minh

¹² Sdd, T.6, tr. 171-172.

¹³ Sdd, T.9, tr. 128.

mà nét đặc trưng cơ bản là “*sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý tưởng độc lập tự do với lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa; giữa chủ nghĩa yêu nước nồng nàn với tinh thần quốc tế vô sản chân chính*”.

Chủ nghĩa yêu nước là sợi dây bền chặt nhất gắn bó Hồ Chí Minh với mỗi người và cả dân tộc Việt Nam. Không có quần chúng nhân dân thì cá nhân kiệt xuất không thể làm nên lịch sử và trở thành vĩ nhân.

Trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam cho rằng hiện nay, lòng yêu nước là điểm tương đồng lớn nhất, là mẫu số chung của mọi người Việt Nam thuộc các giai cấp, tầng lớp xã hội, tôn giáo khác nhau ở cả trong và ngoài nước và đang định cư ở nước ngoài nhằm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

+ Tinh thần cộng đồng, đoàn kết, ý thức dân chủ

Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, tinh thần cộng đồng và truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái đã được hun đúc, trở thành một giá trị văn hóa chủ đạo và một truyền thống quý báu - một bề dày quan trọng nhất của chủ nghĩa yêu nước - cơ sở và cội nguồn của sức sống và nội lực phát triển của dân tộc Việt Nam.

Ý thức dân chủ cũng là một trong những giá trị nổi bật của truyền thống văn hóa dân tộc. Những quan điểm tiêu biểu sau đây thể hiện vị trí, vai trò to lớn của nhân dân:

Trần Hưng Đạo: Phải “khoan thư sức dân làm kế sâu rễ, bền gốc”.

Nguyễn Trãi: “Chở thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân”.

Nguyễn Bình Khiêm: “Xưa nay nước phải lấy dân làm gốc, nên biết rằng muốn giữ được nước, tất phải được lòng dân” (Cổ lai quốc dĩ dân vi bản. Đắc quốc ưng tri tại đắc dân - Cảm hứng).

Tinh thần cộng đồng, đoàn kết, ý thức dân chủ trong truyền thống dân tộc Việt Nam là nền tảng cơ sở cho việc hình thành chủ nghĩa tập thể, tư tưởng đại đoàn kết và tư tưởng dân chủ Hồ Chí Minh. Đây là những tư tưởng, quan điểm “gốc” của các tư tưởng khác trong hệ thống di sản tư tưởng Hồ Chí Minh. Mọi suy nghĩ, hành động của Hồ Chí Minh đều lấy, đều hướng đến việc xây dựng và phát huy chủ nghĩa tập thể, khối đại đoàn kết, phụng sự nhân dân.

+ Truyền thống dũng cảm, can đảm, thông minh, sáng tạo, tư duy mở, mềm dẻo trong lao động sản xuất và chiến đấu

Truyền thống dũng cảm, cần cù, thông minh, sáng tạo, tư duy mở, mềm dẻo trong tổ chức quản lý xã hội, trong tổ chức sản xuất và sinh hoạt, trong chiến đấu bảo vệ đất nước. Những truyền thống này góp phần tạo nên những đặc điểm nổi bật trong phẩm chất cá nhân Hồ Chí Minh, giúp Người thấu thái tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại, tiếp thu, vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin trong quá trình hoạt động thực tiễn để hình thành và phát triển tư tưởng của mình.

b. Tinh hoa văn hóa nhân loại

Hồ Chí Minh luôn thấm nhuần lời dạy của Lênin rằng: Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết cách làm giàu trí óc của mình bằng cách thấu tóm tắt cả tinh hoa trí tuệ nhân loại. Trên mỗi chặng đường hoạt động, Hồ Chí Minh đã biết làm giàu trí tuệ của mình bằng những di sản quý báu của văn hóa nhân loại. Người biết kế thừa các học thuyết đó một cách có phê phán, chọn lọc, không bao giờ sao chép máy móc, cũng không bao giờ phủ định một cách giản đơn, mà có sự phân tích sâu sắc để tìm ra những yếu tố tích cực, làm giàu thêm vốn kiến thức và hành trang tư tưởng của mình.

*** Phương Đông**

Nho giáo:

Trong hệ thống tinh hoa trí tuệ phương Đông, Nguyễn Ái Quốc chịu ảnh hưởng nhiều của Nho giáo từ rất sớm. Người từng nói: tôi sinh ra trong một gia đình nhà nho Việt Nam. Nhiều yếu tố tích cực trong Nho giáo được Hồ Chí Minh tiếp thu, kế thừa và phát triển.

Hồ Chí Minh quan niệm Nho giáo nói chung, Khổng tử nói riêng không phải là tôn giáo mà là một khoa học về đạo đức và phép ứng xử. Hồ Chí Minh dạy: Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng song những điều hay trong đó thì ta nên học. Ở Hồ Chí Minh, đạo đức Nho giáo thấm vào tư tưởng, tình cảm không phải là những giáo điều “tam cương”, “ngũ thường” nhằm bảo vệ tôn ti trật tự phong kiến mà là: Triết lý hành động, tư tưởng nhập thế, hành đạo, giúp đời; Lý tưởng về một xã hội bình trị, một thế giới đại đồng, “thiên hạ vi công”, “các tận sở năng, các thủ sở nhu”; Triết lý nhân sinh, đạo “tu thân”; Lòng “trung-hiếu”, tinh thần “nhân nghĩa”, “tứ hải giai huynh đệ”; Tư tưởng “dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”; Đề cao văn hóa, lễ giáo, tạo ra truyền thống hiếu học; Đức tính khiêm tốn, “ôn hòa”, cách xử thế “có tình có lý”;...

Những kiến thức Hán học mà Người tiếp thu được từ nhỏ đã ăn sâu vào trí nhớ, để lại những dấu ấn sâu sắc về tư tưởng, tình cảm đến mức mãi sau này Người vẫn có thể làm thơ bằng chữ Hán, tiêu biểu nổi tiếng là tập thơ Nhật ký trong tù. Vì vậy, không có gì lạ khi trong nhiều bài nói, bài viết của mình, Người đã sử dụng có cải biên các khái niệm, các mệnh đề tích cực của Nho giáo để diễn đạt tư tưởng của mình như “Trung-hiếu; cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư; nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm; dĩ bất biến ứng vạn biến; tiên thiên hạ ưu, chi ưu-hạ thân hậu lạc, chi lạc...”

Trong khi tiếp thu, sử dụng những yếu tố tích cực của Nho giáo, Hồ Chí Minh đã phê phán, loại bỏ những yếu tố thủ cựu, tiêu cực của học thuyết này.

Nho giáo nói chung, Khổng tử nói riêng bảo vệ chế độ phong kiến, còn Hồ Chí Minh chủ trương xóa bỏ chế độ phong kiến, xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa. Theo Khổng tử, nhân chống lại vua là phản loạn. Hồ Chí Minh phê phán, trong thời đại này mà Khổng tử nói vậy là Khổng tử phản động.

Hồ Chí Minh phê phán sự phân chia đẳng cấp trong xã hội thành: quân tử và tiểu nhân, từ đó tạo nên bất bình đẳng trong quan hệ xã hội. Người phê phán quan điểm coi thường phụ nữ của Nho giáo. Phê phán quan điểm của Nho giáo cho rằng mọi nghề đều thấp kém, chỉ có nghề đọc sách là nghề thanh cao, trọng lao động trí óc khi lao động chân tay: “Duy hữu độc thư cao, vạn ban giai hạ phẩm”. Đối với Hồ Chí Minh thì mọi nghề đều cao quý, mọi lao động chân chính đều vinh quang. Phê phán thuyết “thiên mệnh”. Phê phán các giá trị tiêu cực của nền đạo đức Nho giáo: “Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững dưới đất, đầu ngẩng lên trời”¹.

Phật giáo:

Những giá trị tích cực của Phật giáo được Hồ Chí Minh tiếp thu đó là tư tưởng vị tha, từ bi, hỷ xả, cứu khổ cứu nạn, thương người như thể thương thân, một tình yêu bao la đến cả chim muông cây cỏ; đó là nếp sống có đạo đức, trong sạch, giản dị, làm điều thiện, tránh điều ác; đó là tinh thần bình đẳng, dân chủ chất phác. Đức Phật nói: “Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành”.

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, Tập 7, tr.220.

Phật giáo vào nước ta gặp chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc ta đã hình thành nên Thiền phái Trúc lâm Việt Nam, chủ trương không xa đời mà sống gắn bó với nhân dân, với đất nước, tham gia vào cộng đồng, vào cuộc đấu tranh của nhân dân, chống kẻ thù dân tộc.

Trong hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến đời sống tinh thần và tín ngưỡng của nhân dân. Sau 30 năm xa Tổ quốc, mùa xuân 1941 vừa mới về nước, Hồ Chí Minh đã vẽ ảnh Phật treo trên vách đá để quần chúng nhân dân có nơi cúng lễ. Năm 1960, Người thăm chùa Hương. Tại đây, Người đã yêu cầu chính quyền và nhân dân địa phương sửa đường, sửa thuyền làm thêm cầu để tăng ni, Phật tử và khách thập phương đến tham quan, văn cảnh thuận tiện, an toàn. Người kêu gọi làm theo lòng từ bi của Đức Phật Thích Ca, kháng chiến để đưa giống nòi ra khỏi cái khổ ải nô lệ.

Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn:

Nguyễn Ái Quốc khâm phục và học hỏi rất nhiều ở Tôn Trung Sơn với chủ nghĩa Tam dân của nhà cách mạng này. Lúc thiếu thời, Nguyễn Tất Thành cũng đã từng được nghe những từ “dân sinh”, “dân quyền”, “dân quốc” do các nhà Nho yêu nước nói đến khi đàm luận với cụ Nguyễn Sinh Sắc... Nhưng có lẽ, phải sau khi về tới Quảng Châu (1924), Nguyễn Ái Quốc mới có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. Lúc này là thời kỳ Tôn Trung Sơn cải tổ Quốc dân Đảng Trung Quốc, thực hiện chính sách: *“Thân Nga, liên Cộng, phù trợ công nông”*. Trong bài viết *“Các nước đế quốc chủ nghĩa và Trung Quốc”*, Người nhận định: *“Tôn Dật Tiên, ‘người cha của cách mạng Trung Quốc’, người đứng đầu chính phủ Quảng Châu, thì luôn trung thành với những nguyên lý của mình, ngay cả trong những lúc khó khăn nhất. Cương lĩnh của đảng ông - Quốc dân Đảng – là một cương lĩnh cải cách. Cương lĩnh đó gồm những điều khoản chống đế quốc và chống quân phiệt một cách rõ rệt. Đảng đó lớn tiếng tuyên bố đoàn kết với các dân tộc bị áp bức ở các nước thuộc địa và với giai cấp vô sản quốc tế. Đảng đó đồng tình với cách mạng Nga”*¹.

Tuy nhiên, chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn cơ bản vẫn là tư tưởng dân chủ tư sản, nằm trong hệ tư tưởng tư sản nên có nhiều hạn chế.

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, Tập 1, tr.343.

Người đã thấy rõ những hạn chế ấy, cho nên, khi cụ Phan Bội Châu định chuyển Việt Nam Quang phục Hội thành Việt Nam Quốc dân đảng theo cương lĩnh của Tôn Trung Sơn thì Nguyễn Ái Quốc đã có những lời khuyên chân tình là không thể dừng lại ở những chủ trương của Quốc dân Đảng. Hơn nữa, khi vận dụng “chính sách” mà Người cho là phù hợp với điều kiện Việt Nam như khẩu hiệu “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” rút ra từ chủ nghĩa Tam Dân và tư tưởng “Tự do – Bình đẳng – Bác ái” của cách mạng tư sản Pháp, thành tiêu ngữ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì Người đã phát triển khái niệm “Độc lập-Tự do-Hạnh phúc” lên một trình độ mới, mang tính giai cấp, tính nhân dân, tính dân tộc và tính cách mạng triệt để của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Tóm lại, trong quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện tư tưởng của mình, Hồ Chí Minh đã kế thừa có chọn lọc những tinh hoa văn hóa phương Đông, phương Tây, cổ điển và hiện đại. Sau khi đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, với phương pháp luận khoa học, cách mạng, Người đã nâng nó lên một trình độ mới, một chất lượng mới.

*** Phương Tây**

Là người phương Đông song gần 1/3 thế kỷ Hồ Chí Minh sống, hoạt động, gắn bó với môi trường phương Tây. Với vốn ngoại ngữ phong phú đã giúp Người có được thuận lợi để nhanh chóng tiếp thu chọn lọc nhiều giá trị tốt đẹp của văn hóa phương Tây trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng của mình.

Ngay từ lúc còn đang học ở trường Tiểu học Pháp - Việt và trường Quốc học Huế, Người đã từng biết đến khẩu hiệu “Tự do – Bình đẳng – Bác ái” của Đại Cách mạng tư sản Pháp, được tiếp xúc với những tờ báo tiếng Pháp có xu hướng tự do qua những người lính lê dương tiến bộ. Văn minh phương Tây với những thành tựu của khoa học kỹ thuật đã khơi gợi tư duy của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành khiến Anh muốn đi sang các nước phương Tây để tìm hiểu những gì ẩn giấu đằng sau khẩu hiệu ấy.

Trong gần 10 năm bôn ba, khảo sát ở các nước tư bản lớn như Mỹ, Anh, Pháp và các thuộc địa của họ, Anh đã tìm hiểu qua sách báo, tài liệu, qua tiếp xúc với các nhà chính trị - xã hội có tiếng... và cả qua xem xét thực tế cuộc sống của dân chúng, trực tiếp hoạt động trong các tổ chức chính trị - xã hội ở các nước đó, rút ra những nhận xét, đánh giá, để tìm ra

những gì là “tinh hoa” tốt đẹp cần tiếp thu và những gì hạn chế cần khắc phục.

Thời gian dừng chân ở Mỹ khoảng cuối năm 1912 đến cuối năm 1913, Anh đã đến khu da đen Háclem, đã chiêm ngưỡng tượng thần Tự do,... Xứ sở mới mẻ này đã gây cho Anh bao ấn tượng mạnh mẽ, sâu sắc. Anh đã đọc bản Tuyên ngôn Độc lập 1776 của nước Mỹ, trong đó đề cập đến “quyền bình đẳng”, “quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc” của con người, quyền của nhân dân kiểm soát chính phủ...”. Anh khâm phục ý chí giành độc lập, tự do của nhân dân Mỹ, khâm phục những tư tưởng vĩ đại của Oasinhton, Giépphécson, Lyncôn nhưng đồng thời Anh cũng phát hiện những nghịch lý: đằng sau những lời lẽ hoa mỹ về tự do, bình đẳng là sự bất bình đẳng và nghèo đói của hàng triệu người lao động, là điều kiện sống khủng khiếp của người da đen, là nạn phân biệt chủng tộc ghê gớm mà Anh đã mô tả trong bài: “Đảng 3K”.

Ở Pari, thủ đô nước Pháp – nơi Anh sống dài ngày nhất, đã để lại cho Anh nhiều ấn tượng và bài học sâu sắc trên hành trình tìm đường cứu nước. Chủ nghĩa nhân văn, tư tưởng tự do – bình đẳng – bác ái trong tác phẩm của thời kỳ Phục hưng, của thế kỷ Ánh sáng, của các nhà văn hào nổi tiếng như Vôn-te, Đidơ-rô, Mông-tét-xki-ơ, J.J. Rút-xô; rồi những tư tưởng mới mẻ của Cách mạng tư sản Pháp 1789. Đặc biệt, những tư tưởng của bản Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền đã được Nguyễn Tất Thành đi sâu nghiên cứu và phân tích. Quá trình hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, Nguyễn Ái Quốc được sự cổ vũ, dìu dắt trực tiếp của nhiều nhà cách mạng và trí thức tiến bộ như M.Casanh, P.V. Cutuyariê, G.Môngmút-xô,...

Trong khi khẳng định những giá trị chân chính, những nhân tố tích cực, tiến bộ của cách mạng dân chủ tư sản, Nguyễn Ái Quốc cũng đồng thời đánh giá đúng những hạn chế của nó. Trong Đường Kách mệnh, Người viết về cách mạng Mỹ: *“Tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai. Ấy là vì cách mệnh Mỹ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi”*¹. Về cách mạng Pháp, Người cũng đánh giá: *“Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là công hòa và dân chủ, kỳ thực*

1 Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, Tập 2, tr.291-292.

trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa... ”¹. Người kết luận: “Cách mệnh An Nam nên nhớ những điều ấy”². Chính vì không thỏa mãn với con đường cách mạng tư sản mà Người đã tìm đến với chủ nghĩa Mác-Lênin.

Tóm lại, Nguyễn Ái Quốc chịu ảnh hưởng rất sâu rộng của nền văn hóa dân chủ và cách mạng phương Tây: Hệ thống tri thức khoa học kỹ thuật, văn hóa nghệ thuật phương Tây; Tư tưởng tiến bộ của các nhà khai sáng: dân chủ, cộng hòa, bình đẳng, tổ chức nhà nước và quản lý xã hội; Tư tưởng dân chủ và phong cách dân chủ: câu lạc bộ Phôbua, sinh hoạt chính trị trong Đảng Xã hội Pháp; Trải nghiệm thâm nhập cuộc sống nhiều giai tầng nên có cái nhìn toàn cảnh về thực trạng xã hội tư bản chủ nghĩa; Những ảnh hưởng về phong cách ứng xử, bản lĩnh hùng biện, năng lực tuyên truyền (nghề làm báo).

Hồ Chí Minh đã biết làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn tinh hoa tri thức nhân loại, Đông và Tây, vừa thấu hời, vừa gạn lọc để có thể từ tầm cao của tri thức nhân loại mà suy nghĩ và lựa chọn, kế thừa và đổi mới, vận dụng và phát triển.

c. Chủ nghĩa Mác – Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống có căn cứ khoa học của các quan điểm triết học, kinh tế, chính trị - xã hội; học thuyết về nhận thức và cải tạo thế giới, về những quy luật phát triển của xã hội, tự nhiên và tư duy con người, về những con đường cách mạng lật đổ chế độ bóc lột và xây dựng chủ nghĩa cộng sản; thế giới quan của giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó là các đảng cộng sản và công nhân.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là nguồn gốc tư tưởng-lý luận quan trọng nhất quyết định hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nguồn gốc lý luận quyết định bước phát triển mới về chất của tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác-Lênin. Trên cơ sở truyền thống văn hóa Việt Nam, mà nổi bật là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần nhân ái, cố kết dân tộc, Người tiếp thu tinh hoa văn hóa phương Đông, phương Tây và cuối cùng đến với chủ nghĩa Lênin. Đây là bước ngoặt cơ bản trong quá trình tìm đường cứu nước và quá trình phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh: Chủ nghĩa yêu nước đã gắn liền với chủ nghĩa xã hội; giác ngộ dân

1 Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, Tập 2, tr.296.

2 Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, Tập 2, tr.296.

tộc đã phá triển và kết hợp với giác ngộ giai cấp; cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với cách mạng vô sản. Bước ngoặt đó đánh dấu sự định hình và khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc hệ tư tưởng của giai cấp vô sản - chủ nghĩa Mác – Lênin, mang bản chất cách mạng và khoa học triệt để.

Tổng kết kinh nghiệm thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Người chỉ rõ: chúng ta giành được thắng lợi là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng... chúng ta giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác-Lênin. Điều đó chứng minh vai trò và ý nghĩa quyết định của chủ nghĩa Mác – Lênin đối với sự hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ sở thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin đã giúp Hồ Chí Minh nhìn nhận, đánh giá, phân tích, tổng kết các học thuyết tư tưởng đương thời cũng như kinh nghiệm hoạt động thực tiễn của mình; hấp thụ và chuyển hóa được những nhân tố tích cực và tiến bộ của truyền thống văn hóa dân tộc cũng như tư tưởng và văn hóa nhân loại để tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, tạo nên hệ thống tư tưởng của mình và lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Trong Đường Kách mệnh, khi phân tích các chủ nghĩa, học thuyết, Người viết: “*Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin*”¹.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể nước ta.

Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận Mác – Lênin, rất xa với những gì giáo điều, kinh viện. Người coi việc học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, trước hết phải nắm vững cái cốt lõi, “linh hồn sống” của nó là phương pháp biện chứng, phải học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác-Lênin; học tập lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế. Người luôn quan niệm không nên xem chủ nghĩa Mác-Lênin là cái gì đó xong xuôi và chủ trương phải vận dụng, phát triển. Theo Người, chủ nghĩa Mác – Lênin là để phụng sự cho cách mạng, cho Tổ quốc và nhân dân. Hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, phụng sự

1 Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, Tập 2, tr.289.

Tổ quốc, bất kỳ việc to, việc nhỏ đều nhằm mục đích ấy. Nếu không hết lòng, hết sức phụng sự nhân dân, tự kiêu, tự đại, tự tư, tự lợi, như thế là trái với chủ nghĩa Mác-Lênin. Chủ nghĩa Mác-Lênin không chỉ là lý trí mà còn là tình cảm nữa. “Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin được”. Quan điểm này của Người cho thấy chủ nghĩa Mác-Lênin là soi chỉ đỏ xuyên suốt cuộc đời Người, định hướng suy nghĩ và hành động của Người.

Con đường và phương pháp tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin của Hồ Chí Minh.

Trước khi đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, Nguyễn Tất Thành đã được trang bị một vốn học vấn chắc chắn, một năng lực trí tuệ sắc sảo, một nhân cách đạo đức tốt đẹp, vốn chính trị và vốn sống thực tiễn phong phú.

Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác-Lênin từ lập trường yêu nước và khát vọng giải phóng dân tộc. Khác với nhiều trí thức tư sản phương Tây đến với chủ nghĩa Mác-Lênin chủ yếu như đến với một học thuyết, nhằm giải quyết những vấn đề về tư duy hơn là hành động, Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác-Lênin là để tìm kim chỉ nam cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc, tức là từ nhu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Người chia sẻ: Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba.

Nguyễn Ái Quốc đã tiếp thu lý luận Mác-Lênin theo nhận thức xácxít, đồng thời theo lối “đắc ý, vong ngôn” của phương Đông, cốt nắm lấy cái tinh thần, cái bản chất chứ không tự trói buộc trong cái vỏ ngôn từ. Người vận dụng lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin để tự tìm ra những chủ trương, giải pháp, đối sách phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể, từng thời kỳ cụ thể của cách mạng Việt Nam chứ không đi tìm những kết luận có sẵn trong sách vở kinh điển.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự kết hợp giữa truyền thống văn hóa Việt Nam và tinh hoa văn hóa nhân loại với chủ nghĩa Mác-Lênin; lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng lý luận, phương pháp luận. Do đó, có thể khẳng định: Tư tưởng Hồ Chí Minh nằm trong hệ tư tưởng Mác-Lênin và chủ nghĩa Mác-Lênin là nguồn gốc chủ yếu nhất hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh

3.1. Phẩm chất Hồ Chí Minh

Tư tưởng bao giờ cũng là sản phẩm của con người, là mặt hoạt động tinh thần, ý thức của con người, do con người sáng tạo trên cơ sở những nhân tố khách quan. Do đó tư tưởng còn phụ thuộc vào các yếu tố của nhân cách, phẩm chất tinh thần con người đã sản sinh ra nó như tư chất, tính cách, bản lĩnh, phẩm chất tư duy,...

Hồ Chí Minh là một con người có một phẩm chất cá nhân hết sức tiêu biểu:

Thứ nhất, Người là một con người sống có hoài bão, có lý tưởng yêu nước thương dân sâu sắc, nhất là đối với những người cùng khổ bị áp bức bóc lột; có bản lĩnh kiên định, có khí tiết kiên cường trong đấu tranh thực hiện mục tiêu, lý tưởng đã lựa chọn.

Thứ hai, Người là một con người đặc biệt thông minh, sắc sảo, nhạy bén với cái mới, ham học hỏi; có tư duy độc lập sáng tạo; có trí tuệ uyên bác, kiến thức sâu rộng; biết nhiều ngoại ngữ, do đó có điều kiện tiếp xúc với văn hóa của nhiều dân tộc.

Thứ ba, Người là một con người có lòng tin mãnh liệt ở nhân dân; có ý chí, nghị lực phi thường; có đầu óc thực tiễn, thiết thực cụ thể, lý luận gắn liền với thực tiễn, nói đi đôi với làm.

Thứ tư, Người là một con người mẫu mực về đạo đức cách mạng; tác phong bình dị, chân tình, khiêm tốn, gần gũi, hòa mình với quần chúng; có sức cảm hóa lớn đối với mọi người.

Những phẩm chất ấy được phát huy trong suốt cuộc đời hoạt động của Người. Nhờ vậy, giữa vô vàn lý thuyết, học thuyết khác nhau, đối lập nhau, đúng và sai, thật và giả đan xen lẫn lộn, trong khi nhiều chí sĩ cách mạng từ Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng đến Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường... không phát hiện ở đâu là quy luật, là chân lý thì chính Hồ Chí Minh đã tìm ra được mục tiêu, lý tưởng cách mạng đúng đắn và con đường để đi đến mục tiêu, lý tưởng ấy. Giữa thực tiễn vô cùng sinh động, phức tạp, với bao tình huống khó khăn, bao sóng gió thử thách, có khi đe dọa cả cuộc sống và sinh mệnh chính trị của mình, Người vẫn đứng vững, vượt lên, vẫn kiên trì chân lý, có những quyết định đúng đắn và sáng suốt, những hoạt động sáng tạo để biến tư tưởng thành hiện thực.

3.2. Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận

Thực tiễn hoạt động cách mạng là cơ sở quan trọng hình thành tư tưởng của Người

+ Hồ Chí Minh có cuộc sống và hoạt động thực tiễn phong phú.

Trong các nhà hoạt động cách mạng, thật hiếm thấy người nào có cuộc sống và hoạt động thực tiễn đa dạng và phong phú, gắn liền với một thời kỳ lịch sử sôi động trên nửa thế kỷ của dân tộc và thời đại như Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Người đã đi đến nhiều nước ở khắp các châu lục Á, Phi, Mỹ La-tinh để nghiên cứu, xem xét đời sống, nguyện vọng, hoạt động đấu tranh của nhân dân các dân tộc; Người đã sống và lao động thực sự như một người công nhân ở nhiều nước tư bản phát triển để xem xét đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của các tầng lớp nhân dân, để nghiên cứu cách thức tổ chức xã hội và quản lý nhà nước ở đó.

Người cũng đã sống và chứng kiến hai cuộc chiến tranh thế giới với những tổn thất nặng nề, những hy sinh to lớn và những hậu quả lâu dài về mọi mặt của nó.

Người có một thời gian sống, lao động, học tập trên đất nước Liên Xô. Những ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa đã được Người miên tả khá cụ thể, toàn diện trong Nhật ký chìm tàu và đã đưa ra những nhận xét sâu sắc khi so sánh nó với xã hội tư sản Mỹ, Anh, Pháp. Đó chính là vào thời kỳ thắng lợi của Chính sách Kinh tế mới của Lênin khi Người đến Liên Xô lần thứ nhất. Lần thứ hai Người trở lại, Liên Xô đã đạt được những thành tựu to lớn về tập thể hóa nông nghiệp và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, những cũng là thời kỳ diễn ra những vụ “cường bức”, “trấn áp” độc đoán, không phải chỉ trong nội bộ Liên Xô, mà cả đối với các lãnh tụ của phong trào cộng sản quốc tế.

+ Hồ Chí Minh làm nhiều nghề, phụ trách nhiều cương vị.

Đi nhiều nơi, làm nhiều việc, phụ trách nhiều cương vị trong những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau, nhiều năm liền là người đứng đầu Đảng và Nhà nước ta, lãnh đạo nhân dân ta tiến hành đấu tranh cách mạng. Thực tiễn phong phú, sinh động đó đã đem lại cho người vốn sống, vốn kinh nghiệm, vốn hiểu biết phong phú về nhiều mặt. Thực tiễn ấy là cơ sở làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành và phát triển ngày càng phong phú, toàn diện. Nó là kết quả của sự tác động biện chứng giữa nhận thức và

hành động, lý luận và thực tiễn, vì vậy mà ngày càng tiếp cận với chân lý của cuộc sống.

Qua hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh đã tìm ra được quy luật, khái quát nhận thức thành lý luận, vận dụng và kiểm nghiệm để làm sáng tỏ, bổ sung, hoàn thiện.

Như vậy, thực tiễn phong phú của thời đại và bản thân cuộc sống, hoạt động mà Hồ Chí Minh đã từng trải là một nguồn gốc, một cơ sở có ý nghĩa quyết định đối với sự hình thành, phát triển và hoàn thiện của tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cho tư tưởng ấy ngày càng nâng cao tính chất vừa cách mạng, vừa khoa học.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Việc chia sự hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh thành những giai đoạn khác nhau là mặt rất quan trọng trong việc nắm bắt được tiến trình phát triển tư tưởng của Người, để từ đó giúp cho hiểu sâu sắc các mốc phát triển chính, cũng như nắm được nội dung tư tưởng cốt lõi của Người trong từng thời kỳ. Việc phân kỳ quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh cần dựa vào tiêu chí cơ bản là sự chuyển biến về nội dung tư tưởng của Hồ Chí Minh trong từng thời kỳ lịch sử cụ thể. Điều này buộc các nhà nghiên cứu khi phân tích, trình bày các giai đoạn của một tiến trình phát triển nhất quán, hệ thống của tư tưởng Hồ Chí Minh, phải nhận thấy được bước chuyển biến của giai đoạn sau so với giai đoạn trước đó, hay nói cách khác là phải chỉ ra được những điểm mới thể hiện sự phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh qua mỗi giai đoạn hình thành:

1. Thời kỳ từ 5/6/1911 trở về trước: hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng tìm con đường cứu nước mới

Trong thời kỳ này, Nguyễn Sinh Cung đã tiếp thu được truyền thống yêu nước và lòng nhân ái từ gia đình và quê hương đất nước, trước hết là của quê hương Nam Đàn, xứ Nghệ, nơi anh sinh ra, sống tuổi thơ ấu (từ 1890-1895 và 1901-1906) và của Thừa Thiên Huế, nơi anh sống cùng cha là cụ Nguyễn Sinh Sắc, theo học Trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba rồi trường Quốc học Huế (từ 1895 đến 1901 và từ 1906-1909). Tại quê hương, Anh được khai tâm bằng chữ Hán, được hấp thu tinh thần yêu nước bất khuất của các phong trào đấu tranh chống Pháp, cách đối nhân xử thế nhân nghĩa, khí khái, thủy chung của các nhà nho yêu nước. Tại Huế, Anh được học một số kiến thức về tự nhiên và xã hội bước đầu tiếp xúc với nền văn

minh phương Tây, gọi cho anh những suy nghĩ về một hướng đi mới, khác với lớp cha anh.

Đây cũng là thời kỳ bọn thực dân Pháp ra sức đàn áp phong trào yêu nước để củng cố địa vị thống trị của chúng. Anh được thấy cảnh khổ ải, cùng cực của dân phu làm con đường Cửa Rào - Trấn Ninh; thấy được sự đối lập giữa cuộc sống lao động chật vật, nghèo khó của nhân dân với cảnh sống xa hoa, phê phỡn của bọn thực dân Pháp và quan lại Nam triều. Anh đã tham gia và chứng kiến cuộc biểu tình chống sưu thuế của nông dân miền Trung bị đàn áp dã man. Sự thất bại của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX đã cho anh thấy: Muốn cứu được nước, phải tìm ra một con đường cách mạng mới.

Đất nước, quê hương, gia đình đã hình thành nên ở người thanh niên Nguyễn Tất Thành một nhân cách giàu lòng yêu nước, có hoài bão cứu nước, nhân ái, thương người, nhất là người nghèo khổ, thấu hiểu được sức mạnh của ý chí độc lập tự cường của dân tộc. Được quê hương và gia đình trang bị cho một vốn kiến thức uyên thâm về văn hóa phương Đông, những kiến thức bước đầu về văn hóa phương Tây, lại được rèn luyện trong cuộc sống lao động và đấu tranh, mang nỗi đau của người dân mất nước, với một ý chí nghị lực phi thường, Anh đã quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước. Có thể nói những phẩm chất và trí tuệ được hình thành trong thời kỳ này là hành trang tư tưởng mà Nguyễn Tất Thành mang theo khi rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước.

2. Thời kỳ từ ngày 6-6-1911 đến 30-12-1920: hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản

Để thực hiện hoài bão của mình, Anh đã đi và sống ở nhiều nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ La Tinh, đã tận mắt thấy cuộc sống cùng cực, bị bóc lột, bị đàn áp của các dân tộc thuộc địa và cũng đã trực tiếp tìm hiểu đời sống của các nước tư bản phát triển, tự xưng là văn minh. Đầu tiên, Anh đã đến Pháp (1911), tiếp đó sống ở Mỹ (1912-1913), ở Anh (1913-1917) và lâu nhất là lần thứ hai, Anh trở lại Pháp, sống ở thủ đô Paris, một trung tâm chính trị - văn hóa của Pháp và châu Âu (1917 – 1923). Ở Pháp, Anh tham gia “Hội những người Việt Nam yêu nước”, vào Đảng Xã hội Pháp - đảng của giai cấp công nhân Pháp lúc bấy giờ, Anh tiếp xúc và là bạn của nhiều nhà hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa nổi tiếng của Pháp và châu Âu.

Năm 1919, Anh cùng với một số nhà yêu nước Việt Nam thảo ra yêu sách 8 điểm ký tên Nguyễn Ái Quốc gửi Hội nghị Vécxây đòi quyền tự do dân chủ cho người Việt Nam. Bản yêu sách không được Hội nghị xem xét nhưng đã gây một tiếng vang lớn trong phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cách mạng Việt Nam. Qua sự kiện này, Nguyễn Ái Quốc càng thấy rõ trò bịp bợm của chủ nghĩa Uynxon và đi tới kết luận: các dân tộc muốn được giải phóng chỉ có thể dựa vào sức của bản thân mình.

Thực tiễn cuộc sống, hoạt động và đấu tranh phong phú đó đã đưa Anh đến những nhận thức mới:

Thứ nhất, ở các thuộc địa, đâu đâu người lao động cũng bị chủ nghĩa thực dân đế quốc dày ải trong tủi nhục, đói nghèo, bị bóc lột, đàn áp dã man và ở đâu các dân tộc bị áp bức cũng đều có khát vọng đấu tranh đòi giải phóng. Ý thức quốc tế ở Nguyễn Ái Quốc được hình thành từ đó.

Thứ hai, ở các nước tư bản phát triển, tự xưng là văn minh, Anh thấy cũng có hai loại người: tầng lớp trên sống hết sức xa hoa, thừa thãi, còn đa số nhân dân lao động phải sống cuộc đời nghèo khổ, bần hàn. Chính do sự thông cảm, yêu thương những người cùng khổ và lòng căm ghét bọn tư bản, đế quốc, thực dân mà tình cảm và ý thức giai cấp ở Nguyễn Ái Quốc từng bước được nảy nở.

Nhờ những nhận thức rút ra từ thực tiễn gần mười năm lăn lộn tìm đường cứu nước nên vào năm 1920 khi đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin đăng trên báo L'Humanité, Nguyễn Ái Quốc tìm thấy ở Luận cương những lời giải đáp đầy thuyết phục cho các câu hỏi mình đang nung nấu và tìm tòi. Có thể nói, đến đây Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước: con đường giải phóng dân tộc gắn với cách mạng vô sản, đi theo con đường của cách mạng vô sản.

Tại đại hội Đảng Xã hội Pháp lần thứ XVIII (12/1920) họp ở Tua, Người đã biểu quyết đứng về phía Quốc tế III, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Như vậy, trải qua 10 năm tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Lênin, từ một thanh niên Việt Nam yêu nước trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đây là một bước nhảy vọt lớn trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, một sự chuyển biến về chất, kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

3. Thời kỳ từ ngày 21-12-1920 đến ngày 3-2-1930: hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

Thời kỳ này nổi lên mấy sự kiện lớn:

1920 – 1923: Nguyễn Ái Quốc hoạt động với cương vị Trưởng Tiểu ban Đông Dương trong Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, tham dự Đại hội I và II Đảng Cộng sản Pháp. Trong các Đại hội này Người đã phê bình Đảng Cộng sản Pháp chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề thuộc địa.

Cùng với những nhà hoạt động cách mạng của ácc thuộc địa Pháp, Nguyễn Ái Quốc thành lập “Hội Liên hiệp thuộc địa” và xuất bản báo Le Paria (Người cùng khổ) mà người là chủ nhiệm kiêm chủ bút. Đây là lần đầu tiên tư tưởng đoàn kết quốc tế của Người được thể hiện ra bằng tổ chức. Tờ báo của các dân tộc thuộc địa đấu tranh giành độc lập tự do lại không lấy tên là “giải phóng” hay “độc lập” mà lấy tên là “Người cùng khổ” và trong Lời kêu gọi đăng ở số báo đầu tiên, Người nói rõ mục đích của tờ báo là đấu tranh để “giải phóng con người”. Điều này chứng tỏ tư tưởng giải phóng con người xuất hiện rất sớm và sâu sắc ở Nguyễn Ái Quốc.

1923 – 1924: Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô, lúc đầu để tham dự Hội nghị Quốc tế Nông dân và được bầu vào Đoàn Chủ tịch, được tham quan triển lãm kinh tế quốc dân Liên Xô, tận mắt chứng kiến những thành tựu về mọi mặt của nhân dân Liên Xô; sau đó vào học lớp bồi dưỡng tại Trường đại học Phương Đông. Năm 1924, Người tham dự Đại hội V Quốc tế cộng sản và các Đại hội Quốc tế Thanh niên, Quốc tế Cứu tế đỏ, Quốc tế Công hội đỏ. Thời gian ở Liên Xô tuy ngắn nhưng vào lúc Liên Xô đang thực hiện chính sách Kinh tế mới và đạt được nhiều thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội, đã để lại trong Người những ấn tượng rất sâu sắc. Người đã viết Nhật ký chìm tàu để ca ngợi, khẳng định sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô.

Trong thời gian hoạt động ở Quốc tế Cộng sản, Người đã phát biểu nhiều ý kiến sâu sắc về tầm quan trọng chiến lược của cách mạng ở các nước thuộc địa, đã phê bình mạnh mẽ Đảng Cộng sản Pháp và các Đảng Cộng sản ở những nước có thuộc địa chưa quan tâm đúng mức đến các mạng ở thuộc địa. Người vạch rõ tình cảnh của giai cấp công nhân, nông dân ở các thuộc địa đang chết dần, chết mòn vì đói rét, bệnh tật và kêu gọi Quốc tế Cộng sản giúp đỡ họ tổ chức lại, “chỉ cho họ con đường đi tới cách

mạng và giải phóng”. Tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp của Nguyễn Ái quốc được xuất bản ở Pháp cuối năm 1925 đã tố cáo mạnh mẽ tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp, nêu rõ nỗi thống khổ và sức mạnh của nhân dân các nước thuộc địa.

Cuối năm 1924, Nguyễn Ái quốc tới Quảng Châu (Trung Quốc). Được sự ủy nhiệm của Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân, Nguyễn Ái Quốc tham gia chỉ đạo phong trào cách mạng và phong trào nông dân ở Trung Quốc và một số nước châu Á.

Tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc sáng lập “Hội Việt Nam cách mạng thanh niên”, ra báo Thanh niên và mở lớp huấn luyện trực tiếp đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Những bài giảng của Người tại lớp huấn luyện được tập hợp thành cuốn sách Đường Kách mệnh (1927). Tác phẩm đã trình bày một cách ngắn gọn, dễ hiểu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam. Người đã lựa chọn những học viên ưu tú, cử đi học ở Trường đại học Phương Đông (Liên Xô) và Trường quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc) nhằm đào tạo cán bộ lãnh đạo cho cách mạng Việt Nam sau này.

Năm 1930, phong trào cách mạng Việt Nam phát triển mau chóng, hình thành ở trong nước ba tổ chức cộng sản. Một yêu cầu khách quan là phải thống nhất các tổ chức cộng sản đó lại. Theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, từ ngày 3/2 đến ngày 7/2 năm 1930, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị hợp nhất. Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt do Người khởi thảo và đề nghị lấy tên Đảng là “Đảng Cộng sản Việt Nam” đã được Hội nghị nhất trí thông qua. với những văn kiện này, tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt nam đã được hình thành về cơ bản và trở thành cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta.

4. Thời kỳ từ ngày 4-2-1930 đến 28-1-1941: vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo

Nguyễn Ái quốc là một cán bộ có uy tín của Quốc tế Cộng sản, nhất là về những vấn đề cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông. Nhưng sau khi thoát khỏi nhà tù Hồng Kông, trở lại Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc liên tiếp được cử đi học và không được giao nhiệm vụ gì. Ngày 6/6/1938, Nguyễn Ái Quốc viết thư cho một đồng chí trong Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản bày tỏ tâm trạng và nguyện vọng được về nước hoạt động. Do tình hình thay đổi, yêu cầu của Nguyễn Ái Quốc đã

được chấp thuận. Phòng Tổ chức cán bộ của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, nơi Nguyễn Ái Quốc công tác đã ra quyết định số 19, từ ngày 29/9/1938 Người rời khỏi biên chế của Viện để về nước hoạt động.

5. Thời kỳ từ ngày 19-1-1941 đến ngày 2-9-1960: tư tưởng hồ chí minh tiếp tục phát triển, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của đảng và nhân dân ta

Thời kỳ này, tư tưởng của Người và đường lối của Đảng là thống nhất và có những bước phát triển mới, toàn diện, hoàn chỉnh, đáp ứng những yêu cầu mới của cách mạng Việt Nam, có thể chia làm hai giai đoạn:

Giai đoạn chuẩn bị khởi nghĩa và Tổng khởi nghĩa giành chính quyền (1941 – 1945)

Sau hơn 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, trước yêu cầu mới của tình hình, tháng 1/1941, Người vượt biên giới Việt – Trung về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Tháng 5/1941, Người chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ Tám (5/1941). Hội nghị đã đánh giá những chuyển biến mới của tình hình và đưa ra nhận định hết sức quan trọng, đúng đắn về mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp: “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”. Hội nghị đã dứt khoát khẳng định sự chuyển hướng chiến lược: Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc cao hơn hết, là nhiệm vụ trước tiên, tạm gác nhiệm vụ cách mạng điền địa lại.

Từ đó, Hội nghị đề ra chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, lấy tên là “Việt Nam độc lập đồng minh”, gọi tắt là “Mặt trận Việt Minh”, nhằm đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng yêu nước, chống đế quốc giành độc lập cho dân tộc, không phân biệt giai cấp, dân tộc, tôn giáo... để chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong cả nước. Hồ Chí Minh cùng với Đảng ta đã nhạy bén, sáng suốt phân tích tình hình thế giới, trong nước, nắm bắt và tận dụng thời cơ, đã kịp thời phát động Tổng khởi nghĩa, một cuộc tổng khởi nghĩa của toàn dân chưa từng có trong lịch sử, đưa đến thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình trịnh trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng

hòa – Nhà nước do nhân dân làm chủ đầu tiên ở Đông Nam Á. Bản Tuyên ngôn cũng đã phát triển tư tưởng nhân quyền, dân quyền, đi đến khẳng định quyền tự do và độc lập của các dân tộc và nói lên ý chí của toàn dân quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy.

Thắng lợi của cách mạng tháng Tám là thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp 15 năm tranh đấu liên tục của Đảng, là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.

Giai đoạn tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, vừa kháng chiến vừa kiến quốc (1945 – 1969)

Sau khi giành được độc lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng trước những khó khăn chồng chất, giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm khiến vận mệnh đất nước có lúc như “ngàn cân treo sợi tóc”. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng ta, một mặt lãnh đạo đồng bào Nam Bộ kháng chiến, mặt khác ra sức củng cố và phát triển Đảng, củng cố chính quyền non trẻ, gấp rút phát triển lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang nhân dân, kêu gọi nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất để chống giặc đói, phát động phong trào chống nạn mù chữ nhằm diệt giặc dốt. Những tư tưởng của Người về kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, về chiến tranh nhân dân, về kháng chiến đi đôi với kiến quốc... đã trở thành cơ sở cho đường lối kháng chiến của Đảng ta.

Năm 1951, do yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để đẩy mạnh kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng ta quyết định triệu tập Đại hội Toàn quốc lần thứ II của Đảng, đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi là Đảng Lao động Việt Nam, đồng thời giúp Lào và Campuchia thành lập đảng riêng để lãnh đạo cách mạng mỗi nước. Đại hội đã thông qua cương lĩnh mới, điều lệ mới, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa cách mạng dân tộc và cách mạng dân chủ, do đó đã động viên được toàn dân đẩy mạnh kháng chiến, đưa đến chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử, đánh bại chủ nghĩa thực dân Pháp, mở đầu cho sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới.

Theo Hiệp định Giơnevơ, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, nước ta tạm bị chia cắt làm hai miền, sau hai năm sẽ tiến hành Tổng tuyển cử để hòa bình thống nhất Tổ quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta nắm vững bản chất của chủ nghĩa đế quốc, đã sớm xác định kẻ thù chính của cách

mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là chủ nghĩa đế quốc Mỹ, nêu rõ cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Trước lúc tạ thế, Người đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta bản Di chúc thiêng liêng nói lên tình sâu nghĩa nặng của Người đối với nước, với dân; nói lên niềm tin tất thắng ở sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước; đề ra những phương sách lớn để xây dựng lại đất nước sau chiến tranh nhằm thực hiện mục tiêu: “Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”.

Như vậy, từ Hội nghị Trung ương Tám lịch sử đến Cách mạng tháng Tám thành công, tiếp đó là cuộc kháng chiến chống Pháp, rồi đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam thắng lợi, tư tưởng Hồ Chí Minh đã có những bước phát triển mới, hoàn chỉnh và có hệ thống cả về cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân và từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Đối với cách mạng Việt Nam

Giá trị đối với dân tộc Việt Nam của tư tưởng Hồ Chí Minh được khẳng định thông qua thực tiễn lịch sử đã dẫn dắt cách mạng Việt Nam đến những thắng lợi quyết định sự tồn tại và phát triển của dân tộc ta trong thế kỷ XX: giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc và đưa vào sự nghiệp đổi mới đưa dân tộc ta từng bước tiến kịp sự phát triển chung của nhân loại và ngày càng khẳng định vị thế của mình trên thế giới.

Ngày nay, trong tiến trình đổi mới của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở nước ta, tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục dẫn dắt Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới vĩ đại đó. Sự ghi nhận đó được thể hiện trong Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”.

Trên thực tế, đường lối đúng đắn và sự nghiệp đổi mới thành công chính là nhờ nhận thức và hành động đúng đắn của Đảng và nhân dân ta theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện lịch sử mới của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Giá trị nền tảng và kim

chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh càng được sáng tỏ cho dù có sự vận động với những biến đổi khó lường của quan hệ quốc tế đang đặt các trước các dân tộc nhỏ và toàn nhân loại tiến bộ.

2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại

Kết tinh và mang trong nội dung những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc nhân loại và nhằm cải biến thực tiễn của xã hội Việt Nam và của nhân loại, tư tưởng Hồ Chí Minh từ trong nguồn gốc của nó đã thấm đậm giá trị chung của nhân loại. Mặt khác, tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm vào mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội để giải phóng triệt để đối với con người, xây dựng một thế giới hòa bình trong đó là sự bình đẳng và hữu nghị giữa các dân tộc, do đó, tư tưởng Hồ Chí Minh có vai trò tác động mạnh mẽ theo xu thế tiến hóa, phát triển của nhân loại và xu thế chung của thời đại ngày nay. Bởi vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh có giá trị thúc đẩy sự tiến hóa của nhân loại theo hướng tiến bộ, văn minh. Điều đó khẳng định giá trị nhân loại của tư tưởng Hồ Chí Minh. Và cũng chính điều này làm sáng tỏ và khẳng định tầm vóc vĩ nhân của Hồ Chí Minh đối với lịch sử Việt Nam và nhân loại về cả tư tưởng và hoạt động thực tiễn.

Tư tưởng Hồ Chí Minh, với thực chứng là những thắng lợi trong công cuộc giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội bằng sự nghiệp xây dựng xã hội mới, tiến bộ và văn minh ở Việt Nam có giá trị thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ, tiến bộ xã hội, thúc đẩy phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân xâm lược, chống chiến tranh và sự bất bình đẳng dân tộc, xã hội trên thế giới. Dưới tác động và sự cổ vũ của tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân loại, đặc biệt là các dân tộc bị áp bức, trong thế kỷ XX đã quyết tâm biến thế kỷ này trở thành thế kỷ phi thực dân hóa với việc các nước thuộc địa đã giành được độc lập và trở thành đất nước tự do bằng cách loại bỏ hòn đá cản trở con đường tiến hóa của nhân loại là chủ nghĩa thực dân. Chính vì vậy, Nghị quyết 24C/18.6.5 về kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định Người đã “để lại dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại” và là một biểu tượng xuất sắc về sự tự khẳng định dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt

Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”¹

Cho dù thế giới, trong các mối quan hệ của nó, có những diễn biến phức tạp, nhưng chiều hướng chung của nhân loại vẫn phát triển theo mục tiêu giải phóng con người. Chính vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn cổ vũ nhân loại trong đấu tranh cho mục tiêu nhân văn đó và mãi có tác động to lớn đối với lịch sử tiến hóa của nhân loại.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích cơ sở hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Phân tích quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018.
2. Bộ Giáo dục và đào tạo: *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, theo Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về *Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về lý luận chính trị* (<https://moet.gov.vn/van-ban/vbdh/Pages/chi-tiet-van-ban.aspx?ItemID=2729>), Hà Nội, 2019.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

¹ UNESCO với sự kiện tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh-Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất. Nxb CTQG.H. 1990, tr 102-103

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP CHƯƠNG 2

Câu 1. Cơ sở khách quan hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh là:

- a. Cơ sở thực tiễn: Bối cảnh thế giới và Việt Nam
- b. Các tiền đề tư tưởng – lý luận
- c. Cả a và b
- d. Tất cả đều sai

Câu 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành trong bối cảnh:

- a. Việt Nam là quốc gia độc lập, phát triển.
- b. Việt Nam là quốc gia nghèo nàn, lạc hậu
- c. Việt Nam là quốc gia bị xâm lược và thống trị
- d. Cả b và c

Câu 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành trong bối cảnh các phong trào yêu nước chống ngoại xâm:

- a. Thành công
- b. Thất bại
- c. Thắng lợi
- d. Ra đời

Câu 4. Yếu tố nào đứng đầu bảng giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam?

- a. Chủ nghĩa yêu nước
- b. Chủ nghĩa Mác – Lênin
- c. Chủ nghĩa Tam dân
- d. Chủ nghĩa xã hội

Câu 5. “Lúc đầu, chính, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Lòng yêu nước
- b. Truyền thống yêu nước
- c. Chủ nghĩa yêu nước
- d. Tinh thần yêu nước

Câu 6. Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh là “sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý tưởng độc lập tự do với lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa; giữa nông nân với chân chính”.

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Chủ nghĩa yêu nước; tinh thần quốc tế vô sản
- b. Tinh thần quốc tế vô sản; chủ nghĩa yêu nước
- c. Lòng yêu nước; chủ nghĩa quốc tế vô sản
- d. Chủ nghĩa quốc tế vô sản; lòng yêu nước

Câu 7. Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình:

- a. Nhà chính trị
- b. Nhà kinh doanh
- c. Nhà nho
- d. Tất cả đều đúng

Câu 8. Ông nội của Chủ tịch Hồ Chí Minh là:

- a. Nguyễn Sinh Sắc
- b. Nguyễn Sinh Khiêm
- c. Nguyễn Sinh Thuyết
- d. Nguyễn Sinh Nhậm

Câu 9. Bà nội của Chủ tịch Hồ Chí Minh là:

- a. Hà Thị Hy
- b. Hà Thị Hinh
- c. Hà Thị Loan
- d. Hà Thị Thanh

Câu 10. Ông ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh là:

- a. Nguyễn Sinh Thuyết
- b. Hoàng Xuân Đường
- c. Nguyễn Xuân Đường
- d. Hoàng Xuân An

Câu 11. Bà ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh là:

- a. Nguyễn Thị Kép
- b. Hoàng Thị Kép
- c. Nguyễn Sinh Kép

d. Hoàng Xuân Kép

Câu 12. Chị gái của Chủ tịch Hồ Chí Minh là:

a. Nguyễn Thị Khiêm

b. Hoàng Thị Thanh

c. Nguyễn Thị Thanh

d. Nguyễn Sinh Thanh

Câu 13. Anh trai của Chủ tịch Hồ Chí Minh là:

a. Nguyễn Văn Khiêm

b. Hoàng Văn Khiêm

c. Nguyễn Sinh Khiêm

d. Hoàng Sinh Khiêm

Câu 14. Ông ngoại Chủ tịch Hồ Chí Minh làm nghề:

a. Làm quan

b. Dạy học

c. Buôn bán

d. Làm thuê

Câu 15. Thân sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh có học vị cao nhất là:

a. Cử nhân

b. Tiến sĩ

c. Thạc sĩ

d. Phó bảng

Câu 16. Hồ Chí Minh quan niệm Nho giáo là:

a. Khoa học về đạo đức và phép ứng xử

b. Khoa học về kinh tế và phép kinh doanh

c. Khoa học về pháp lý và phép xử án

d. Khoa học về văn hóa và phép giao tiếp

Câu 17. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “làm theo của Đức Phật Thích Ca, kháng chiến để đưa giống nòi ra khỏi cái khổ ải nô lệ”

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

a. Lòng thương người

b. Lòng từ bi

- c. Lòng nhân hậu
- d. Lòng yêu nước

Câu 18. Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn có nội dung chính là:

- a. Dân tộc độc lập
- b. Dân quyền tự do
- c. Dân sinh hạnh phúc
- d. Cả a, b, c

Câu 19. Khẩu hiệu của Đại cách mạng Pháp thu hút sự chú ý của Nguyễn Tất Thành là:

- a. Tự do – Bình đẳng – Yêu thương
- b. Bình đẳng – Yêu thương – Tự do
- c. Tự do – Bình đẳng – Bác ái
- d. Bác ái – Tự do – Bình đẳng

Câu 20. “Tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai. Ấy là vì là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi”

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Cách mệnh Mỹ
- b. Cách mệnh Pháp
- c. Cách mệnh Anh
- d. Cách mệnh Đức

Câu 21. “Tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai. Ấy là vì cách mệnh Mỹ là, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi”

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Cách mệnh vô sản
- b. Cách mệnh tư bản
- c. Cách mệnh phong kiến
- d. Cách mệnh dân tộc

Câu 22. “..... cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ,

kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa”

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Cách mệnh Nga
- b. Cách mệnh Hà Lan
- c. Cách mệnh Pháp
- d. Cách mệnh Trung Quốc

Câu 23. “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục, ngoài thì nó áp bức”

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Nông dân; dân tộc
- b. Công nhân; nước khác
- c. Tư sản; giai cấp
- d. Công nông; thuộc địa

Câu 24. “.....đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái “cầm nang” thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản”

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Chủ nghĩa Tam dân
- b. Chủ nghĩa Mác
- c. Chủ nghĩa Mác - Lênin
- d. Chủ nghĩa yêu nước

Câu 25. “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là”

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Chủ nghĩa Mác
- b. Chủ nghĩa Lênin
- c. Chủ nghĩa Mác - Lênin

d. Chủ nghĩa xã hội

Câu 26. “phải học tập của chủ nghĩa Mác-Lênin; học tập lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng của chúng ta”

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Cốt lõi
- b. Nội dung cơ bản
- c. Tinh thần
- d. Ý chính

Câu 27. “Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin được”

Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Không có tình có nghĩa
- b. Có tình có nghĩa
- c. Có hiểu biết
- d. Không có hiểu biết

Câu 28. “Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”

Nguyễn Ái Quốc nói điều này sau khi đọc tác phẩm nào?

- a. Bản án chế độ thực dân Pháp
- b. Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa
- c. Tư bản
- d. Làm gì

Câu 29. Ai là tác giả của tác phẩm “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa”?

- a. C. Mác
- b. Ph. Ăngghen
- c. V.I. Lênin
- d. Hồ Chí Minh

Câu 30. Hồ Chí Minh bắt đầu ra đi tìm đường cứu nước vào thời gian nào?

- a. 5/6/1911
- b. 6/5/1911
- c. 5/6/1921
- d. 6/5/1921

Câu 31. Hồ Chí Minh rời Việt Nam, ra đi tìm đường cứu nước ở đâu?

- a. Bến Thủy, Nghệ An
- b. Bến Ninh Kiều, Cần Thơ
- c. Bến Tre
- d. Bến Nhà Rồng, Sài Gòn

Câu 32. Khi xuống tàu, rời quê hương, ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh lấy tên gì?

- a. Nguyễn Tất Thành
- b. Nguyễn Sinh Cung
- c. Văn Ba
- d. Nguyễn Ái Quốc

Câu 33. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp vào thời gian nào?

- a. 1919
- b. 1920
- c. 1921
- d. 1922

Câu 34. Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên vào thời gian nào?

- a. 1920
- b. 1925
- c. 1927
- d. 1930

Câu 35. Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên?

- a. Tham dự Đại hội Tua, sáng lập Đảng Cộng sản Pháp
- b. Tham dự Đại hội Pari, sáng lập Đảng Xã hội Pháp
- c. Tham dự Đại hội Berlin, sáng lập Đảng Cộng sản Đức

d. Tham dự Đại hội sáng lập Quốc tế Cộng sản

Câu 36. Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc cho ra đời tác phẩm:

- a. Đời sống mới
- b. Đường cách mệnh
- c. Đạo đức cách mạng
- d. Bản án chế độ thực dân Pháp

Câu 37. Tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp ra đời năm:

- a. 1925
- b. 1926
- c. 1927
- d. 1928

Câu 38. Năm 1927, Nguyễn Ái Quốc cho ra đời tác phẩm:

- a. Bản án chế độ thực dân Pháp
- b. Đường cách mệnh
- c. Tuyên ngôn độc lập
- d. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến

Câu 39. Tác phẩm Đường cách mệnh được biên soạn từ:

- a. Những bài viết báo
- b. Những bài phát triển
- c. Bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại lớp huấn luyện cán bộ ở Quảng Châu
- d. Những bài thơ

Câu 40. Nguyễn Ái Quốc sáng lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên vào năm:

- a. 1922
- b. 1923
- c. 1924
- d. 1925

Câu 41. Sự kiện nào đánh dấu tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam hình thành cơ bản?

- a. Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam và thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930)
- b. Sáng lập Đảng Cộng sản Pháp

- c. Sáng lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên
- d. Đọc Tuyên ngôn độc lập

Câu 42. Hồ Chí Minh gặp những khó khăn, thử thách và sự kiên định của Người về con đường cách mạng Việt Nam diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- a. 1925 – 1935
- b. 1930 – 1941
- c. 1935 – 1945
- d. 1911 – 1930

Câu 43. Sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về nước vào thời gian nào?

- a. 26/01/1941
- b. 27/01/1941
- c. 28/01/1941
- d. 29/01/1941

Câu 44. Tháng 5 năm 1941, Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị:

- a. Trung ương 5
- b. Trung ương 6
- c. Trung ương 7
- d. Trung ương 8

Câu 45. Tháng 5 năm 1941, Hồ Chí Minh lãnh đạo thành lập tổ chức:

- a. Việt Nam độc lập đồng minh
- b. Việt Nam tự do đồng minh
- c. Việt Nam yêu nước đồng minh
- d. Việt Nam dân chủ đồng minh

Câu 46. Mặt trận Việt Minh là tên gọi tắt của tổ chức:

- a. Việt Nam yêu nước đồng minh
- b. Việt Nam tự do đồng minh
- c. Việt Nam độc lập đồng minh
- d. Việt Nam dân chủ đồng minh

Câu 47. “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề , không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân

tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được” Điền cụm từ đúng vào chỗ trống

- a. Giai cấp giải phóng
- b. Dân tộc giải phóng
- c. Xã hội giải phóng
- d. Thế giới giải phóng

Câu 48. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng (lần đầu tiên) trong sự kiện nào?

- a. Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ II (1951)
- b. Đại hội đại biểu Đảng Lao động Việt Nam lần thứ III (1960)
- c. Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IV (1976)
- d. Hội nghị Trung ương 8 (1941)

Câu 49. “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” được nói đến trong tác phẩm nào?

- a. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến
- b. Tuyên ngôn độc lập
- c. Nhật ký trong tù
- d. Lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước

Câu 50. Tư tưởng Hồ Chí Minh là:

- a. Nền tảng tư tưởng của toàn Đảng và toàn dân tộc ta
- b. Kim chỉ nam cho hành động của toàn Đảng và toàn dân tộc ta
- c. Cả a và b
- d. Tất cả đều sai

Chương 3

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Mục tiêu chương 3

Về kiến thức: Giúp sinh viên nhận thức được bản chất khoa học, cách mạng và những sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; nắm được tính quy luật của cách mạng Việt Nam: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Về kỹ năng: Giúp cho sinh viên có khả năng nhận diện và phân bác được những luận điểm xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Về tư tưởng: Làm cho sinh viên thêm tự hào về sức mạnh của dân tộc, tin tưởng sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC

1. Vấn đề độc lập dân tộc

a. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc

Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam từ ngàn xưa đến nay gắn liền với truyền thống yêu nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Điều đó nói lên một khát khao to lớn của dân tộc ta là, luôn mong muốn có được một nền độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân và đó cũng là một giá trị tinh thần thiêng liêng, bất hủ của dân tộc mà Hồ Chí Minh là hiện thân cho tinh thần ấy. Người nói rằng: Cái mà tôi cần nhất trên đời là đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập.

Nhân cơ hội các nước đồng minh thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất họp Hội nghị ở Vécxây (Pháp) năm 1919 mà ở đó Tổng thống Mỹ V. Wilson (Uynxon) đã kêu gọi trao quyền tự quyết cho các dân tộc trên thế giới, thay mặt nhóm những người yêu nước Việt Nam tại Pháp, Hồ Chí Minh đã gửi tới Hội nghị bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, với hai nội dung chính là đòi quyền bình đẳng về mặt pháp lý và đòi các quyền tự do, dân chủ. Bản yêu sách không được Hội nghị chấp nhận nhưng qua sự kiện trên cho thấy lần đầu tiên, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền của các dân tộc thuộc địa mà trước hết là quyền bình đẳng và tự do đã hình thành. Căn cứ vào những quyền tự do, bình đẳng và quyền con người - “những

quyền mà không ai có thể xâm phạm được” đã được ghi trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* của cách mạng Mỹ năm 1776, *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791, Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định những giá trị thiêng liêng, bất biến về quyền dân tộc: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do... Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”¹.

Trong *Chính cương vắn tắt của Đảng* năm 1930, Hồ Chí Minh cũng đã xác định mục tiêu chính trị của Đảng là:

- a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến.
- b) Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”².

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, trong *Tuyên ngôn Độc lập*, Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trình trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”³.

Ý chí và quyết tâm trên còn được thể hiện trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Trong thư gửi Liên hợp quốc năm 1946, một lần nữa Hồ Chí Minh khẳng định: “Nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hoà bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước”⁴. Khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam lần thứ hai, trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* ngày 19-12-1946, Người ra lời hiệu triệu, thể hiện quyết tâm sắt đá, bảo vệ cho bằng được nền độc lập dân tộc - giá trị thiêng liêng mà nhân dân Việt Nam mới giành được: “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”⁵.

Năm 1965, đế quốc Mỹ tăng cường mở rộng chiến tranh ở Việt Nam: Ở ạt đưa quân viễn chinh Mỹ, chur hầu vào miền Nam tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và gây chiến tranh phá hoại miền Bắc. Trong hoàn

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.1.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.1.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.3.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.522.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.534.

cảnh khó khăn, chiến tranh ác liệt đó, Hồ Chí Minh đã nêu lên một chân lý thời đại, một tuyên ngôn bất hủ của các dân tộc khao khát nền độc lập, tự do trên thế giới “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”¹. Với tư tưởng trên của Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu, đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, buộc chúng phải ký kết Hiệp định Paris, cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, rút quân Mỹ về nước.

b. Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, hạnh phúc của nhân dân

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải gắn với tự do của nhân dân. Người đánh giá cao học thuyết “Tam dân” của Tôn Trung Sơn về độc lập và tự do: Dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc. Và bằng lý lẽ đầy thuyết phục, trong khi viện dẫn bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791 “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”², Hồ Chí Minh khẳng định dân tộc Việt Nam đương nhiên cũng phải được tự do và bình đẳng về quyền lợi. “Đó là lẽ phải không ai chối cãi được”³. Trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng*, Người cũng đã xác định rõ ràng mục tiêu của đấu tranh của cách mạng là “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập... dân chúng được tự do... thủ tiêu hết các thứ quốc trái... thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo. Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo... thi hành luật ngày làm 8 giờ”⁴. Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công, nước nhà được độc lập và một lần nữa Hồ Chí Minh khẳng định độc lập phải gắn với tự do. Người nói: “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁵.

Độc lập phải gắn với hạnh phúc của nhân dân. Ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trong hoàn cảnh nhân dân đói rét, mù chữ..., Hồ Chí Minh yêu cầu: “Chúng ta phải...

Làm cho dân có ăn.

Làm cho dân có mặc.

Làm cho dân có chỗ ở.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.131.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.1.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.1.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.1,2.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.64.

Làm cho dân có học hành”¹.

Có thể thấy rằng, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, Người luôn coi *độc lập* luôn gắn liền với *tự do*, *hạnh phúc* cho nhân dân, như Người từng bộc bạch đầy tâm huyết: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”².

c. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải là độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để trên tất cả các lĩnh vực. Người nhấn mạnh: Độc lập mà người dân không có quyền tự quyết về ngoại giao, không có quân đội riêng, không có nền tài chính riêng..., thì độc lập đó chẳng có ý nghĩa gì. Trên tinh thần đó và trong hoàn cảnh đất nước ta sau Cách mạng Tháng Tám còn gặp nhiều khó khăn nhất là nạn thù trong giặc ngoài bao vây tứ phía, để bảo vệ nền độc lập thật sự mới giành được, Người đã thay mặt Chính phủ ký với đại diện Chính phủ Pháp *Hiệp định Sơ bộ* ngày 6-3-1946, theo đó: “Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do có Chính phủ của mình, Nghị viện của mình, quân đội của mình, tài chính của mình”³.

d. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ

Sau Cách mạng Tháng Tám, miền Bắc nước ta thì bị quân Tưởng Giới Thạch chiếm đóng, miền Nam thì thực dân Pháp xâm lược. Trong hoàn cảnh đó, trong bức *Thư gửi đồng bào Nam Bộ* (1946), Hồ Chí Minh khẳng định: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết, đất nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền, Hồ Chí Minh tiếp tục kiên trì đấu tranh để thống nhất Tổ quốc. Tháng 2 năm 1958, Người khẳng định: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”. Trong *Di chúc*, Người cũng đã thể hiện niềm tin tuyệt đối vào sự thắng lợi của cách mạng, vào sự thống nhất nước nhà: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”. Có thể khẳng định rằng tư

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.175.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.187.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.583.

tướng độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất Tổ quốc, toàn vẹn lãnh thổ là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

2. Về cách mạng giải phóng dân tộc

a. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

Từ khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược và đặt ách thống trị nước ta, vấn đề sống còn của dân tộc được đặt ra là phải đấu tranh để giải phóng dân tộc khỏi ách thực dân đế quốc. Hàng loạt những phong trào yêu nước đã nổ ra nhưng không thành công, sự thất bại của những phong trào yêu nước trong thời kỳ này đã nói lên sự khủng hoảng, bế tắc về giai cấp lãnh đạo và đường lối cách mạng. Vượt qua tầm nhìn của các bậc tiền bối lúc bấy giờ, Hồ Chí Minh có chí hướng là muốn tìm kiếm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc ở phương Tây, như Người đã nói: “Tôi muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”¹. Nhưng qua tìm hiểu thực tế sau đó, Người quyết định không chọn con đường cách mạng tư sản vì cho rằng: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lột công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hăng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức”².

Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi đã ảnh hưởng sâu sắc tới Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn con đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Người cho rằng: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam... Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin”³.

Năm 1920 sau khi đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Hồ Chí Minh tìm thấy ở

¹ Trần Dân Tiên: Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Nxb Văn học, Hà Nội, 1970, tr.11.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.296.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.304. “Mã Khắc Tư” là cách gọi trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (năm 1927) theo phiên âm Hán - Việt.

đó con đường cứu nước, giải phóng dân tộc: con đường cách mạng vô sản, như sau này Người khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”¹. Đây là con đường cách mạng triệt để nhất phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại. Trong bài *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin*, Người kể lại: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”². Học thuyết cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác - Lênin được Người vận dụng một cách sáng tạo trong điều kiện Việt Nam.

Giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp, trong đó giải phóng dân tộc là trước hết, trên hết. Theo Mác và Ăngghen, con đường cách mạng vô sản ở châu Âu là đi từ giải phóng giai cấp - giải phóng dân tộc - giải phóng xã hội - giải phóng con người. Còn theo Hồ Chí Minh, thì ở Việt Nam và các nước thuộc địa do hoàn cảnh lịch sử - chính trị khác với châu Âu nên phải là: giải phóng dân tộc - giải phóng xã hội - giải phóng giai cấp - giải phóng con người.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng* năm 1930, Hồ Chí Minh đã khẳng định phương hướng chiến lược cách mạng Việt Nam: làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Phương hướng này vừa phù hợp với xu thế phát triển của thời đại vừa hướng tới giải quyết một cách triệt để những yêu cầu khách quan, cụ thể mà cách mạng Việt Nam đặt ra vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Trong văn kiện Đại hội VI Quốc tế cộng sản, khái niệm “cách mạng tư sản dân quyền” không bao hàm đầy đủ nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Còn trong *Chánh cương vắn tắt*, Hồ Chí Minh nêu rõ: Cách mạng tư sản dân quyền trước hết là phải đánh đổ đế quốc và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập... Cũng theo Quốc tế cộng sản, thì hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến phải được thực hiện đồng thời, khăng khít với nhau, nương tựa vào

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.30.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.562.

nhau, nhưng xuất phát từ một nước thuộc địa, Hồ Chí Minh không coi hai nhiệm vụ đó nhất loạt phải thực hiện ngang nhau, mà đặt lên hàng đầu nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc, còn nhiệm vụ chống phong kiến, mang lại ruộng đất cho nông dân thì sẽ từng bước thực hiện. Cho nên trong Chánh cương, Người chỉ nêu “thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công, chia cho dân cày nghèo” mà chưa nêu ra chủ trương “người cày có ruộng”. Đây là nét độc đáo, sáng tạo của Hồ Chí Minh.

b. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng cộng sản lãnh đạo

Về tầm quan trọng của tổ chức Đảng đối với cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ: Đảng cộng sản là nhân tố chủ quan để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Giai cấp công nhân phải tổ chức ra chính đảng, đảng đó phải thuyết phục, giác ngộ và tập hợp đông đảo quần chúng, huấn luyện quần chúng và đưa quần chúng ra đấu tranh. Hồ Chí Minh tiếp thu lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và rất chú trọng đến việc thành lập đảng cộng sản, khẳng định vai trò to lớn của Đảng đối với cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (1927), Người đặt vấn đề: Cách mệnh thì trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công.

Trong hoàn cảnh Việt Nam là một nước thuộc địa - phong kiến, theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản vừa là đội tiên phong của giai cấp công nhân vừa là đội tiên phong của nhân dân lao động kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc. Đó còn là Đảng của cả dân tộc Việt Nam. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội II của Đảng (1951), Người viết: Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam. Đây là một luận điểm quan trọng của Hồ Chí Minh có ý nghĩa bổ sung, phát triển lý luận mácxít về đảng cộng sản.

c. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh công - nông làm nền tảng

Các nhà lý luận kinh điển của chủ nghĩa Mác- Lênin khẳng định rằng: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân; quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo ra lịch sử. V.I.Lênin viết: “Không có sự đồng tình ủng hộ của đại đa số nhân dân lao động đối với đội tiên phong của mình

tức là đối với giai cấp vô sản, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được”¹.

Kế thừa tư tưởng các nhà lý luận nói trên, Hồ Chí Minh quan niệm: Có dân là có tất cả, trên đời này không gì quý bằng dân, được lòng dân thì được tất cả, mất lòng dân thì mất tất cả. Người khẳng định: “Cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”². Người lý giải rằng, dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền. Vậy nên phải tập hợp và đoàn kết toàn dân thì cách mạng mới thành công.

Năm 1930, trong *Sách lược vắn tắt của Đảng*, Hồ Chí Minh xác định lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân: Đảng phải thu phục đại bộ phận giai cấp công nhân, tập hợp đại bộ phận dân cày và phải dựa vào dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng; liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để lôi kéo họ về phía vô sản giai cấp; còn đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít ra cũng làm cho họ trung lập.

Khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam lần thứ hai, Hồ Chí Minh thiết tha kêu gọi mọi người không phân biệt giai, tầng, dân tộc, tôn giáo, đảng phái... đoàn kết đấu tranh chống kẻ thù chung của dân tộc. Trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (12-1946), Người viết: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc”³.

Trong khi xác định lực lượng cách mạng là toàn dân, Hồ Chí Minh lưu ý rằng, không được quên “công nông là chủ cách mệnh... là gốc cách mệnh”⁴. Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người giải thích: Giai cấp công nhân và nông dân là hai giai cấp đông đảo và cách mạng nhất, bị bóc lột nặng nề nhất, vì thế “lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết... công nông là tay không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc”.

d. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

¹ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Maxcova, 1979, t.39, tr.251.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.283.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.534.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.288.

Do chưa đánh giá hết tiềm lực và khả năng to lớn của cách mạng thuộc địa nên Quốc tế Cộng sản có lúc xem nhẹ vai trò của cách mạng thuộc địa, coi cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc. Đại hội VI Quốc tế Cộng sản năm 1928 đã thông qua *Những luận cương về phong trào cách mạng trong các nước thuộc địa và nửa thuộc địa*, trong đó có đoạn viết rằng: Chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng các nước thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến. Quan điểm này có tác động không tốt, làm giảm đi tính chủ động, sáng tạo của nhân dân các nước thuộc địa trong công cuộc đấu tranh chống thực dân, đế quốc, giành độc lập cho dân tộc.

Quan triệt tư tưởng của V.I. Lênin về mối quan hệ chặt chẽ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa, từ rất sớm Hồ Chí Minh chỉ rõ mối quan hệ khăng khít, tác động qua lại lẫn nhau giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc - mối quan hệ bình đẳng, không lệ thuộc, phụ thuộc vào nhau. Năm 1924, tại Đại hội V của Quốc tế Cộng sản, Người nói: “Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa”¹. Trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), Người cũng viết: “Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra”².

Là một người dân thuộc địa, là người cộng sản và là người nghiên cứu rất kỹ về chủ nghĩa đế quốc, Hồ Chí Minh cho rằng: Cách mạng thuộc địa không những không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc mà có thể giành thắng lợi trước. Luận điểm sáng tạo có tính cách mạng và khoa học trên của Hồ Chí Minh dựa trên các cơ sở sau:

- Thuộc địa có một vị trí, vai trò, tầm quan trọng đặc biệt đối với chủ nghĩa đế quốc, là nơi duy trì sự tồn tại, phát triển, là món mồi “béo bở” cho chủ nghĩa đế quốc. Tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản, trong Phiên họp thứ Tám, ngày 23-6-1924, Hồ Chí Minh đã phát biểu đề “thức tỉnh... về

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.295.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.130.

vấn đề thuộc địa”¹. Người cho rằng: “Nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc”²; nếu thờ ơ về vấn đề cách mạng ở thuộc địa thì như “đánh chết rắn đằng đuôi”³.

Tinh thần đấu tranh cách mạng hết sức quyết liệt của các dân tộc thuộc địa, mà theo Người nó sẽ bùng lên mạnh mẽ, hình thành một “lực lượng khổng lồ” khi được tập hợp, hướng dẫn và giác ngộ cách mạng.

Căn cứ vào luận điểm của C.Mác về khả năng tự giải phóng của giai cấp công nhân, trong *Tuyên ngôn của Hội liên hiệp thuộc địa*, khi kêu gọi các dân tộc thuộc địa đứng lên đấu tranh giành quyền độc lập dân tộc, Người viết: “Hỡi anh em ở các thuộc địa... Anh em phải làm thế nào để được giải phóng? Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”⁴.

Với thực tiễn thắng lợi năm 1945 ở Việt Nam cũng như phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đã thành công vào những năm 60, trong khi cách mạng vô sản ở chính quốc chưa nổ ra và thắng lợi, càng chứng minh luận điểm trên của Hồ Chí Minh là độc đáo, sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn.

e. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng

Trong bộ *Tư bản*, quyển 1, tập thứ nhất, xuất bản lần đầu tiên năm 1867, C. Mác viết: “Bạo lực là bà đỡ của một chế độ xã hội cũ đang thai nghén một chế độ mới”⁵. Năm 1878, trong tác phẩm *Chống Duyrinh*, Ph. Ăngghen nhắc lại: “Bạo lực còn đóng một vai trò khác trong lịch sử, vai trò cách mạng; nói theo C. Mác, bạo lực còn là bà đỡ cho mọi xã hội cũ đang thai nghén một xã hội mới; bạo lực là công cụ mà sự vận động xã hội dùng để tự mở đường cho mình và đập tan những hình thức chính trị đã hóa đá và chết cứng”⁶. Trên cơ sở tiếp thu quan điểm của C.Mác và

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.295.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.296.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr. 296.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.137-138.

⁵ C. Mác và Ph.Ăng ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2002, t.23, tr.1043.

⁶ Ph.Ăng ghen: “Chống Duyrinh”, trong C. Mác và Ph.Ăng ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 1994, t.20, tr.259.

Ph.Ăngghen, với kinh nghiệm Cách mạng Tháng Mười Nga và cách mạng thế giới, V.I.Lênin khẳng định tính tất yếu của bạo lực cách mạng, làm sáng tỏ hơn vấn đề bạo lực cách mạng trong học thuyết và cách mạng vô sản: Không có bạo lực cách mạng thì không thể thay thế được nhà nước tư sản bằng nhà nước vô sản được.

Dựa trên cơ sở quan điểm về bạo lực cách mạng của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác- Lênin, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng. Hồ Chí Minh đã thấy rõ sự cần thiết phải sử dụng bạo lực cách mạng: “Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”¹. Tất yếu là vậy, vì ngay như hành động mang quân đi xâm lược của thực dân đế quốc đối với các nước thuộc địa và phụ thuộc, thì như Người vạch rõ: “Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi”².

Và sau khi xâm chiếm các nước thuộc địa, bọn thực dân đế quốc đã thực hiện chế độ cai trị vô cùng tàn bạo: Dùng bạo lực để đàn áp dã man các phong trào yêu nước, thủ tiêu mọi quyền tự do, dân chủ của nhân dân, bóc lột và đẩy người dân thuộc địa vào bước đường cùng. Vì vậy, muốn đánh đổ thực dân - phong kiến giành độc lập dân tộc thì tất yếu phải sử dụng phương pháp bạo lực cách mạng, dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù.

Về hình thức bạo lực cách mạng, theo Hồ Chí Minh, bạo lực cách mạng ở đây là bạo lực của quần chúng được thực hiện dưới hai lực lượng chính trị và quân sự, hai hình thức đấu tranh: đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang; chính trị và đấu tranh chính trị của quần chúng là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang; đấu tranh vũ trang có ý nghĩa quyết định đối với việc tiêu diệt lực lượng quân sự và âm mưu thôn tính của thực dân đế quốc, đi đến kết thúc chiến tranh. Việc xác định hình thức đấu tranh phải căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà áp dụng cho thích hợp, như Người đã chỉ rõ: “Tuỳ tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.391.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.114.

trị để giành thắng lợi cho cách mạng”¹. Trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, với hình thức tổng khởi nghĩa của quần chúng nhân dân trong cả nước, chủ yếu dựa vào lực lượng chính trị, kết hợp với lực lượng vũ trang, nhân dân ta đã thắng lợi, giành chính quyền về tay nhân dân.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

Trong các tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh không để lại một định nghĩa cố định về chủ nghĩa xã hội. Với cách diễn đạt dung dị, dễ hiểu, dễ nhớ, khái niệm “chủ nghĩa xã hội” được Người tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau bằng cách chỉ ra đặc trưng ở một lĩnh vực nào đó (như kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, động lực, nguồn lực, v.v.) của chủ nghĩa xã hội; song tất cả đều hướng đến mục tiêu cơ bản của nó mà theo Người: “Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”, là làm sao cho dân giàu, nước mạnh².

So sánh các chế độ xã hội đã tồn tại trong lịch sử để thấy sự khác nhau về bản chất giữa chủ nghĩa xã hội với các chế độ khác, Hồ Chí Minh viết: “Trong xã hội có giai cấp bóc lột thống trị, chỉ có lợi ích cá nhân của một số rất ít người thuộc giai cấp thống trị là được thỏa mãn, còn lợi ích cá nhân của quần chúng lao động thì bị giày xéo. Trái lại, trong chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ, thì mỗi người là một bộ phận của tập thể, giữ một vị trí nhất định và đóng góp một phần công lao trong xã hội. Cho nên lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện được thỏa mãn”³. Người khẳng định mục đích của cách mạng Việt Nam là tiến đến chủ nghĩa xã hội, rồi đến chủ nghĩa cộng sản⁴ vì: *Chủ nghĩa cộng sản có hai giai đoạn. Giai đoạn thấp, tức là chủ nghĩa xã hội;*

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2011, t.15, tr.391

² Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.415; t.10, tr.390.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.11, tr.610.

⁴ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.8, tr.289.

giai đoạn cao, tức là *chủ nghĩa cộng sản*. Hai giai đoạn ấy *giống nhau* ở chỗ: Sức sản xuất đã phát triển cao; nền tảng kinh tế thì tư liệu sản xuất đều là của chung; không có giai cấp áp bức bóc lột. Hai giai đoạn ấy *khác nhau* ở chỗ: Chủ nghĩa xã hội vẫn còn chút ít vết tích xã hội cũ. Xã hội cộng sản thì hoàn toàn không còn vết tích xã hội cũ¹.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, *xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội ở giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa. Mặc dù còn tồn đọng tàn dư của xã hội cũ nhưng xã hội xã hội chủ nghĩa không còn áp bức, bóc lột, xã hội do nhân dân lao động làm chủ, trong đó con người sống ấm no, tự do, hạnh phúc, quyền lợi của cá nhân và tập thể vừa thống nhất, vừa gắn bó chặt chẽ với nhau.*

b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác khẳng định sự phát triển của xã hội loài người là quá trình lịch sử - tự nhiên. Theo quá trình này, “sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản là tất yếu như nhau”². Vận dụng học thuyết của C.Mác để nghiên cứu về tiến trình lịch sử, Hồ Chí Minh cho rằng: “Cách sản xuất và sức sản xuất phát triển và biến đổi mãi, do đó mà tư tưởng của người, chế độ xã hội, v.v., cũng phát triển và biến đổi. Chúng ta đều biết từ đời xưa đến đời nay, cách sản xuất từ chỗ dùng cày, búa đã phát triển dần đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử. Chế độ xã hội cũng phát triển từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản chủ nghĩa và ngày nay gần một nửa loài người đang tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa và chế độ cộng sản chủ nghĩa. Sự phát triển và tiến bộ đó không ai ngăn cản được”³. Tuy nhiên, ngay từ năm 1953 Hồ Chí Minh đã nhận thấy: Tùy hoàn cảnh, mà các dân tộc phát triển theo *con đường khác nhau*. Có nước thì đi thẳng đến chủ nghĩa xã hội như Liên Xô. Có nước thì phải kinh qua *chế độ dân chủ mới*, rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội như các nước Đông Âu, Trung Quốc, Việt Nam ta⁴. Người giải thích: *Chế độ dân chủ mới* là chế độ dưới sự lãnh đạo của Đảng và giai cấp công nhân, nhân dân đã đánh đổ đế quốc và phong kiến; trên nền tảng công nông liên minh, nhân dân lao động làm chủ, *nhân dân dân chủ chuyên chính* theo tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin⁵.

Tư tưởng trên đặt vào bối cảnh xã hội đương thời, Hồ Chí Minh

¹ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.289-290.

² C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.613.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.600-601.

⁴ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.293.

⁵ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.293.

muốn khẳng định, lịch sử xã hội loài người phát triển qua các chế độ xã hội công xã nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa rồi tiến lên xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa; nhưng lộ trình này không bắt buộc đối với tất cả các nước mà nó diễn ra theo hai phương thức: Có thể trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa như Liên Xô và cũng có thể bỏ qua giai đoạn này như các nước Đông Âu, Trung Quốc, Việt Nam.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, tiến lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình tất yếu, tuân theo những quy luật khách quan, trước hết là những quy luật trong sản xuất vật chất; song, tùy theo bối cảnh cụ thể mà thời gian, phương thức tiến lên chủ nghĩa xã hội ở mỗi quốc gia sẽ diễn ra một cách khác nhau; trong đó, những nước đã qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa sẽ “đi thẳng” lên chủ nghĩa xã hội. Những nước chưa qua giai đoạn phát triển này có thể đi lên chủ nghĩa xã hội sau khi đã “đánh đổ đế quốc và phong kiến” dưới sự lãnh đạo của Đảng vô sản và được tư tưởng Mác - Lênin dẫn đường¹.

Đối với Việt Nam, hàng nghìn năm dưới ách thống trị tàn bạo của chế độ phong kiến, thực dân, nhiều khuynh hướng cứu dân, cứu nước đã được thử nghiệm nhưng đều không đem lại kết quả cuối cùng mà dân tộc khát khao đạt được. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới là nguồn gốc của tự do, bình đẳng, bác ái, xóa bỏ những bức tường dài ngăn cản con người yêu đoàn kết, yêu thương nhau².

c. Một số đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa

Thứ nhất, về chính trị: Xã hội xã hội có chế độ dân chủ

Chế độ dân chủ trong xã hội xã hội chủ nghĩa được thể hiện trước hết là xã hội do nhân dân làm chủ, nhân dân là chủ dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản trên nền tảng lên minh công - nông. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, địa vị cao nhất là nhân dân. Nhà nước là của dân, do dân và vì dân. Mọi quyền lợi, quyền lực, quyền hạn thuộc về nhân dân và mọi hoạt động xây dựng, bảo vệ đất nước, bảo vệ chế độ xã hội cũng thuộc về nhân dân³.

Những tư tưởng cơ bản về đặc trưng chính trị trong xã hội xã hội chủ nghĩa nêu trên không chỉ cho thấy tính nhân văn cao cả của Hồ Chí Minh mà còn cho thấy Hồ Chí Minh nhận thức rất sâu sắc về sức mạnh, địa vị và vai trò của nhân dân; về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội khi Đảng lãnh đạo dựa vào nhân dân, huy động được nhân lực, tài lực, trí lực của nhân dân để đem lại lợi ích cho nhân dân.

¹ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.293 - 294.

² Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.496.

³ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.10; t.7, tr.434; t.6, tr.232; t.8, tr.293; t.12, tr.375; v.v.

Thứ hai, về kinh tế: Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản nên xã hội xã hội chủ nghĩa phải có nền kinh tế phát triển cao hơn nền kinh tế của xã hội tư bản chủ nghĩa, đây là nền kinh tế dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ sở hữu tư liệu sản xuất tiên bộ.

Lực lượng sản xuất hiện đại trong chủ nghĩa xã hội biểu hiện: Công cụ lao động, phương tiện lao động trong quá trình sản xuất “đã phát triển dần đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử”¹. Quan hệ sản xuất trong xã hội xã hội chủ nghĩa được Hồ Chí Minh diễn đạt là: Lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng, v.v. làm của chung; là tư liệu sản xuất thuộc về nhân dân². Đây là tư tưởng Hồ Chí Minh về chế độ công hữu tư liệu sản xuất chủ yếu trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, về văn hóa, đạo đức và các quan hệ xã hội: Xã hội xã hội chủ nghĩa xã hội có trình độ phát triển cao về văn hoá và đạo đức, bảo đảm sự công bằng, hợp lý trong các quan hệ xã hội.

Văn hóa, đạo đức thể hiện ở tất cả các lĩnh vực của đời sống trước hết là ở các quan hệ xã hội. Sự phát triển cao về văn hóa và đạo đức của xã hội xã hội chủ nghĩa thể hiện: Xã hội không còn hiện tượng người bóc lột người; con người được tôn trọng, được đảm bảo đối xử công bằng, bình đẳng và các dân tộc đoàn kết, gắn bó với nhau.

Hồ Chí Minh cho rằng: Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới “chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn”³; “chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình”⁴.

Chủ nghĩa xã hội là cơ sở, là tiền đề để tiến tới chế độ xã hội hòa bình, đoàn kết, ấm no, tự do, hạnh phúc, bình đẳng, bác ái, việc làm cho mọi người và vì mọi người; không còn phân biệt chủng tộc, không còn gì có thể ngăn cản những người lao động hiểu nhau và thương yêu nhau⁵.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.600.

² Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.390.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.610.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.610.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.496.

Chủ nghĩa xã hội bảo đảm tính công bằng và hợp lý trong các quan hệ xã hội. Đây là xã hội đem lại quyền bình đẳng trước pháp luật cho mọi công dân; mọi cộng đồng người đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ; ai cũng phải lao động và ai cũng có quyền lao động¹, ai cũng được hưởng thành quả lao động của mình trên nguyên tắc làm nhiều thì hưởng nhiều, làm ít thì hưởng ít, không làm thì không hưởng, tất nhiên là trừ những người chưa có khả năng lao động hoặc không còn khả năng lao động².

Thứ tư, về chủ thể xây dựng chủ nghĩa xã hội: Chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Từ xã hội chiếm hữu nô lệ đến xã hội tư bản chủ nghĩa, cuộc đấu tranh của người lao động luôn diễn ra ngày càng quyết liệt nhằm thủ tiêu chế độ người bóc lột người. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa - chế độ của nhân dân, do nhân dân làm chủ, lợi ích của cá nhân gắn liền với lợi ích của chế độ xã hội nên chính nhân dân là chủ thể, là lực lượng quyết định tốc độ xây dựng và sự vững mạnh của chủ nghĩa xã hội³. Trong sự nghiệp xây dựng này, Hồ Chí Minh khẳng định: “*Cần có sự lãnh đạo của một đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân*. Chỉ có sự lãnh đạo của một đảng biết vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước mình thì mới có thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công⁴.”

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Mục tiêu về chế độ chính trị: Phải xây dựng được chế độ dân chủ. Chế độ dân chủ trong mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được Hồ Chí Minh khẳng định và giải thích: “Chế độ ta là chế độ *dân chủ*. Tức là nhân dân làm chủ”⁵, “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”⁶.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.377, 371; t.11, tr.241.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.390.

³ Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.232; t.11, tr.609; t.13, tr.54.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.391.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.10.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.434.

Khi khẳng định “dân làm chủ” và “dân là chủ”, Hồ Chí Minh đã khẳng định quyền lợi và quyền hạn, trách nhiệm và địa vị của nhân dân. Người chỉ rõ: Tất cả lợi ích đều vì dân, tất cả quyền hạn đều của dân, công cuộc đổi mới là *trách nhiệm của dân*, sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước là *công việc của dân*, các cấp chính quyền *do nhân dân cử ra*, các tổ chức đoàn thể *do dân tổ chức nên*. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân¹.

Mục tiêu về kinh tế: Phải xây dựng được nền kinh tế phát triển cao gắn bó mật thiết với mục tiêu về chính trị.

Khái quát mục tiêu về kinh tế của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Hồ Chí Minh xác định: Đây phải là nền kinh tế phát triển cao “với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học kỹ thuật tiên tiến”², là “một nền kinh tế thuần nhất, dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể”³. Mục tiêu này phải gắn bó chặt chẽ với mục tiêu về chính trị vì: “Chế độ kinh tế và xã hội của chúng ta nhằm thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, trên cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển”⁴. Theo Người, kinh tế quốc doanh lãnh đạo nền kinh tế quốc dân và kinh tế hợp tác xã là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động nên Nhà nước phải bảo đảm ưu tiên cho kinh tế quốc doanh phát triển và phải đặc biệt khuyến khích, hướng dẫn, giúp đỡ kinh tế hợp tác xã⁵.

Mục tiêu về văn hoá: Phải xây dựng được nền văn hóa mang tính dân tộc, khoa học, đại chúng và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Hồ Chí Minh cho rằng, mối quan hệ giữa văn hóa với chính trị và kinh tế là mối quan hệ biện chứng. Chế độ chính trị và kinh tế của xã hội là nền tảng và quyết định tính chất của văn hóa; còn văn hóa góp phần thực hiện mục tiêu của chính trị và kinh tế. Người đã từng nói: “Xã hội thế nào, văn nghệ thế ấy”⁶; “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội phải phát triển kinh tế và văn hóa. Vì sao không nói phát triển văn hóa và kinh tế. Tục ngữ ta có câu: có thực mới vực được đạo, vì kinh tế phải đi trước”⁷.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.232.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.372.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.372.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.376.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.373.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.231.

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.470.

Về vai trò của văn hóa, Người khẳng định: Trình độ văn hóa của nhân dân được nâng cao sẽ góp phần phát triển dân chủ, góp phần xây dựng nước ta thành một nước hòa bình, thống nhất độc lập, dân chủ và giàu mạnh¹; nền văn hóa phát triển là điều kiện cho nhân dân tiến bộ². Theo Người, “để phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa thì văn hóa phải xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức”³, “Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng”⁴.

Mục tiêu về quan hệ xã hội: Phải bảo đảm dân chủ, công bằng, văn minh.

Chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là chế độ “dân làm chủ”, “dân là chủ” nên theo Hồ Chí Minh, với tư cách làm chủ, là chủ của đất nước, nhân dân phải làm tròn nhiệm vụ của người chủ để xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó mọi người đều có quyền làm việc; có quyền nghỉ ngơi; có quyền học tập; có quyền tự do thân thể; có quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội, biểu tình; có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào; có quyền bầu cử, ứng cử. Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước đảm bảo quyền tự do dân chủ cho công dân, nhưng nghiêm cấm lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của nhân dân⁵.

b. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, hệ thống động lực thúc đẩy tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa rất phong phú, bao hàm những động lực cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai; cả về vật chất và tinh thần, nội lực và ngoại lực, v.v. ở tất cả các lĩnh vực như kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, giáo dục, v.v. Tất cả các động lực đều rất quan trọng và có mối quan hệ biện chứng với nhau nhưng giữ vai trò quyết định là nội lực dân tộc, là nhân dân nên để thúc đẩy tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa phải đảm bảo *lợi ích của dân, dân chủ của dân, sức mạnh đoàn kết toàn dân*.

¹ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.458 - 459.

² Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.191.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.471.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.40.

⁵ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.377 - 378.

Về lợi ích của dân, Hồ Chí Minh quan tâm đến lợi ích của cả cộng đồng người và lợi ích của những con người cụ thể vì Người cho rằng đây là một trong những điểm khác nhau cơ bản giữa chủ nghĩa xã hội với những chế độ xã hội trước đó. Người nhận thấy trong xã hội xã hội chủ nghĩa mỗi người giữ một vị trí nhất định, đóng góp một phần công lao nhất định vì nhân dân lao động đã thoát khỏi bần cùng, có công ăn việc làm, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, mỗi người có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách và sở trường riêng của mình¹, nên ngay từ những ngày đầu xây dựng chế độ xã hội mới, Người đã dạy: “việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”, “phải đặt quyền lợi của dân lên trên hết”².

Về dân chủ, theo Hồ Chí Minh, dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân³; “địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”. Với tư cách là những động lực thúc đẩy tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, lợi ích của dân và dân chủ của dân không thể tách rời nhau.

Về sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, Hồ Chí Minh cho rằng đây là lực lượng mạnh nhất trong tất cả các lực lượng và chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây dựng được với sự giác ngộ đầy đủ của nhân dân về quyền lợi và quyền hạn, trách nhiệm và địa vị dân chủ của mình; với sự lao động sáng tạo của hàng chục triệu quần chúng nhân dân⁴.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, *lợi ích của dân, dân chủ của dân, đoàn kết toàn dân gắn bó hữu cơ với nhau, là cơ sở, là tiền đề của nhau, tạo nên những động lực mạnh mẽ nhất trong hệ thống những động lực của chủ nghĩa xã hội*. Song, những yếu tố trên chỉ có thể phát huy được sức mạnh của mình thông qua hoạt động của những cộng đồng người và những con người Việt Nam cụ thể.

Về hoạt động của những tổ chức, trước hết là Đảng Cộng sản, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội khác, trong đó sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản giữ vai trò quyết định. Theo Hồ Chí Minh, Đảng như người cầm lái, người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước là tổ chức đại diện cho ý chí và quyền lực của nhân dân, thực hiện chức năng quản lý xã hội để biến đường lối, chủ trương của Đảng

¹ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.11, tr. 610.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.50-51.

³ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.10, tr.457; t.7, tr.434.

⁴ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.10, tr.453; t.11, tr.93.

thành hiện thực¹. Các tổ chức chính trị - xã hội với tư cách là các tổ chức quần chúng tuy có những nội dung và phương thức hoạt động khác nhau nhưng đều nhất quán về chính trị và tư tưởng dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước; hoạt động vì lợi ích của các thành viên của mình trong sự thống nhất với lợi ích của dân tộc. Với những cộng đồng này, Người cũng luôn nhắc nhở phải không ngừng nêu cao cảnh giác, phải chống cả kẻ địch bên ngoài tìm cách phá hoại thành quả của cách mạng và phải chống cả kẻ địch bên trong là chủ nghĩa cá nhân; chống tư tưởng “làm quan cách mạng”².

Về con người Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*”³. Đây là *những con người của chủ nghĩa xã hội, có tư tưởng và tác phong xã hội chủ nghĩa*⁴. Trong bài nói chuyện tại Hội nghị bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo các cấp toàn miền Bắc do Ban Bí thư Trung ương Đảng triệu tập từ ngày 13 tháng 3 đến ngày 21 tháng 3 năm 1961, Hồ Chí Minh giải thích rất chi tiết, cụ thể về tư tưởng, tác phong xã hội chủ nghĩa; cuối cùng Người khái quát: Những tư tưởng và tác phong mới mà mỗi người cần bồi dưỡng cho mình là: Có ý thức làm chủ nhà nước, có tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa và tư tưởng “mình vì mọi người, mọi người vì mình”; có quan điểm “tất cả phục vụ sản xuất”; có ý thức cần kiệm xây dựng nước nhà; có tinh thần tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội và phải chống lại những tư tưởng, tác phong xấu là: Chủ nghĩa cá nhân; quan liêu, mệnh lệnh; tham ô, lãng phí; bảo thủ, rụt rè”⁵.

Như vậy, cùng với việc xác định và định hướng phát huy sức mạnh những động lực của chủ nghĩa xã hội, đối với các cộng đồng người và những con người Việt Nam cụ thể, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở phải ngăn chặn, loại trừ những lực cản của những động lực này. Nhìn chung, trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, quan điểm “xây” đi đôi với “chống” cũng là một trong những quan điểm xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh, là một trong những nét đặc sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh.

¹ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.64-65; t.7, tr.434; t.10, tr.572; t.12, tr.370,376.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.68; t.10, tr.572; v.v.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.66.

⁴ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.66.

⁵ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.65-72.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. *Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ*

Tính chất thời kỳ quá độ: Đây là thời kỳ cải biến sâu sắc nhất nhưng phức tạp, lâu dài, khó khăn, gian khổ.

Theo Hồ Chí Minh, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là thời kỳ cải biến xã hội cũ thành xã hội mới - một xã hội hoàn toàn chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Thời kỳ dân tộc ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quan, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm; phải xóa bỏ giai cấp bóc lột; phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc trong điều kiện nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu, mới thoát khỏi ách thực dân, phong kiến nên nó là công cuộc biến đổi sâu sắc nhất, khó khăn nhất, thậm chí còn khó khăn, phức tạp hơn cả việc đánh giặc¹, vì vậy, tiến lên chủ nghĩa xã hội không thể một sớm một chiều, không thể làm mau được mà phải làm dần dần².

Đặc điểm của thời kỳ quá độ: Đặc điểm lớn nhất của thời kỳ quá độ ở Việt Nam là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Bước vào thời kỳ quá độ, Việt Nam cũng có những đặc điểm giống như đặc điểm của các nước khác khi bước vào thời kỳ này như sự tồn tại đan xen giữa các yếu tố của xã hội cũ bên cạnh những yếu tố của xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống; là giai đoạn đầu, khi các yếu tố của xã hội cũ còn cụm lại thành một thể lực thì có khi nó còn chiến thắng những yếu tố của xã hội mới vừa xuất hiện, v.v.; song, từ thực tế của xã hội Việt Nam, Hồ Chí Minh nhận thấy, “*đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa*”³. Cùng với những đặc điểm khác và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, đặc điểm này quy định nhiệm vụ của dân tộc ta trong thời kỳ quá độ.

Nhiệm vụ của thời kỳ quá độ: Đấu tranh cải tạo, xóa bỏ tàn tích của chế độ xã hội cũ, xây dựng các yếu tố mới phù hợp với quy luật tiến lên chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống; trong đó:

¹ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.91- 92, tr.405.

² Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.390, 392.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.411.

Về chính trị, phải xây dựng được chế độ dân chủ vì đây là bản chất của chủ nghĩa xã hội. Muốn xây dựng được chế độ này, theo Hồ Chí Minh, phải chống tất cả các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, trước hết ở trong Đảng, trong bộ máy chính quyền từ cấp cơ sở đến Trung ương đồng thời phải bồi dưỡng, giáo dục để nhân dân có tri thức, có năng lực làm chủ chế độ xã hội¹.

Về kinh tế, trong bối cảnh nền kinh tế của nước ta còn nghèo nàn, kỹ thuật lạc hậu, Hồ Chí Minh xác định nhiệm vụ quan trọng nhất của thời kỳ quá độ là phải cải tạo nền kinh tế cũ, xây dựng nền kinh tế mới có công và nông nghiệp hiện đại. Đây là quá trình xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Giữa cải tạo và xây dựng thì xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài² và phải luôn gắn với việc thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân³.

Về văn hóa, phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc; đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ trên thế giới để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng⁴.

Về các quan hệ xã hội, phải thay đổi triệt để những quan hệ cũ đã trở thành thói quen trong lối sống, nếp sống của con người; xây dựng được một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn để mỗi người có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình trong sự hài hòa với đời sống chung, với lợi ích chung của tập thể⁵.

b. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ

Thứ nhất, mọi tư tưởng, hành động phải được thực hiện trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin.

Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa Mác - Lênin là khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bóc lột; là khoa học về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở tất cả các nước; khoa học về xây dựng chủ nghĩa cộng

¹ Xem Hồ Chí Minh: Toàn tập, *Sđd*, t.4, tr.21; tr.40-41; tr.269-346; t.15, tr.546-548; v.v.

² Xem Hồ Chí Minh: Toàn tập, *Sđd*, t.12, tr.412.

³ Xem Hồ Chí Minh: Toàn tập, *Sđd*, t.12, tr.376.

⁴ Xem Hồ Chí Minh: Toàn tập, *Sđd*, t.7, tr.40.

⁵ Xem Hồ Chí Minh: Toàn tập, *Sđd*, t.11, tr.92; t.12, tr.377-378.

sản¹ nên theo Người, cuộc cách mạng mà giai cấp công nhân thực hiện chỉ có thể đạt được thành tựu trên cơ sở trung thành sắt đá với những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin². Chính vì vậy, Người luôn nhắc nhở, khuyến khích, động viên mọi người phải không ngừng “học lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin”³, phải “cụ thể hóa chủ nghĩa Mác-Lênin cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng lúc và từng nơi”⁴.

Thứ hai, phải giữ vững độc lập dân tộc.

Tự do cho đồng bào, độc lập cho Tổ quốc là mục đích của Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước. Khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Người đã khẳng định: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”⁵. Ngay cả điều mong muốn cuối cùng của Người trước khi từ trần cũng là đất nước thống nhất, độc lập, dân chủ, và giàu mạnh⁶ vì trong tư tưởng của Người, đối với một dân tộc thì “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”⁷. Độc lập dân tộc là mục tiêu trước hết của mỗi dân tộc; còn đặt trong mối quan hệ với chủ nghĩa xã hội thì độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc trường tồn với đầy đủ ý nghĩa chân chính của nó.

Thứ ba, phải đoàn kết, học tập kinh nghiệm của các nước anh em.

Xác định “Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của lực lượng hòa bình, dân chủ, xã hội chủ nghĩa trên thế giới”⁸, Hồ Chí Minh quan niệm “sự đoàn kết giữa lực lượng các nước xã hội chủ nghĩa và sự đoàn kết nhất trí giữa các đảng cộng sản và công nhân tất cả các nước có ý nghĩa quan trọng bậc nhất”⁹. Trong sự đoàn kết này, cách mạng Việt Nam phải học tập kinh nghiệm của các nước anh em song không được áp đặt những kinh nghiệm ấy một cách máy móc mà phải vận dụng nó một cách sáng tạo¹⁰. Mặc dù đánh giá rất cao thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô,

¹ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.96.

² Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.159 - 160.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.95.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.95.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.3.

⁶ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.624.

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.130.

⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.674.

⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.675.

¹⁰ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.92.

song Hồ Chí Minh khẳng định: “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác.... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”¹.

Thứ tư, xây phải đi đôi với chống.

Theo Hồ Chí Minh, muốn đạt được và giữ được thành quả của cách mạng thì cùng với việc xây dựng các lĩnh vực của đời sống xã hội phải chống lại mọi hình thức của các thế lực cản trở, phá hoại sự phát triển của cách mạng.

Người căn dặn: “Đối với kẻ địch phải luôn tỉnh táo, giữ vững lập trường, quyết không vì hòa cảnh hòa bình mà mất cảnh giác. Phải luôn sẵn sàng đập tan mọi âm mưu độc ác của kẻ địch, bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ lao động hòa bình của nhân dân”². Phải chống lại “căn bệnh” “Nghe những lời bình luận không đúng cũng làm thính, không biện bác...Ai nói sao, ai làm gì cũng mặc kệ”³. Đối với tàn dư của xã hội cũ “phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm”⁴. Đối với mỗi người phải đánh thắng kẻ địch bên trong là chủ nghĩa cá nhân bởi chủ nghĩa cá nhân như một thứ vi trùng độc hại, sản sinh ra bệnh tham lam, bệnh kiêu ngạo, bệnh háo danh, bệnh vô tổ chức, vô kỷ luật, v.v. - những thứ bệnh không chỉ làm hại cho người đó mà còn làm hại đến nhân dân, đến tổ chức Đảng⁵.

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội

Vận dụng một cách sáng tạo lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện của cách mạng Việt Nam, trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng* (1930), Hồ Chí Minh khẳng định phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là: “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Như vậy, giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc sẽ là mục tiêu đầu tiên của cách mạng, là cơ sở, tiền đề cho mục tiêu tiếp theo - chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc bao gồm cả nội dung dân tộc và dân chủ; độc lập phải gắn liền với thống nhất, chủ quyền và toàn

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.391.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.68.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.298.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.92.

⁵ Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.294-296.

ven lãnh thổ, và hơn nữa độc lập dân tộc cũng phải gắn liền với tự do, cơm no, áo ấm, hạnh phúc cho nhân dân. Vậy nên khi nêu lên mục tiêu giải phóng dân tộc, Người cũng đã định hướng đến mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

Khi đề cao mục tiêu độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh không coi đó là mục tiêu cuối cùng của cách mạng, mà là tiền đề cho một cuộc cách mạng tiếp theo - cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân càng sâu sắc, triệt để thì càng tạo ra những tiền đề thuận lợi, sức mạnh to lớn cho cách mạng xã hội chủ nghĩa. Và lại, cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đã được Hồ Chí Minh khẳng định là con đường cách mạng vô sản, vì vậy bản thân cuộc cách mạng này ngay từ đầu đã mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Độc lập dân tộc vì vậy không những là tiền đề mà còn là nguồn sức mạnh to lớn cho cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc

Chủ nghĩa xã hội là xu thế tất yếu của thời đại và phù hợp với lợi ích của nhân dân Việt Nam. Vì vậy, cách mạng giải phóng dân tộc phải mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn và triệt để. Năm 1960, Người khẳng định: Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ. Ở Việt Nam, theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội trước hết là một chế độ dân chủ, do nhân dân làm chủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chế độ dân chủ thể hiện trong tất cả mọi mặt của đời sống xã hội và được thể chế hoá bằng pháp luật, đây là điều kiện quan trọng nhất để đảm bảo nền độc lập dân tộc, tạo ra nền tảng ý thức xã hội bảo vệ chủ quyền dân tộc, kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu thôn tính, đe dọa nền độc lập, tự do của dân tộc.

Chủ nghĩa xã hội, theo Hồ Chí Minh, còn là một xã hội tốt đẹp, không còn chế độ áp bức bóc lột. Đó là một xã hội bình đẳng, công bằng và hợp lý: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng, bảo đảm phúc lợi xã hội cho người già, trẻ em và những người còn khó khăn trong cuộc sống; mọi người đều có điều kiện để phát triển như nhau. Đó còn là một xã hội có nền kinh tế phát triển cao, gắn liền với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, là một xã hội có sự phát triển cao đạo đức và văn hoá..., hoà bình hữu nghị, làm bạn với tất cả các nước dân chủ trên thế giới.

3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Một là, phải bảo đảm vai trò lãnh đạo tuyệt đối của đảng cộng sản trong suốt tiến trình cách mạng. Không có sự lãnh đạo của Đảng thì cách mạng Việt Nam không thể nào đi theo con đường cách mạng vô sản và tất nhiên độc lập dân tộc sẽ không giành được. Và ngay trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, theo Hồ Chí Minh, càng phải củng cố, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nếu không Đảng sẽ đánh mất vai trò lãnh đạo và chủ nghĩa xã hội sẽ sụp đổ, tan rã.

Hai là, phải củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc mà nền tảng là khối liên minh công - nông, vì theo Người, đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng.

Ba là, phải đoàn kết, gắn bó chặt chẽ với cách mạng thế giới. Đoàn kết quốc tế, theo Hồ Chí Minh, là để tạo ra một sức mạnh to lớn cho cách mạng và cũng để góp phần chung cho nền hoà bình, độc lập, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định

Tiến tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là quá trình hợp quy luật, phù hợp với khát vọng của nhân dân Việt Nam, là sự lựa chọn đúng đắn của Hồ Chí Minh và sự khẳng định của Đảng Cộng sản Việt Nam. Xuất phát từ bối cảnh trong nước và quốc tế, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã ban hành *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Đến Đại hội XI, Cương lĩnh này được bổ sung và phát triển. Trong Cương lĩnh, từ thực tiễn phong phú của cách mạng Việt Nam, Đảng đã rút ra những bài học mà đầu tiên là phải “*nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*” - ngọn cờ quang vinh mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau”¹. Cương lĩnh cũng xác định những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, những mối quan hệ cơ bản mà nhân dân ta phải giải quyết trong giai đoạn hiện nay để từng bước những đặc trưng cơ bản đó trở thành hiện thực. Sự thống nhất giữa tính kiên định và

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.65.

đổi mới, khoa học và cách mạng, trí tuệ và tình cảm, hiện tại và tương lai của Cương lĩnh là định hướng cho cả dân tộc thực hiện mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, xây dựng chủ nghĩa xã hội là xây dựng cơ sở, nền tảng cho phát triển của đất nước trên tất cả các lĩnh vực. Với một chế độ xã hội như trên, chủ nghĩa xã hội sẽ có khả năng làm cho đất nước phát triển mạnh mẽ, sẽ tạo nền tảng vững chắc để bảo vệ nền độc lập dân tộc và hơn thế nữa, sẽ là một tấm gương cho các quốc gia trên thế giới, nhất là các quốc gia mới giành được độc lập dân tộc đang định hướng xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội hiện thực cũng sẽ góp phần hạn chế những cuộc chiến tranh phi nghĩa, bảo vệ được nền hòa bình trên thế giới, độc lập dân tộc sẽ được giữ vững.

2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa

Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa là phát huy sức mạnh bản chất ưu việt của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa; là bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; là dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống để nhân dân tham gia vào tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa không tách rời quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân theo tinh thần của Hiến pháp hiện hành.

Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa đi đôi với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân và đạo đức xã hội, phê phán những biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức và xử lý nghiêm minh những hành vi lợi dụng dân chủ làm mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cũng như tất cả những hành vi vi phạm quyền dân và quyền làm chủ của nhân dân¹.

3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị

Đặc điểm của hệ thống chính trị ở Việt Nam là tính nhất nguyên và tính thống nhất: Nhất nguyên về chính trị, về tổ chức, về tư tưởng; thống

¹ Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.36-39, tr.156-170.

nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thống nhất về mục tiêu chính trị. Các tổ chức trong hệ thống chính trị ở Việt Nam có tính chất, vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ khác, phương thức hoạt động khác nhau nhưng gắn bó mật thiết với nhau tạo nên một thể thống nhất, phát huy sức mạnh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện.

Như vậy, củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị thực chất là để nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được thực hiện, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy đầy đủ.

4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

Đảng đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam thu được nhiều thành tựu vĩ đại trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và trong sự nghiệp đổi mới. Song, chỉ trong một thời gian rất ngắn so với lịch sử của Đảng, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đã xuất hiện và trở nên nghiêm trọng. Nếu không ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái này sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng¹.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay là phải tích cực thực hiện, thực hiện có kết quả các nghị quyết của Đảng, trong đó có các nghị quyết về xây dựng Đảng giữ vị trí cực kỳ quan trọng vì xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt trong sự nghiệp đổi mới.

Hồ Chí Minh chưa sử dụng những khái niệm như “suy thoái” tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nhưng đã đề cập đến nhiều “căn bệnh” biểu hiện của nó và đã cảnh báo về tác hại của những “căn bệnh” này. *Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ* là những hành động cụ thể, đặt trong

¹ Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.29, 65.

bối cảnh cụ thể mà Đảng tiếp tục thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh để Đảng xứng đáng là Đảng cầm quyền, thực hiện được nhiệm vụ của Đảng cầm quyền trong sự nghiệp xây dựng đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh để giữ vững nền độc lập dân tộc trên con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Mục tiêu của cách mạng Việt Nam hiện nay và những yêu cầu cơ bản trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong nhận thức và hành động để đạt đến mục tiêu đó.

2. Biện chứng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

3. Phân tích tính đúng đắn và sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

4. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

5. Nêu bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay và những yêu cầu cơ bản trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương - Ban chỉ đạo tổng kết: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, các tập 1, 2, 4, 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

5. V.I. Lênin: *Toàn tập*, t.42, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1979 - 1981.

6. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.29, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

7. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970.

8. Jean Lacouture: *Hồ Chí Minh*, Ed. Seuil, Paris, 1967.

9. Pierre Brocheux: *Hồ Chí Minh*, Presses des Sciences Politiques, Paris, 2000.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP CHƯƠNG 3

Câu 1: Ai là tác giả của câu nói: “Cái mà tôi cần nhất trên đời là đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập”?

- A. C. Mác
- B. Ph.Ăngghen
- C. V.I.Lênin
- D. Hồ Chí Minh

Câu 2: Hai nội dung chính trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* là gì?

- A. Quyền bình đẳng về mặt pháp lý và các quyền tự do, dân chủ
- B. Quyền bình đẳng về mặt pháp lý và các quyền công dân
- C. Quyền bình đẳng về mặt pháp lý và các quyền tự quyết dân tộc
- D. Quyền bình đẳng về mặt pháp lý và các quyền con người

Câu 3: Luận điểm: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” được trích trong văn bản nào?

- A. Tuyên ngôn Độc lập của cách mạng Mỹ năm 1776
- B. Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791
- C. Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh năm 1945
- D. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản năm 1848

Câu 4: Điền vào chỗ trống: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ (...) không chịu mất nước, (...) không chịu làm nô lệ”.

- A. nhất quyết - nhất quyết
- B. nhất định - nhất định
- C. nhất trí - nhất trí
- D. nhất loạt - nhất loạt

Câu 5: Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải gắn với vấn đề gì?

- A. Quyền bình đẳng của nhân dân
- B. Tự do của nhân dân.
- C. Dân chủ của nhân dân
- D. Quyền tự quyết của nhân dân

Câu 6: Ai là tác giả của học thuyết “Tam dân”?

- A. Hồ Chí Minh
- B. Ph.Ăngghen
- C. V.I.Lênin
- D. Tôn Trung Sơn

Câu 7: Ngày 6-3-1946, Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ ký với đại diện Chính phủ Pháp Hiệp định gì?

- A. Hiệp định Sơ bộ
- B. Hiệp định Giơnevơ
- C. Hiệp định Paris
- D. Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

Câu 8: Luận điểm: “Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà” được trích trong tác phẩm nào của Hồ Chí Minh?

- A. Đường cách mệnh
- B. Tuyên ngôn độc lập
- C. Sửa đổi lối làm việc
- D. Di chúc

Câu 9: Trong bức *Thư gửi đồng bào Nam Bộ* (1946), Hồ Chí Minh khẳng định chân lý gì?

- A. Không có gì quý hơn độc lập, tự do
- B. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà
- C. Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam
- D. Đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành

Câu 10: Theo Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường nào?

- A. Cách mạng dân chủ nhân dân
- B. Cách mạng xã hội chủ nghĩa
- C. Cách mạng bạo lực
- D. Cách mạng vô sản

Câu 11: Cuộc cách mạng nào thắng lợi đã ảnh hưởng sâu sắc tới Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn con đường cứu nước, giải phóng dân tộc?

- A. Cách mạng Tháng Mười Nga
- B. Cách mạng Tân Hợi
- C. Cách mạng Mỹ
- D. Cách mạng Pháp

Câu 12: Năm 1920 sau khi đọc tài liệu nào Hồ Chí Minh tìm thấy ở đó con đường cứu nước, giải phóng dân tộc: con đường cách mạng vô sản?

- A. *Tuyên ngôn Độc lập* của cách mạng Mỹ năm 1776
- B. *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791

C. Bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin

D. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản năm 1848

Câu 13: Trong bài viết nào Hồ Chí Minh khẳng định: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao!... Đây là con đường giải phóng chúng ta”?

A. Bản án chế độ thực dân Pháp

B. Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin

C. Lịch sử nước ta

D. Dân vận

Câu 14: Theo Mác và Ăngghen, con đường cách mạng vô sản ở châu Âu là gì?

A. Giải phóng dân tộc - giải phóng xã hội - giải phóng giai cấp - giải phóng con người

B. Giải phóng giai cấp - giải phóng dân tộc - giải phóng xã hội - giải phóng con người

C. Giải phóng xã hội - giải phóng dân tộc - giải phóng giai cấp - giải phóng con người

D. Giải phóng giai cấp - giải phóng dân tộc - giải phóng giai cấp - giải phóng con người

Câu 15: Theo Hồ Chí Minh, con đường cách mạng vô sản ở Việt Nam và các nước thuộc địa là gì?

A. Giải phóng dân tộc - giải phóng xã hội - giải phóng giai cấp - giải phóng con người

B. Giải phóng giai cấp - giải phóng dân tộc - giải phóng xã hội - giải phóng con người

C. Giải phóng xã hội - giải phóng dân tộc - giải phóng giai cấp - giải phóng con người

D. Giải phóng giai cấp - giải phóng dân tộc - giải phóng giai cấp - giải phóng con người

Câu 16: Trong Chánh cương vắn tắt của Đảng, Hồ Chí Minh chưa nêu ra chủ trương gì?

A. Thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công, chia cho dân cày nghèo

B. Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến

C. Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập

D. Người cày có ruộng

Câu 17: Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do tổ chức nào lãnh đạo?

A. Đảng cộng sản

B. Nhà nước

C. Đảng công nhân

D. Mặt trận dân tộc thống nhất

Câu 18: Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (1927), Hồ Chí Minh đặt vấn đề: Cách mệnh thì trước hết phải có cái gì?

A. Đảng lao động

B. Đảng công nhân

C. Đảng cộng sản

D. Đảng cách mệnh

Câu 19: Tại Đại hội II của Đảng (1951), Đảng Cộng sản Đông Dương đổi tên gọi thành:

A. An Nam Cộng sản Đảng

B. Tân Việt Cách mạng Đảng

C. Đảng Lao động Việt Nam

D. Đảng Cộng sản Việt Nam

Câu 20: Theo Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh của những giai tầng nào làm nền tảng?

A. Công nhân - tiểu tư sản

B. Công nhân - tư sản

C. Công nhân - nông dân - trí thức

D. Công nhân - nông dân

Câu 21: Theo Hồ Chí Minh, giai cấp nào “nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc”?

A. Công nhân - tiểu tư sản

B. Công nhân - tư sản

C. Công nhân - trí thức

D. Công nhân - nông dân

Câu 22: Ai là tác giả của quan điểm: “Không có sự đồng tình ủng hộ của đại đa số nhân dân lao động đối với đội tiền phong của mình tức là đối với giai cấp vô sản, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được”?

A. V.I.Lênin

- B. Hồ Chí Minh
- C. Các Mác
- D. Ăngghen

Câu 23: Ai là tác giả của quan điểm: Cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”?

- A. V.I.Lênin
- B. Hồ Chí Minh
- C. Các Mác
- D. Ăngghen

Câu 24: Khi xác định lực lượng cách mạng là toàn dân, theo Hồ Chí Minh, giai tầng nào là “chủ cách mệnh”, là “gốc cách mệnh”?

- A. Công nhân - tiểu tư sản
- B. Công nhân - tư sản
- C. Công nhân - nông dân - trí thức
- D. Công nhân – nông dân

Câu 25: Trong tác phẩm nào Hồ Chí Minh viết: “Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa”?

- A. *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925)
- B. *Đường cách mệnh* (1927)
- C. *Đời sống mới* (1944)
- D. *Di chúc* (1969)

Câu 26: Theo Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp gì?

- A. Cách mạng dân chủ nhân dân
- B. Cách mạng xã hội chủ nghĩa
- C. Cách mạng bạo lực
- D. Cách mạng vô sản

Câu 27: Theo Hồ Chí Minh, hình thức bạo lực cách mạng của quần chúng được thực hiện dưới hai lực lượng nào?

- A. Chính trị và kinh tế
- B. Chính trị và quân sự
- C. Chính trị và văn hóa
- D. Chính trị và ngoại giao

Câu 28: Theo Hồ Chí Minh, hình thức bạo lực cách mạng của quần chúng được thực hiện dưới hai hình thức đấu tranh nào?

- A. Đấu tranh chính trị và đấu tranh kinh tế

- B. Đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang
- C. Đấu tranh chính trị và đấu tranh văn hóa
- D. Đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao

Câu 29: Trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, hình thức tổng khởi nghĩa của quần chúng nhân dân trong cả nước chủ yếu dựa vào lực lượng nào?

- A. Lực lượng chính trị, kết hợp với lực lượng bộ đội chủ lực
- B. Lực lượng chính trị, kết hợp với lực lượng vũ trang
- C. Lực lượng chính trị, kết hợp với lực lượng dân quân du kích
- D. Lực lượng chính trị, kết hợp với lực lượng bộ đội địa phương

Câu 30: Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa cộng sản có mấy giai đoạn?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 31: Theo Hồ Chí Minh, giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản là gì?

- A. Công xã nguyên thủy
- B. Chế độ phong kiến
- C. Chủ nghĩa tư bản
- D. Chủ nghĩa xã hội

Câu 32: Theo Hồ Chí Minh, trong xã hội xã hội chủ nghĩa, địa vị cao nhất thuộc về:

- A. Tiểu tư sản
- B. Nông nhân
- C. Công nhân
- D. Nhân dân

Câu 33: Theo Hồ Chí Minh, trong xã hội xã hội chủ nghĩa, mọi quyền lợi, quyền lực, quyền hạn thuộc về thuộc về:

- A. Tiểu tư sản
- B. Nông nhân
- C. Công nhân
- D. Nhân dân

Câu 34: Theo Hồ Chí Minh, nền kinh tế chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam dựa trên chế độ sở hữu nào?

- A. Sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể
- B. Sở hữu toàn dân và sở hữu nhà nước

- C. Sở hữu nhà nước và sở hữu tư nhân
- D. Sở hữu nhà nước và sở hữu công cộng

Câu 35: Theo Hồ Chí Minh, thành phần kinh tế nào lãnh đạo nền kinh tế quốc dân và kinh tế hợp tác xã?

- A. Kinh tế tư bản tư nhân
- B. Kinh tế cá thể, tiểu chủ
- C. Kinh tế tư bản Nhà nước
- D. Kinh tế quốc doanh

Câu 36: Theo Hồ Chí Minh, thành phần kinh tế nào là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động nên Nhà nước phải bảo đảm ưu tiên phát triển?

- A. Kinh tế tư bản tư nhân
- B. Kinh tế cá thể, tiểu chủ
- C. Kinh tế hợp tác xã
- D. Kinh tế quốc doanh

Câu 37: Theo Hồ Chí Minh, thành phần kinh tế nào Nhà nước phải đặc biệt khuyến khích, hướng dẫn, giúp đỡ?

- A. Kinh tế tư bản tư nhân
- B. Kinh tế cá thể, tiểu chủ
- C. Kinh tế hợp tác xã
- D. Kinh tế quốc doanh

Câu 38: Điền vào chỗ trống: “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội phải phát triển (...)”.

- A. Khoa học và văn hóa
- B. Chính trị và văn hóa
- C. Kinh tế và văn hóa
- D. Ngoại giao và văn hóa

Câu 39: Theo Hồ Chí Minh, để phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa thì văn hóa phải có nội dung và hình thức như thế nào?

- A. Dân tộc về nội dung và xã hội chủ nghĩa về hình thức
- B. Xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức
- C. Độc lập dân tộc về nội dung và dân chủ về hình thức
- D. Xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân chủ về hình thức

Câu 40: Theo Hồ Chí Minh, nền văn hóa Việt Nam có tính chất gì?

- A. Dân tộc, khoa học và đại chúng
- B. Dân tộc, khoa học và nhân văn
- C. Tiên tiến, yêu nước và đậm đà bản sắc dân tộc

D. Dân tộc, tiên bộ và hiện đại

Câu 41: Theo Hồ Chí Minh, “của quý báu nhất của nhân dân” là gì?

•

A. Việc làm

B. Tự do

C. Dân chủ

D. Bình đẳng

Câu 42: Điền vào chỗ trống: “Việc gì có lợi cho (...) phải hết sức làm, việc gì có hại cho (...) phải hết sức tránh”.

A. toàn dân - toàn dân

B. quần chúng - quần chúng

C. dân - dân

D. nhân dân - nhân dân

Câu 43: Theo Hồ Chí Minh, tổ chức nào đại diện cho ý chí và quyền lực của nhân dân, thực hiện chức năng quản lý xã hội để biến đường lối, chủ trương của Đảng thành hiện thực?

A. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

C. Đảng

D. Nhà nước

Câu 44: Theo Hồ Chí Minh, tổ chức nào như người cầm lái, người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy?

A. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

C. Đảng

D. Nhà nước

Câu 45: Theo Hồ Chí Minh, nhiệm vụ về chính trị của thời kỳ quá độ là gì?

A. Phải xây dựng được chế độ dân chủ

B. Phải xây dựng được nền kinh tế vững mạnh

C. Phải xây dựng được con người xã hội chủ nghĩa

D. Phải xây dựng được Nhà nước vững mạnh

Câu 46: Theo Hồ Chí Minh, nhiệm vụ quan trọng nhất về kinh tế của thời kỳ quá độ là gì?

A. Cải tạo nền kinh tế cũ, xây dựng nền kinh tế mới có công và thương nghiệp hiện đại

B. Cải tạo nền kinh tế cũ, xây dựng nền kinh tế mới có công và nông nghiệp hiện đại

C. Cải tạo nền kinh tế cũ, xây dựng nền kinh tế mới có công và ngư nghiệp hiện đại

D. Cải tạo nền kinh tế cũ, xây dựng nền kinh tế mới có công và lâm nghiệp hiện đại

Câu 47: Theo Hồ Chí Minh, nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài trong cải tạo và xây dựng kinh tế là gì?

A. Cải biến

B. Cải tạo

C. Xây dựng

D. Xây mới

Câu 48: Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa nào là khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bóc lột?

A. Chủ nghĩa xã hội

B. Chủ nghĩa Tam dân

C. Chủ nghĩa yêu nước

D. Chủ nghĩa Mác - Lênin

Câu 49: Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa nào là khoa học về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở tất cả các nước?

A. Chủ nghĩa Mác - Lênin

B. Chủ nghĩa cộng sản

C. Chủ nghĩa yêu nước

D. Chủ nghĩa xã hội

Câu 50: Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa nào là khoa học về xây dựng chủ nghĩa cộng sản?

A. Chủ nghĩa xã hội

B. Chủ nghĩa Tam dân

C. Chủ nghĩa Mác - Lênin

D. Chủ nghĩa yêu nước

Chương 4

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN

Mục tiêu Chương 4

Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Về kỹ năng: Góp phần bồi dưỡng cho sinh viên kỹ năng phân tích một cách khoa học những vấn đề về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong thời kỳ đổi mới của đất nước.

Về tư tưởng: Góp phần làm cho sinh viên tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lý của Nhà nước Việt Nam giai đoạn kinh tế thị trường, hội nhập, toàn cầu hoá.

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (năm 1927), Hồ Chí Minh khẳng định: Cách mạng trước hết phải có “đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp ở mọi nơi. Đảng có vững, cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹.

Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện là một đảng chính trị tồn tại và phát triển theo những quan điểm của V.I.Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

Hồ Chí Minh là người trung thành với học thuyết Mác - Lênin, trong đó có lý luận của V.I.Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản, đồng thời vận dụng sáng tạo và phát triển lý luận đó vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Trên thế giới, nói chung, sự ra đời của một đảng cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân. Còn đối với Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng: Sự ra đời của Đảng Cộng

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.289.

sản Việt Nam là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Như vậy, so với học thuyết Mác - Lênin thì Hồ Chí Minh đưa thêm vào yếu tố thứ ba nữa, đó là phong trào yêu nước.

Quan điểm của Hồ Chí Minh trên đây là hoàn toàn phù hợp với xã hội thuộc địa và phong kiến như Việt Nam, khi mọi giai cấp, tầng lớp, trừ tư sản mại bản và đại địa chủ, còn đều có mâu thuẫn dân tộc. Đó là *mâu thuẫn cơ bản* giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với các thế lực đế quốc và tay sai.

2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh

a. Đảng là đạo đức, là văn minh

Trong bài nói tại Lễ Kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Đảng (năm 1960), Hồ Chí Minh cho rằng: “*Đảng ta là đạo đức, là văn minh*”¹. Theo Hồ Chí Minh, đạo đức của Đảng thể hiện trên những điểm sau đây:

(1) Mục đích hoạt động của Đảng là lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Đó là sự nghiệp cách mạng theo chủ nghĩa Mác-Lênin, làm cho dân tộc được độc lập, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc thực sự, đoàn kết hữu nghị với các dân tộc trên thế giới.

(2) Cương lĩnh, đường lối, chủ trương và mọi hoạt động thực tiễn của Đảng đều phải nhằm mục đích đó. Đảng phải luôn luôn trung thành với lợi ích toàn dân tộc vì Đảng không có mục đích riêng; sự ra đời và phát triển của Đảng đều vì mục đích làm cho đất nước hùng cường đi lên chủ nghĩa xã hội, đưa lại quyền lợi cho dân.

(3) Đội ngũ đảng viên phải luôn luôn thấm nhuần đạo đức cách mạng, ra sức tu dưỡng, rèn luyện, suốt đời phấn đấu cho lợi ích của dân, của nước. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Đảng “là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nghĩa là những người thợ thuyền, dân cày và lao động trí óc kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân. Những người mà:

Giàu sang không thể quyến rũ
Nghèo khó không thể chuyển lay,
Uy lực không thể khuất phục”².

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.403.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.50.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹; rằng, Đảng phải “sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành của nhân dân”².

Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thành một Đảng có *đạo đức cách mạng*, về ý nghĩa cơ bản mà xét, cũng tức là xây dựng Đảng để Đảng trở thành một Đảng văn minh, hoặc Hồ Chí Minh hay gọi đó là “một Đảng *cách mạng chân chính*”. Điều này thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau đây:

(1) Đảng văn minh là một Đảng tiêu biểu cho lương tâm, trí tuệ và danh dự của dân tộc.

(2) Đảng ra đời là một tất yếu, phù hợp với quy luật phát triển văn minh tiên bộ của dân tộc và của nhân loại.

(3) Đảng phải luôn luôn trong sạch, vững mạnh, làm tròn sứ mệnh lịch sử do nhân dân, dân tộc giao phó là lãnh đạo giành độc lập cho Tổ quốc và đưa lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

(4) Xây dựng Đảng văn minh còn thể hiện trong giai đoạn cầm quyền, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, Đảng không phải là tổ chức đứng trên dân tộc.

(5) Đảng văn minh còn là ở chỗ đội ngũ đảng viên, từ những đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong bộ máy Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng, nhất là những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý chủ chốt, cho đến đảng viên không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải là những chiến sĩ tiên phong, gương mẫu trong công tác và cuộc sống hằng ngày.

(6) Đảng văn minh phải là Đảng có quan hệ quốc tế trong sáng, hoạt động không những vì lợi ích dân tộc Việt Nam mà còn vì độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia khác; vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển của các dân tộc trên thế giới.

Nếu Đảng không *đạo đức*, văn minh thì Đảng sẽ bị mất quyền lãnh đạo và khi đó Đảng chứng tỏ là một tổ chức không trong sạch, vững mạnh, đội ngũ cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất. Đến mức như thế và đến lúc như thế thì mọi thành quả của *cách mạng Việt Nam* sẽ bị tiêu tan đúng như cái logic tất yếu mà Hồ Chí Minh đã cảnh báo: “Một dân tộc, một đảng

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611-612.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.50.

viên và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”¹.

b. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động Đảng

- *Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.* Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (năm 1927), Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”².

Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh phải trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin nhưng đồng thời phải luôn luôn sáng tạo, vận dụng cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh, từng lúc, từng nơi, không được phép giáo điều.

- *Tập trung dân chủ.* Hồ Chí Minh đưa ra luận đề liên quan mật thiết với nhau: Tập trung trên nền tảng dân chủ, dân chủ phải đi đến tập trung. Như vậy, hàm lượng dân chủ càng cao, càng đậm đặc bao nhiêu trong hoạt động của Đảng thì tập trung trong Đảng càng đúng đắn bấy nhiêu. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, phải làm cho tất cả mọi đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình ở trong Đảng, tức là khơi dậy tinh thần trách nhiệm và tính tích cực chủ động của tất cả đảng viên. Khi đã thảo luận, bày tỏ ý kiến rồi thì đi đến tập trung, tức là đề cập ý chí thống nhất, hành động thống nhất, như thế mới có sức mạnh. Và, nói như Hồ Chí Minh, lúc ấy quyền tự do của đảng viên trở thành quyền phục tùng chân lý, mà chân lý là những điều có lợi cho dân, cho nước. Điều kiện tiên quyết khi thực hiện nguyên tắc này là tổ chức Đảng phải *trong sạch, vững mạnh*.

Đối với tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, có lúc Hồ Chí Minh coi tập thể lãnh đạo là dân chủ, cá nhân phụ trách là tập trung. Để nhấn mạnh tính chất này, Hồ Chí Minh lưu ý hai điều cần tránh trong hoạt động của Đảng: (1) Độc đoán, chuyên quyền, coi thường tập thể; (2) Dựa dẫm tập thể, không dám quyết đoán. Hai vế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách phải luôn luôn đi đôi với nhau.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.672.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.289.

- *Tự phê bình và phê bình*. Hồ Chí Minh coi tự phê bình và phê bình là việc làm thường xuyên, “như mỗi ngày phải rửa mặt”¹. Người viết trong *Di chúc*: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng”². Người cho rằng, tự phê bình và phê bình là “thang thuốc” tốt nhất để làm cho phần tốt trong mỗi tổ chức và mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi; tự phê bình và phê bình phải trung thực, kiên quyết, đúng người, đúng việc, phải có văn hóa... Trong Đảng, “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”³.

- *Kỷ luật nghiêm minh, tự giác*. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đảng tổ chức rất nghiêm, khác với các đảng phái khác và các hội quần chúng. Trong Đảng chỉ kết nạp những phần tử hăng hái nhất, cách mạng nhất. Đảng có những điều kiện kỷ luật bắt buộc mỗi đảng viên phải theo. Không có kỷ luật sắt không có Đảng. Đã vào Đảng thì phải theo tư tưởng của Đảng. Đảng đã chỉ thị nghị quyết là phải làm. Không làm thì đuổi ra ngoài Đảng”⁴. Sức mạnh của một đảng cộng sản bắt nguồn từ kỷ luật, muôn người như một, cùng một ý chí và hành động. Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng ta tuy đông người, nhưng khi tiến đánh chỉ như một người. Điều đó là nhờ trong Đảng có kỷ luật. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, “Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới. Kỷ luật này là tư tưởng phải nhất trí, hành động phải nhất trí”⁵. Kỷ luật của Đảng là kỷ luật tự giác, “do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng”⁶; khi đã tự giác thì kỷ luật của Đảng mới nghiêm và mới bền lâu, thực sự tạo sức mạnh cho Đảng.

- *Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn*. Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng không có mục đích tự thân, Đảng không phải là tổ chức để làm quan phát tài mà Đảng từ trong mà ra, hoạt động vì Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng. Thường xuyên tự chỉnh đốn, do đó, trở thành một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong xây dựng Đảng. Điều này càng đặc biệt quan trọng hơn khi Đảng đứng trước những thử thách lớn trong quá trình hoạt động, chẳng hạn, Hồ Chí Minh nêu ý kiến rằng, ngay sau khi cuộc chống

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.279

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.367.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.290.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.290.

Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam hoàn toàn thắng lợi, “việc cần phải làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”¹.

- *Đoàn kết, thống nhất trong Đảng*. Đoàn kết trong Đảng là điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đoàn kết, thống nhất trong Đảng trước hết là trong cấp uỷ, trong những cán bộ lãnh đạo chủ chốt; đoàn kết trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, trên cơ sở cương lĩnh, đường lối, quan điểm, nghị quyết của Đảng. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. *Đoàn kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân tộc ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”².

- *Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân*. Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của toàn thể dân tộc Việt Nam. Vấn đề mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản - Giai cấp công nhân - Nhân dân Việt Nam là mối quan hệ khăng khít, máu thịt. Mỗi một thành tố đều có chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng tất cả những thành tố đó cũng như sự hoạt động, sự tương tác của chúng đều có tính hướng đích: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh Đảng Cộng sản Việt Nam “không phải trên trời sa xuống. Nó ở trong xã hội mà ra”³; “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”⁴; “ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác”⁵; “Đảng ta là một đảng cách mạng, một đảng vì dân, vì nước”⁶. Ngay từ năm 1945, khi nước nhà vừa mới giành được độc lập, Hồ Chí Minh nêu lên một quan điểm: “Nếu nước

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.616.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.303

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.289

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.290

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.294

độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹. Người còn nói rõ thêm: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”². Trong một bài nói chuyện ngày 10-5-1950, Hồ Chí Minh nói: “Đảng không phải làm quan, sai khiến quần chúng, mà phải làm đầy tớ cho quần chúng và phải làm cho ra trò, nếu không, quần chúng sẽ đá đi”³.

Hồ Chí Minh đã nhiều lần phê bình những cán bộ, đảng viên “vác mặt quan cách mạng” xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân. Hồ Chí Minh ý thức được rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam nhất thiết phải là hiện thân của văn hóa dân tộc vì Đảng là đội tiên phong không những của giai cấp công nhân mà còn là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng viên không được cứ ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau; không phải cứ dán lên trán hai chữ “cộng sản” là dân tin, dân yêu, dân kính, dân phục, mà phải trong công tác hằng ngày cố gắng học dân, làm cho dân tin, tức là coi trọng chữ TÍN - dân tin Đảng và Đảng tin dân. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như lơ lửng giữa trời, nhất định sẽ thất bại. Mất lòng tin là mất tất cả. Hướng vào việc phục vụ dân - đó chính là yêu cầu của Hồ Chí Minh đối với Đảng. Đồng thời, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, Đảng “học hỏi quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng”⁴, phải chú ý nâng cao dân chúng.

- *Đoàn kết quốc tế*. Đảng phải chú trọng giữ vững và tăng cường mối quan hệ quốc tế trong sáng. Điều này xuất phát từ tính chất quốc tế của giai cấp công nhân mà C.Mác, Ph. Ăngghen, V.I.Lênin đã nhiều lần đề cập. Đối với nguyên tắc này, Hồ Chí Minh coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới và trong *Di chúc*, Người mong Đảng “sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”⁵.

c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên

Hồ Chí Minh lưu ý phải xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vừa có đức vừa có tài, trong sạch, vững mạnh.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.64

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.175

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.367

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.333.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.613.

Phải tuyệt đối trung thành với Đảng.

Cán bộ, đảng viên phải tuyệt đối trung thành với Đảng, suốt đời phấn đấu cho lợi ích của cách mạng, vì mục tiêu lý tưởng của Đảng, những người “đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, lên trước hết, vì lợi ích của Đảng tức là lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc. Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau... Nếu gặp khi lợi ích chung của Đảng mâu thuẫn với lợi ích riêng của cá nhân, thì phải kiên quyết hy sinh lợi ích của cá nhân cho lợi ích của Đảng. Khi cần đến tính mệnh của mình cũng phải vui lòng hy sinh cho Đảng”¹.

- Phải là những người nghiêm chỉnh thực hiện cương lĩnh, đường lối, quan điểm, chủ trương, nghị quyết của Đảng và các nguyên tắc xây dựng Đảng.

- Phải luôn luôn tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng.

- Phải luôn luôn học tập nâng cao trình độ về mọi mặt.

- Phải có mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Phải làm đầy tớ thật trung thành cho nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tiên phong, gương mẫu, chịu khổ trước nhân dân và vui sau nhân dân, “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”.

- Phải luôn luôn chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo.

Không bao giờ thụ động, không bao giờ lười biếng mà phải là những người “thắng không kiêu bại không nản”, luôn luôn có tinh thần sáng tạo, hăng hái, nêu cao trách nhiệm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân.

- Phải là những người luôn luôn phòng và chống các tiêu cực.

Trong việc phòng và chống các tiêu cực, phải đặc biệt phòng và chống tham ô, lãng phí, quan liêu mà Hồ Chí Minh cho đó là giặc nội xâm, là những kẻ địch bên trong, “mỗi kẻ địch bên trong là một bạn đồng minh của kẻ địch bên ngoài. Địch bên ngoài không đáng sợ. Địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ trong phá ra”².

Hồ Chí Minh cho rằng, một đảng giấu giếm khuyết điểm của mình là một đảng hỏng, “Đảng không che giấu những khuyết điểm của mình, không sợ phê bình. Đảng phải nhận khuyết điểm của mình mà tự sửa chữa, để tiến bộ, và để dạy bảo cán bộ và đảng viên”³. Trong các quan điểm của

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.290-291.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.278.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.290.

Hồ Chí Minh, có những vẻ xử lý các mối quan hệ với những đức tính: Nghiêm khắc và độ lượng; kỷ luật và khoan hòa; phòng đi trước và đi liền với chống; xử lý ba mối quan hệ đối với người, đối với việc và đối với mình đều trên cơ sở vừa có lý vừa có tình; có tấm lòng bao dung đi liền với xử lý một cách đúng người, đúng tội, đúng kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, bất kể người đó là ai, đảng viên thường hay là đảng viên là cán bộ giữ những chức vụ nào trong bộ máy của Đảng, Nhà nước cũng như trong bộ máy của hệ thống chính trị nói chung. Ở bài báo trong những tháng cuối cùng của cuộc đời Hồ Chí Minh là bài “*Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*” (đăng báo *Nhân Dân*, số 5409, ngày 3-2-1969), Người vẫn dành nhiều ý về vấn đề tư cách, đạo đức, chống sự suy thoái trong cán bộ, đảng viên. Sau khi nêu lên ưu điểm của đảng viên, Hồ Chí Minh chỉ ra “còn một số ít cán bộ, đảng viên mà đạo đức, phẩm chất còn thấp kém”. Những người này mang nặng chủ nghĩa cá nhân, việc gì cũng nghĩ đến lợi ích riêng của mình trước hết; ngại gian khổ, sa vào tham ô, hủ hoá, lãng phí, xa hoa; tham danh, trục lợi, thích địa vị, quyền hành; coi thường tập thể, xem khinh quần chúng; độc đoán, chuyên quyền; mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh; không chịu học tập để tiến bộ; mất đoàn kết, thiếu tinh tổ chức, kỷ luật; kém tinh thần trách nhiệm; không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng *công tác cán bộ*, vì Người cho rằng: “Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”¹; cán bộ là gốc của mọi công việc, “muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém”². Trong công tác cán bộ, Hồ Chí Minh yêu cầu: Phải hiểu và đánh giá đúng cán bộ; phải chú trọng huấn luyện cán bộ, huấn luyện một cách thiết thực, có hiệu quả; phải đề bạt đúng cán bộ; phải sắp xếp, sử dụng cán bộ cho đúng; phải kết hợp “cán bộ cấp trên phái đến và cán bộ địa phương”³; phải chống bệnh địa phương cục bộ; phải kết hợp cán bộ trẻ với cán bộ cũ; phải phòng và chống các tiêu cực trong công tác cán bộ; phải thường xuyên kiểm tra, giúp đỡ cán bộ.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.309

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.280

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.276

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN

1. Nhà nước dân chủ

a. Bản chất giai cấp của nhà nước

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam là nhà nước dân chủ, nhưng tuyệt nhiên nó không phải là “Nhà nước toàn dân”, hiểu theo nghĩa là nhà nước phi giai cấp. Nhà nước ở đâu và bao giờ cũng mang bản chất của một giai cấp nhất định. *Nhà nước Việt Nam mới - Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa¹, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là một nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân.*

Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vị trí và vai trò cầm quyền. Lời nói đầu của bản Hiến pháp năm 1959 khẳng định: “Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo”. Ngay trong quan điểm về nhà nước dân chủ, nhà nước do nhân dân là người chủ nắm chính quyền, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh nòng cốt của nhân dân là liên minh công - nông - trí, do giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đảng cầm quyền bằng phương thức thích hợp sau đây: (1) Bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật, chính sách, kế hoạch; (2) Bằng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan nhà nước; (3) Bằng công tác kiểm tra.

Hai là, bản chất giai cấp của Nhà nước Việt Nam thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển đất nước. Đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là mục tiêu cách mạng nhất quán của Hồ Chí Minh. Việc giành lấy chính quyền, lập nên Nhà nước Việt Nam mới, chính là để giai cấp công nhân và nhân dân lao động có được một công cụ mạnh mẽ nhằm thực hiện mục tiêu nói trên.

Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ. Hồ Chí Minh rất chú ý đến cả hai mặt dân chủ và tập trung trong tổ chức và hoạt động của tất cả bộ máy, cơ quan nhà nước. Người nhấn mạnh đến sự cần thiết phải phát huy cao độ dân chủ, đồng thời cũng nhấn mạnh phải phát huy cao độ tập trung, Nhà nước phải tập trung thống nhất quyền lực để tất cả mọi quyền lực thuộc về nhân dân.

¹ Nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong Nhà nước Việt Nam, *bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc*. Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc, thể hiện cụ thể như sau:

Một là, Nhà nước Việt Nam ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người Việt Nam, của toàn thể dân tộc. Từ giữa thế kỷ XIX, khi đất nước bị ngoại xâm, các tầng lớp nhân dân Việt Nam, hết thế hệ này đến thế hệ khác đã không quản hy sinh, xương máu chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trở thành lực lượng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc, với chiến lược đại đoàn kết đúng đắn, sức mạnh của toàn thể dân tộc đã được tập hợp và phát huy cao độ, chiến thắng ngoại xâm, giành lại độc lập, tự do, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Nhà nước Việt Nam mới, do vậy, không phải của riêng giai cấp, tầng lớp nào, mà là thuộc về nhân dân.

Hai là, Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời đã xác định rõ và luôn kiên trì, nhất quán mục tiêu vì quyền lợi của nhân dân, lấy quyền lợi của dân tộc làm nền tảng. Bản chất của vấn đề này là ở chỗ, Hồ Chí Minh khẳng định quyền lợi cơ bản của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Nhà nước Việt Nam mới là người đại diện, bảo vệ, đấu tranh không chỉ cho lợi ích của giai cấp công nhân, mà còn của nhân dân lao động và của toàn dân tộc.

Ba là, trong thực tế, Nhà nước mới ở Việt Nam đã đảm đương nhiệm vụ mà toàn thể dân tộc giao phó là tổ chức nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới. Con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đi đến chủ nghĩa cộng sản là con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định, cũng là sự nghiệp của chính Nhà nước.

b. Nhà nước của nhân dân

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, nhà nước của dân là nhà nước mà tất cả mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Người khẳng định: “Trong Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của chúng ta, tất cả mọi quyền lực đều là của nhân dân”¹. Nhà nước của dân tức là “dân là chủ”. Nguyên lý “dân là chủ” khẳng định địa vị chủ thể tối cao của mọi quyền lực là nhân dân.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.8, tr. 262

Trong Nhà nước dân chủ, nhân dân thực thi quyền lực thông qua hai hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp. Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ trong đó nhân dân trực tiếp quyết định mọi vấn đề liên quan đến vận mệnh của quốc gia, dân tộc và quyền lợi của dân chúng. Hồ Chí Minh luôn coi trọng hình thức dân chủ trực tiếp bởi đây là hình thức dân chủ hoàn bị nhất, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hành dân chủ trực tiếp.

Cùng với dân chủ trực tiếp, dân chủ gián tiếp hay dân chủ đại diện là hình thức dân chủ được sử dụng rộng rãi nhằm thực thi quyền lực của nhân dân. Đó là hình thức dân chủ mà trong đó nhân dân thực thi quyền lực của mình thông qua các đại diện mà họ lựa chọn, bầu ra và những thiết chế quyền lực mà họ lập nên. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, trong hình thức dân chủ gián tiếp:

- *Quyền lực nhà nước là “thừa ủy quyền” của nhân dân.* Tự bản thân nhà nước không có quyền lực. Quyền lực của nhà nước là do nhân dân ủy thác cho. Do vậy, các cơ quan quyền lực nhà nước cùng với đội ngũ cán bộ của nó đều là “công bộc” của nhân dân, nghĩa là “gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân”¹. Ở đây, Hồ Chí Minh đã xác định rõ vị thế và mối quan hệ giữa nhân dân với cán bộ nhà nước trên cơ sở nhân dân là chủ thể nắm giữ mọi quyền lực. Theo Hồ Chí Minh: “Dân làm chủ thì Chủ tịch, Bộ trưởng, thứ trưởng, uỷ viên này uỷ viên khác là làm gì? Làm đầy tớ. Làm đầy tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng”²; “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân”³. Hồ Chí Minh kịch liệt phê phán những cán bộ nhà nước thoái hóa, biến chất, từ chỗ là công bộc của dân đã trở thành “quan cách mạng”, đứng trên nhân dân, coi khinh nhân dân, “cây thế” với dân, “quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân”.

Nhân dân có quyền kiểm soát, phê bình nhà nước, có quyền bãi miễn những đại biểu mà họ đã lựa chọn, bầu ra và có quyền giải tán những thiết chế quyền lực mà họ đã lập nên. Đây là quan điểm rõ ràng, kiên quyết của Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo cho mọi quyền lực, trong đó có quyền lực nhà nước, luôn nằm trong tay dân chúng. Một nhà nước thật sự của dân,

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 64-65.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr. 572.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr. 434.

theo Hồ Chí Minh, luôn “mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”¹; trong Nhà nước đó, “nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”², thậm chí, “nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”³.

- *Luật pháp dân chủ và là công cụ quyền lực của nhân dân.* Theo Hồ Chí Minh, sự khác biệt căn bản của luật pháp trong Nhà nước Việt Nam mới với luật pháp của các chế độ tư sản, phong kiến là ở chỗ nó phản ánh được ý nguyện và bảo vệ quyền lợi của dân chúng. Luật pháp đó là của nhân dân, là công cụ thực thi quyền lực của nhân dân, là phương tiện để kiểm soát quyền lực nhà nước.

c. Nhà nước do dân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà nước do nhân dân trước hết là nhà nước do nhân dân lập nên sau thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhân dân “cử ra”, “tổ chức nên” nhà nước dựa trên nền tảng pháp lý của một chế độ dân chủ và theo các trình tự dân chủ với các quyền bầu cử, phúc quyết, v.v..

Nhà nước do nhân dân còn có nghĩa “dân làm chủ”. Người khẳng định rõ: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ”⁴. Nếu “dân là chủ” xác định vị thế của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, thì “dân làm chủ” nhấn mạnh quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân với tư cách là người chủ. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, “nhân dân có *quyền lợi* làm chủ, thì phải có *nghĩa vụ* làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân”⁵. Dân làm chủ thì phải tuân theo pháp luật của Nhà nước, tuân theo kỷ luật lao động, giữ gìn trật tự chung, đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung, hăng hái tham gia công việc chung, bảo vệ tài sản công cộng, bảo vệ Tổ quốc, v.v..

Trong nhà nước do nhân dân làm chủ, nhà nước phải tạo mọi điều kiện để nhân dân được thực thi những quyền mà Hiến pháp và pháp luật đã quy định, hưởng dụng đầy đủ quyền lợi và làm tròn nghĩa vụ làm chủ

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr. 81.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr. 375.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr. 75.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr. 258.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr. 258.

của mình. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân.

Nhà nước do dân cần coi trọng việc giáo dục nhân dân, đồng thời nhân dân cũng phải tự giác phấn đấu để có đủ năng lực thực hiện quyền dân chủ của mình. Hồ Chí Minh nói: “Chúng ta là những người lao động làm chủ nước nhà. Muốn làm chủ được tốt, phải có năng lực làm chủ”¹. Không chỉ tuyên bố quyền làm chủ của nhân dân, cũng không chỉ đưa nhân dân tham gia công việc nhà nước, mà còn chuẩn bị và động viên nhân dân chuẩn bị tốt năng lực làm chủ, quan điểm đó thể hiện tư tưởng dân chủ triệt để của Hồ Chí Minh khi nói về nhà nước do nhân dân.

d. Nhà nước vì nhân dân

Nhà nước vì dân là nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thực sự trong sạch, cần kiệm liêm chính. Hồ Chí Minh là một vị Chủ tịch vì dân và Người yêu cầu các cơ quan nhà nước, các cán bộ nhà nước đều phải vì nhân dân phục vụ. Người nói: “Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”². Theo Hồ Chí Minh, thước đo một Nhà nước vì dân là phải được lòng dân. Hồ Chí Minh đặt vấn đề với cán bộ Nhà nước phải “làm sao cho được lòng dân, dân tin, dân mến, dân yêu”, đồng thời chỉ rõ: “Muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thảy, phải có một tinh thần chí công vô tư”³. Trong Nhà nước vì dân, cán bộ vừa là đầy tớ, nhưng đồng thời phải vừa là người lãnh đạo nhân dân. Hai đòi hỏi này tưởng chừng như mâu thuẫn, nhưng đó là những phẩm chất cần có ở người cán bộ nhà nước vì dân. Là đầy tớ thì phải trung thành, tận tụy, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Là người lãnh đạo thì phải có trí tuệ hơn người, minh mẫn, sáng suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi nhân dân, trọng dụng hiền tài. Như vậy, để làm người thay mặt nhân dân phải gồm đủ cả đức và tài, phải vừa hiền lại vừa minh.

2. Nhà nước pháp quyền

a. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr. 527.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 21.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 52.

Hồ Chí Minh luôn chú trọng vấn đề xây dựng nền tảng pháp lý cho Nhà nước Việt Nam mới. Người đã sớm thấy rõ tầm quan trọng của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống chính trị - xã hội. Điều này thể hiện trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* của nhóm những người Việt Nam yêu nước tại Pháp do Người thay mặt nhóm gửi đến Hội nghị Vécxây (Pháp) năm 1919. Bản Yêu sách đó nêu ra yêu cầu “cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách làm cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *bảo đảm về mặt pháp luật* như người Âu châu; *xoá bỏ hoàn toàn* các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam”; “Thay thế *chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật*”¹.

Chính vì thế, chỉ một ngày sau khi đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời (ngày 3-9-1945), Hồ Chí Minh đã đề nghị: “Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc **TỔNG TUYỂN CỬ** với chế độ phổ thông đầu phiếu”² để lập nên Quốc hội rồi từ đó lập ra Chính phủ và các cơ quan, bộ máy hợp hiến, thể hiện quyền lực tối cao của nhân dân như vậy thì nước ta mới có cơ sở pháp lý vững chắc để làm việc với quân Đồng Minh, mới có quan hệ quốc tế bình đẳng, mới thiết lập được một cơ chế quyền lực hợp pháp theo đúng thông lệ của một Nhà nước pháp quyền hiện đại.

Cuộc Tổng tuyển cử được tiến hành thắng lợi ngày 6-1-1946 với chế độ phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Lần đầu tiên trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam cũng như lần đầu tiên ở Đông Nam châu Á, tất cả mọi người dân từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, dân tộc, đảng phái, tôn giáo... đều đi bỏ phiếu bầu những đại biểu của mình tham gia Quốc hội. Ngày 2-3-1946, Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã họp phiên đầu tiên, lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp đầu tiên. Đây chính là Chính phủ có đầy đủ tư cách pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại ở nước ta.

b. Nhà nước thượng tôn pháp luật

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr. 441.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 7.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước quản lý bằng bộ máy và bằng nhiều biện pháp khác nhau, nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng Hiến pháp và bằng pháp luật nói chung. Muốn vậy, trước hết, *cần làm tốt công tác lập pháp*. Hồ Chí Minh luôn chú trọng xây dựng hệ thống luật pháp dân chủ, hiện đại. Ở cương vị Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã hai lần tham gia vào quá trình lãnh đạo soạn thảo Hiến pháp (Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959), đã ký lệnh công bố 16 đạo luật, 613 sắc lệnh trong đó có 243 sắc lệnh quy định về tổ chức Nhà nước và pháp luật, và nhiều văn bản dưới luật khác. Trong bối cảnh đất nước phải vừa kháng chiến, vừa kiến quốc vô cùng cùng khó khăn, sự ra đời của hệ thống luật pháp như trên thể hiện rất rõ nỗ lực của Hồ Chí Minh và Nhà nước Việt Nam trong công tác lập pháp.

Cùng với công tác lập pháp, Hồ Chí Minh cũng rất *chú trọng đưa pháp luật vào trong cuộc sống, đảm bảo cho pháp luật được thi hành và có cơ chế giám sát việc thi hành pháp luật*.

Hồ Chí Minh chỉ rõ sự cần thiết phải nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực sử dụng luật của người dân, giáo dục ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật trong nhân dân. Pháp luật là công cụ quyền lực của nhân dân, vì thế điều quan trọng là phải *“làm sao cho dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm”*¹. Người cho rằng, công tác giáo dục pháp luật cho mọi người, đặc biệt cho thế hệ trẻ trở nên cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền, bảo đảm mọi quyền và nghĩa vụ công dân được thực thi trong cuộc sống. Việc thực thi pháp luật có quan hệ rất lớn đến trình độ dân trí của nhân dân, vì vậy, Hồ Chí Minh chú trọng đến vấn đề nâng cao dân trí, phát huy tính tích cực chính trị của nhân dân, làm cho nhân dân có ý thức chính trị trong việc tham gia công việc của chính quyền các cấp.

Hồ Chí Minh luôn *nêu cao tính nghiêm minh của pháp luật*. Người tuyên bố: “Pháp luật Việt Nam tuy khoan hồng với những người biết cải tà quy chính, nhưng sẽ thẳng tay trừng trị những tên Việt gian đầu sỏ đã bán nước buôn dân”². Điều đó đòi hỏi pháp luật phải đúng và phải đủ; tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho mọi người dân; người thực thi pháp luật phải thật sự công tâm và nghiêm minh, v.v.. Người phê phán những hiện tượng thể hiện tính thiếu nghiêm minh của pháp luật, như:

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr. 293.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr. 49.

“thường có khi quá rộng, mà phạt thì không nghiêm”¹, lẫn lộn giữa công và tội.

Hồ Chí Minh luôn luôn *khuyến khích nhân dân phê bình, giám sát công việc của Nhà nước, giám sát quá trình Nhà nước thực thi pháp luật*, đồng thời không ngừng nhắc nhở *cán bộ các cấp, các ngành phải gương mẫu trong việc tuân thủ pháp luật, trước hết là các cán bộ thuộc ngành hành pháp và tư pháp*. Trong thư gửi Hội nghị tư pháp toàn quốc, Người viết: “Các bạn là những người phụ trách thi hành pháp luật. Lẽ tất nhiên các bạn cần phải nêu cao cái gương “phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư” cho nhân dân noi theo”². Bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Người tự giác khép mình vào kỷ luật, vào việc gương mẫu chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật đã trở thành nền nếp, thành thói quen, thành lối ứng xử tự nhiên của Hồ Chí Minh.

c. Pháp quyền nhân nghĩa

“Pháp quyền nhân nghĩa” tức là trước hết Nhà nước phải *tôn trọng, bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền con người, chăm lo đến lợi ích của mọi người*. Tiếp thu và vận dụng sáng tạo các lý thuyết hiện đại về quyền con người, Hồ Chí Minh tiếp cận quyền con người một cách toàn diện. Người đề cập đến các quyền tự nhiên của con người, trong đó quyền cao nhất là quyền sống; đồng thời cũng đề cập đến cả các quyền chính trị - dân sự, quyền kinh tế, văn hóa, xã hội của con người. Người chú trọng quyền của công dân nói chung, đồng thời cũng chú trọng đến quyền của những nhóm người cụ thể như phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số, v.v.. Sự nghiệp cách mạng chân chính cần đấu tranh cho quyền con người, vì thế, mục tiêu giải phóng con người, làm cho mọi người có được cuộc sống hạnh phúc, tự do xứng với phẩm giá con người, được hưởng dụng các quyền con người một cách đầy đủ nhất đã hòa quyền một cách hữu cơ và trở thành mục tiêu cao nhất của sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam. Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời và luôn nhất quán quan điểm kiên quyết đấu tranh cho quyền con người. Hiến pháp của đất nước đã ghi nhận một cách toàn diện quyền con người ở Việt Nam.

Trong pháp quyền nhân nghĩa, *pháp luật có tính nhân văn, khuyến thiện*. Cho nên, ngay khi thành lập, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 225.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 473.

Dân chủ Cộng hòa đã lập tức tuyên bố xoá bỏ mọi luật pháp hà khắc của chính quyền thực dân phản động. Tính nhân văn của hệ thống luật pháp thể hiện ở việc ghi nhận đầy đủ và bảo vệ quyền con người; ở tính nghiêm minh nhưng khách quan và công bằng, tuyệt đối chống đối xử với con người một cách dã man. Ngay cả đối với những kẻ phản bội Tổ quốc, Hồ Chí Minh tuyên bố rõ: “Chính phủ Việt Nam sẽ tha thứ hay trừng trị họ theo luật pháp tùy theo thái độ của họ hiện nay và về sau. Nhưng sẽ không có ai bị tàn sát”¹. Đặc biệt, hệ thống luật pháp đó có tính khuyến thiện, bảo vệ cái đúng, cái tốt, lấy mục đích giáo dục, cảm hóa, thức tỉnh con người làm căn bản. Với Hồ Chí Minh, việc xây dựng và thi hành pháp luật phải dựa trên nền tảng đạo đức của xã hội và các giá trị đạo đức thấm sâu vào trong mọi quy định của pháp luật. Nói cách khác, pháp luật trong Nhà nước pháp quyền nhân nghĩa phải là pháp luật vì con người.

3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh

a. Kiểm soát quyền lực nhà nước

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, *kiểm soát quyền lực nhà nước là tất yếu*. Các cơ quan nhà nước, cán bộ nhà nước, dù ít hay nhiều đều nắm giữ quyền lực trong tay. Quyền lực này là do nhân dân ủy thác cho. Nhưng một khi đã nắm giữ quyền lực, cơ quan nhà nước hay cán bộ nhà nước đều có thể trở nên lạm quyền. Người chỉ rõ: “Dân ghét các ông chủ tịch, các ông Ủy viên vì cái tật ngông nghênh, cậy thế, cậy quyền. Những ông này không hiểu nhiệm vụ và chính sách của Việt Minh, nên khi nắm được chút quyền trong tay vẫn hay lạm dụng”². Vì thế, để đảm bảo tất cả mọi quyền lực thuộc về nhân dân, cần kiểm soát quyền lực nhà nước.

Về hình thức kiểm soát quyền lực Nhà nước, theo Hồ Chí Minh, trước hết, cần phát huy vai trò, trách nhiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc, là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, chính vì vậy, Đảng có quyền và có trách nhiệm kiểm soát quyền lực Nhà nước. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Công việc của Đảng và Nhà nước ngày càng nhiều. Muốn hoàn thành tốt mọi việc, thì toàn thể đảng viên và cán bộ phải chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và chính sách của Đảng. Và muốn như vậy, thì các cấp ủy đảng phải tăng cường công tác kiểm tra. Vì kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ đối với

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr. 437.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 51.

Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân”¹. Để kiểm soát có kết quả tốt, theo Hồ Chí Minh, cần có hai điều kiện là việc kiểm soát phải có hệ thống và người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín. Người còn nêu rõ hai cách kiểm soát là từ trên xuống và từ dưới lên. Người nhấn mạnh, phải “khéo kiểm soát”.

Vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước dựa trên cách thức tổ chức bộ máy nhà nước và việc phân công, phân nhiệm giữa các cơ quan thực thi quyền lực nhà nước bước đầu cũng đã được Hồ Chí Minh đề cập đến. Hiến pháp năm 1946 do Hồ Chí Minh ghi rõ một số hình thức kiểm soát bên trong Nhà nước, trong đó nổi bật là kiểm soát của Nghị viện nhân dân đối với Chính phủ, chẳng hạn, Nghị viện nhân dân có quyền “Kiểm soát và phê bình Chính phủ”, “Bộ trưởng nào không được Nghị viện tín nhiệm thì phải từ chức”, v.v..

Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực Nhà nước, vì thế, nhân dân có quyền kiểm soát quyền lực Nhà nước. Đây là hình thức được Hồ Chí Minh đề cập rất cụ thể. Người nhấn mạnh: “Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được”². Đảng cầm quyền cần chú ý phát huy vai trò kiểm soát quyền lực của nhân dân, bởi so với số nhân dân thì số đảng viên chỉ là tối thiểu, hàng trăm người dân mới có một đảng viên. Nếu không có nhân dân giúp sức, thì Đảng không làm được việc gì hết. Đối với Nhà nước, là công bộc của dân, “mọi công tác phải dựa hẳn vào quần chúng, hoan nghênh quần chúng đôn đốc và kiểm tra”³.

b. Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước

Đặc quyền, đặc lợi. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh đòi hỏi phải tẩy trừ những thói cậy mình là người trong cơ quan chính quyền để cửa quyền, hách dịch với dân, lạm quyền, đồng thời để vợ vét tiền của, lợi dụng chức quyền để làm lợi cho cá nhân mình, làm như thế tức là sa vào chủ nghĩa cá nhân.

Tham ô, lãng phí, quan liêu. Hồ Chí Minh coi tham ô, lãng phí, quan liêu là “giặc nội xâm”, “giặc ở trong lòng”, thứ giặc nguy hiểm hơn giặc ngoại xâm. Người thường phê bình những người “lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức”⁴. Quan điểm của Hồ Chí Minh là:

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.14, tr 362.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr. 325.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.8, tr. 507.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 65.

“Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không, cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến... Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám”¹. Ngày 27-11-1946, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ với mức từ 5 năm đến 20 năm tù khổ sai và phải nộp phạt gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 26-1-1946, Hồ Chí Minh ký lệnh nói rõ tội tham ô, trộm cắp đến mức cao nhất tử hình.

Lãng phí là một căn bệnh mà Hồ Chí Minh lên án gay gắt. Chính bản thân Người luôn làm gương, tích cực thực hành chống lãng phí trong cuộc sống và công việc hằng ngày. Người quý trọng từng đồng xu, bát gạo do dân đóng góp cho hoạt động của bộ máy nhà nước. Lãng phí ở đây được Hồ Chí Minh xác định là lãng phí sức lao động, lãng phí thời giờ, lãng phí tiền của. Chống lãng phí là biện pháp để tiết kiệm, là quốc sách của mọi quốc gia.

Bệnh quan liêu không những có ở cấp trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện mà còn có ngay ở cả cấp cơ sở. Hồ Chí Minh phê bình những người và các cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không đi sâu từng vấn đề. Bệnh quan liêu làm cho chúng ta chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, *chứ không kiểm tra đến nơi đến chốn...* thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững... Thế là *bệnh quan liêu* đã ấp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, đây là bệnh gốc sinh ra các bệnh tham ô, lãng phí; muốn trừ sạch bệnh tham ô, lãng phí thì trước hết phải tẩy sạch bệnh quan liêu.

“*Tư túng*”, “*chia rẽ*”, “*kiêu ngạo*”. Những căn bệnh trên gây mất đoàn kết, gây rối cho công tác. Hồ Chí Minh kịch liệt lên án tề kéo bè, bè có cánh, tề nạn bà con bạn hữu mình không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài có đức, nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Trong chính quyền, còn hiện tượng gây mất đoàn kết, không biết cách làm cho mọi người hoà thuận với nhau, còn có người “bên vực lớp này, chống lại lớp khác”. Ngoài bệnh cậy thế, có người còn kiêu ngạo, “tưởng mình ở trong cơ quan Chính phủ là thần thánh rồi... cứ chỉ lúc nào cũng vác mặt “quan cách mạng”², làm mất uy tín của Chính phủ.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr. 357-358.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 66.

Để tìm ra biện pháp phòng, chống tiêu cực trong bộ máy nhà nước, Hồ Chí Minh đã dày công luận giải nguyên nhân nảy sinh tiêu cực. Trước hết là nguyên nhân chủ quan, bắt nguồn từ căn “bệnh mẹ” là chủ nghĩa cá nhân, từ sự thiếu tu dưỡng, rèn luyện của bản thân cán bộ. Bên cạnh đó còn có những nguyên nhân khách quan, từ gần đến xa, là do công tác cán bộ của Đảng và Nhà nước chưa tốt; do cách tổ chức, vận hành trong Đảng, trong Nhà nước, sự phối hợp giữa Đảng với Nhà nước chưa thật sự khoa học, hiệu quả; do trình độ phát triển còn thấp của đời sống xã hội; do tàn dư của những chính sách phản động của chế độ thực dân, phong kiến; do âm mưu chống phá của các lực lượng thù địch, v.v.. Các nguyên nhân này không tồn tại biệt lập với nhau, mà có sự kết hợp với nhau, tiến công vào đội ngũ cán bộ. Nếu Đảng và Nhà nước không có biện pháp phòng, chống tốt, không có chính sách bảo vệ cán bộ một cách có hiệu quả, thì nguy cơ mất cán bộ là rất lớn.

Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước là nhiệm vụ hết sức khó khăn. Trong nhiều tác phẩm khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau, Hồ Chí Minh đã nêu lên nhiều biện pháp khác nhau:

Một là, nâng cao trình độ dân chủ trong xã hội, thực hành dân chủ rộng rãi, phát huy quyền làm chủ của nhân dân đó là giải pháp căn bản và có ý nghĩa lâu dài.

Hai là, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra phải thường xuyên. Cán bộ, đảng viên phải nghiêm túc và tự giác tuân thủ pháp luật, kỷ luật. Đối với những kẻ thoái hóa, biến chất, pháp luật phải “thẳng tay trừng trị”, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì. Trong Nhà nước “trăm điều phải có thần linh pháp quyền” thì tuyệt nhiên không có bất cứ vùng cấm nào.

Ba là, phạt nghiêm minh, nghiêm khắc, đúng người đúng tội là cần thiết, song việc gì cũng xử phạt thì lại không đúng. Cần coi trọng giáo dục, lấy giáo dục, cảm hóa làm chủ yếu. Chỉ có như vậy mới làm cho cái tốt trong mỗi người nảy nở như hoa mùa Xuân và cái xấu mất dần đi. Trong giáo dục cán bộ, phải coi trọng giáo dục đạo đức, xây dựng hệ chuẩn mực đạo đức của người cầm quyền, khơi dậy lương tâm trong mỗi con người. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp “dĩ công vi tư”¹.”

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr. 127.

Bốn là, cán bộ phải đi trước làm gương, cán bộ giữ chức vụ càng cao, trách nhiệm nêu gương càng lớn. Cán bộ, người đứng đầu có ý thức nêu gương tu dưỡng đạo đức, chống tiêu cực, sẽ có tác động rất mạnh mẽ đến cấp dưới, đến nhân dân, góp phần gây nên những đức tính tốt trong nhân dân. Đây là một nét đặc sắc trong văn hoá chính trị Việt Nam.

Năm là, phải huy động sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước vào cuộc chiến chống lại tiêu cực trong con người, trong xã hội và trong bộ máy Nhà nước. Bất kỳ người Việt Nam nào có lòng tự hào, tự tôn dân tộc, thì dù là người dân bình thường, hay cán bộ, đảng viên, thì đều phải có trách nhiệm tu dưỡng và thực hành đạo đức cách mạng.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC

1. Xây dựng đảng thật sự trong sạch, vững mạnh

Phải đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn. Sai một ly thì đi một dặm, đó là tầm quan trọng của đường lối, chủ trương của Đảng. Đường lối, chủ trương này phải dựa trên nền tảng lý luận Mác-Lênin sáng tạo và tư tưởng Hồ Chí Minh; phải phù hợp với hoàn cảnh của đất nước từng giai đoạn, thời kỳ.

Phải tổ chức thực hiện thật tốt đường lối, chủ trương của Đảng. Phải thể chế hóa và phải biến thành hành động tích cực nhất của tất cả các tổ chức của hệ thống chính trị, trong đó đặc biệt quan trọng là thực thi và phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đối với đội ngũ cán bộ chiến lược, đặc biệt quan trọng nữa là người đứng đầu phải nêu cao trách nhiệm làm gương tốt để mọi người noi theo.

Phải chú trọng hơn nữa công tác chỉnh đốn Đảng. Sự nghiệp cách mạng nói chung và sự nghiệp đổi mới đất nước có thành công hay không hoàn toàn phụ thuộc vào chất lượng, trong đó có sự trong sạch của bản thân Đảng. Thường xuyên chỉnh đốn nội bộ để Đảng xứng đáng là người cầm quyền, để đảng viên luôn xứng đáng vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Phải làm cho Đảng luôn là “Đảng là đạo đức, là văn minh” như Hồ Chí Minh đã nêu. Cái thiếu nhất hiện nay là sự thống nhất giữa nói và làm trong Đảng. Phải quán triệt sâu sắc hơn nữa trong Đảng tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh về thống nhất giữa nói và làm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để Đảng sử dụng và phát huy tốt quyền lực do dân giao phó nhằm phục vụ sự phát triển của dân tộc, đưa đất nước tiến những bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội,

làm cho đất nước hùng cường, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Những sinh viên đang là đảng viên của Đảng cần chú trọng thực hiện thật tốt đường lối, quan điểm, chủ trương, điều lệ Đảng, phải là công dân gương mẫu và là sinh viên tốt. Những sinh viên chưa là đảng viên cần nghiên cứu, học tập thật tốt tư tưởng Hồ Chí Minh, phấn đấu trở thành người đảng viên hoặc người ủng hộ Đảng, góp phần đưa nước nhà sánh vai với các cường quốc năm châu như mong muốn của Hồ Chí Minh.

2. Xây dựng nhà nước

Phải xây dựng Nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh. Cần đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước; bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội.

Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

Phải xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền. Đồng thời, quy định rõ hơn cơ chế phối hợp trong việc thực hiện và kiểm soát các quyền ở các cấp chính quyền. Tiếp tục phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương.

Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Đảng phải tập trung lãnh đạo về đường lối, chủ trương, xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế, chính sách về cán bộ, công chức. Đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp để thực thi đầy đủ trách nhiệm công vụ, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. Thực hiện thí điểm dân trực tiếp bầu một số chức danh ở cơ sở và ở cấp huyện; mở rộng đối tượng thi tuyển chức danh cán bộ quản lý. Hoàn thiện tiêu chí đánh giá và cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi công vụ; xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính. Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức

theo hướng khuyến khích cán bộ, công chức nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ; lấy bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, hiệu quả thực thi nhiệm vụ để đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ. Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài.

Đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền; thực hành tiết kiệm trong các cơ quan nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức.

Đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Tiếp tục nâng cao hiệu quả thực hiện và đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng các chủ trương, chính sách lớn, lãnh đạo thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật, lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất và năng lực, lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách và hệ thống pháp luật; chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp; các tổ chức của Đảng và đảng viên phải gương mẫu tuân thủ pháp luật. Bản chất, tính chất của Nhà nước gắn liền với vai trò, trách nhiệm của Đảng cầm quyền, do đó, đến lượt Đảng, một tiền đề tất yếu được đặt ra là sự trong sạch, vững mạnh của Đảng là yếu tố quyết định cho sự thành công của việc xây dựng Nhà nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam để phân tích vấn đề phòng và chống các tiêu cực trong Đảng hiện nay.

2. Phân tích những điểm đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước Việt Nam.

3. Trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo giai đoạn hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh, cần chú ý những vấn đề gì?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.

3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nền tảng tư tưởng của Đảng ta*, Nxb Chính trị-Hành chính, Hà Nội, 2009.

4. Nguyễn Đình Lộc: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
5. C.Mác - Ph.Ăngghen: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986.
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5.
7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15.
8. Song Thành: *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005.
9. Mạch Quang Thắng: *Hồ Chí Minh - Con người của sự sống*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP CHƯƠNG 4

Câu 1: Trong tác phẩm nào Hồ Chí Minh khẳng định: “Cách mạng trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp ở mọi nơi”?

- A. Bản án chế độ thực dân Pháp (1925)
- B. Đường cách mệnh (1927)
- C. Tuyên ngôn độc lập (1945)
- D. Di chúc (1969)

Câu 2: Trên thế giới nói chung, sự ra đời của một đảng cộng sản là sản phẩm của những yếu tố nào?

- A. Chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân
- B. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân
- C. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước
- D. Chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào yêu nước

Câu 3: Theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của những yếu tố nào?

- A. Chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân
- B. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân
- C. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước
- D. Chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào yêu nước

Câu 4: So với học thuyết Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đưa thêm yếu tố nào vào sự ra đời của một đảng cộng sản?

- A. Chủ nghĩa xã hội khoa học
- B. Chủ nghĩa Mác - Lênin
- C. Phong trào công nhân
- D. Phong trào yêu nước

Câu 5: Trong bài nói tại Lễ Kỷ niệm 30 năm Ngày lập Đảng, Hồ Chí Minh nêu lên luận điểm quan trọng gì?

- A. Đảng ta là đạo đức, là văn minh

- B. Đảng cầm quyền
- C. Đảng lãnh đạo chính quyền
- D. Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là đày tớ trung thành của nhân dân

Câu 6: Bài báo *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, ngày 3/2/1969 được đăng trên tờ báo nào?

- A. Giải phóng
- B. Nhân dân
- C. Tiền phong
- D. Cứu nước

Câu 7: Hồ Chí Minh coi yếu tố nào là gốc, là nền tảng của người cách mạng?

- A. Tài năng
- B. Đức
- C. Đạo đức cách mạng
- D. Tư duy chính trị

Câu 8: Điền vào chỗ trống:

*“Giàu sang không thể quyến rũ
Nghèo khó không thể chuyển lay,
(...) không thể khuất phục”.*

- A. Uy vũ
- B. Uy lực
- C. Uy quyền
- D. Uy phong

Câu 9: Nội dung nào là đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, là bước phát triển sang tạo so với lý luận của V.I.Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản?

- A. Đảng là đạo đức, là văn minh
- B. Đảng cầm quyền
- C. Đảng lãnh đạo chính quyền
- D. Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là đày tớ trung thành của nhân dân

Câu 10: Theo Hồ Chí Minh, nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng là chủ nghĩa gì?

- A. Chủ nghĩa xã hội khoa học
- B. Chủ nghĩa Tam dân
- C. Chủ nghĩa Mác - Lênin
- D. Chủ nghĩa yêu nước

Câu 11: Điều kiện tiên quyết khi thực hiện nguyên tắc *tập trung dân chủ* thì tổ chức Đảng phải đảm bảo yêu cầu gì?

- A. Hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật
- B. Thực hành dân chủ
- C. Đoàn kết
- D. Trong sạch, vững mạnh

Câu 12: Hồ Chí Minh coi nguyên tắc nào là việc làm thường xuyên như “mỗi ngày phải rửa mặt”?

- A. Tập trung dân chủ
- B. Tự phê bình và phê bình
- C. Kỷ luật nghiêm minh, tự giác
- D. Đoàn kết, thống nhất trong Đảng

Câu 13: Theo Hồ Chí Minh, nguyên tắc nào là thang thuốc tốt nhất để làm cho phần tốt trong mỗi tổ chức và mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi?

- A. Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn
- B. Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân
- C. Tự phê bình và phê bình
- D. Đoàn kết quốc tế

Câu 14: Theo Hồ Chí Minh, nhờ có điều gì làm cho Đảng tuy đông người, nhưng khi tiến đánh chỉ như một người?

- A. Kỷ luật
- B. Đoàn kết
- C. Tự phê bình và phê bình
- D. Tập trung dân chủ

Câu 15: Theo Hồ Chí Minh, sức mạnh của một đảng cộng sản bắt nguồn từ yếu tố nào?

- A. Tự phê bình và phê bình

- B. Đoàn kết
- C. Kỷ luật
- D. Tập trung dân chủ

Câu 16: Trong Di chúc, Hồ Chí Minh nêu ý kiến sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam hoàn toàn thắng lợi, công việc cần làm trước tiên là gì?

- A. Xây dựng Đảng
- B. Chinh đốn lại Đảng
- C. Miễn thuế nông nghiệp cho nông dân
- D. Xây dựng con người

Câu 17: Theo quan niệm của Hồ Chí Minh, “ dân là chủ”, nghĩa là xác định điều gì:

- | | |
|----------------------|------------------------|
| A. Quyền hạn của dân | B. Trách nhiệm của dân |
| C. Nghĩa vụ của dân | D. Vị thế của dân |

Câu 18: Theo quan niệm của Hồ Chí Minh, “ dân làm chủ”, nghĩa là xác định điều gì:

- A. Quyền và nghĩa vụ của dân
- B. Bồn phận và trách nhiệm của dân
- C. Vị thế của dân
- D. Nghĩa vụ và quyền hạn của dân

Câu 19: Chọn phương án sai trong các câu sau: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước vì dân là nhà nước:

- A. Phục vụ nhân dân, đem lại lợi ích cho dân
- B. Chăm lo mọi mặt đời sống nhân dân
- C. Do dân làm chủ, tổ chức nên
- D. Trong sạch, không có đặc quyền

Câu 20: Điền vào chỗ trống: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là (...) do nhân dân làm chủ”.

- | | |
|---------------------------------------|-------------|
| A. Nhà nước dân chủ cộng hòa | B. Nhà nước |
| C. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa | D. Nước nhà |

Câu 21: Để chỉ ra một mặt trách nhiệm của người cán bộ, công chức trong xây dựng một Nhà nước mới, Hồ Chí Minh đã dùng những cụm từ gì?

A. Phụng sự tổ quốc

B. Phục vụ nhân dân

C. Công bộc, đầy tớ

D. Công bình, chính trực

Câu 22: Theo Hồ Chí Minh, dân chủ còn biểu hiện ở phương thức tổ chức xã hội nhằm hướng đến mục tiêu gì?

A. Việc gì có lợi cho dân dù nhỏ cũng cố gắng làm, việc gì có hại cho dân dù nhỏ cũng cố gắng tránh.

B. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân

C. Dân làm chủ

D. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân

Câu 23: Cơ quan có quyền lực cao nhất của Nhà nước là gì?

A. Quốc hội

B. Tòa án

C. Ủy ban Thường vụ Quốc hội

D. Chính phủ

Câu 24: Mọi công việc của bộ máy Nhà nước trong việc quản lý xã hội đều nhằm thực hiện ý chí của tổ chức, cơ quan, lực lượng nào?

A. Chính phủ

B. Công nhân

C. Dân

D. Quốc hội

Câu 25: Điền vào chỗ trống: Hồ Chí Minh khẳng định "việc nước là việc (...), mỗi người đều có trách nhiệm gánh vác".

A. chung

B. riêng

C. quan trọng

D. cao quý

Câu 26: Điền vào chỗ trống: “Phải làm cho dân có ăn, có mặc, có chỗ ở, được (...)”?

A. vui chơi

B. giải trí

C. học hành

D. tập luyện

Câu 27: Cơ chế vận hành của nước ta hiện nay là gì?

A. Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ

B. Nhà nước làm chủ, Đảng lãnh đạo, nhân dân quản lý

C. Đảng quản lý, Nhà nước lãnh đạo, nhân dân làm chủ

D. Đảng, Nhà nước lãnh đạo, quản lý, nhân dân làm chủ

Câu 28: Điểm đặc sắc nhất trong tư tưởng HCM về nhà nước pháp quyền là gì?

A. Coi trọng pháp luật trong quản lý xã hội

B. Đề cao đạo đức trong quản lý xã hội

C. Đảm bảo tính nghiêm minh và hiệu lực của pháp luật

D. Kết hợp nhuần nhuyễn cả pháp luật và đạo đức trong quản lý xã hội

Câu 29: Chọn phương án trả lời đúng nhất theo tư tưởng Hồ Chí Minh:
Nhà nước Việt Nam là Nhà nước...

- A. Mang bản chất giai cấp công nhân
- B. Có tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc
- C. Thống nhất bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc
- D. Mang tính dân tộc

Câu 30: Chọn phương án trả lời đúng theo tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân là:

- A. Nhà nước phục vụ nhân dân, đem lại lợi ích cho nhân dân
- B. Nhà nước do nhân dân lập nên
- C. Dân là chủ nhà nước, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân
- D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 31: Ngày 20 - 1 - 1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 110 - SL phong quân hàm Đại tướng cho ai?

- A. Văn Tiến Dũng
- B. Võ Nguyên Giáp
- C. Nguyễn Chí Thanh
- D. Lê Trọng Tấn

Câu 32: Theo Hồ Chí Minh, “giặc nội xâm” bao gồm những loại nào?

- A. Tham ô, trộm cắp, kéo bè kéo cánh
- B. Chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa đế quốc
- C. Tham ô, lãng phí, quan liêu
- D. Chủ nghĩa thực dân, phong kiến

Câu 33: Theo Hồ Chí Minh, căn bệnh nào là bệnh gốc sinh ra các bệnh tham ô, lãng phí?

- A. Bệnh quan liêu
- B. Bệnh chủ quan
- C. Bệnh giáo điều
- D. Bệnh xa nhân dân

Câu 34: Hồ Chí Minh quy định có mấy môn thi trong kỳ thi tuyển công chức?

- A. 4 môn
- B. 5 môn
- C. 6 môn
- D. 7 môn

Câu 35: Theo Hồ Chí Minh, bạn đồng minh của hai kẻ địch: chủ nghĩa tư bản và bọn đế quốc, thói quen và truyền thống lạc hậu là gì?

- A. Chủ nghĩa thực dân
- B. Chủ nghĩa đế quốc
- C. Chủ nghĩa giáo điều
- D. Chủ nghĩa cá nhân

Câu 36: Theo Hồ Chí Minh, Nhà nước dân chủ do tổ chức chính trị nào giữ vị trí và vai trò cầm quyền?

- A. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
- B. Đảng Cộng sản Việt Nam
- C. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- D. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Câu 37: Theo Hồ Chí Minh, nòng cốt của nhân dân là khối liên minh giữa các giai tầng nào?

- A. Công - nông - tư sản
- B. Công nhân - doanh nhân - trí thức
- C. Công - nông - trí
- D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 38: Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động nào?

- A. Đoàn kết thống nhất trong Đảng
- B. Tự phê bình và phê bình
- C. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách
- D. Tập trung dân chủ

Câu 39: Trong nhà nước dân chủ, nhân dân thực thi quyền lực thông qua mấy hình thức?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 40: Trong nhà nước dân chủ, nhân dân thực thi quyền lực thông qua hình thức gì?

- A. Dân chủ trực tiếp và dân chủ hình thức
- B. Dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp
- C. Dân chủ trực tiếp và dân chủ nhân dân
- D. Dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện

Câu 41: Quyền lực nhà nước là do ai ủy thác cho?

- A. Công nhân
- B. Nông dân
- C. Nhân dân
- D. Trí thức

Câu 42: Điền vào chỗ trống: "Dân bầu mình ra là để (...) cho dân".

- A. làm việc
- B. làm đầy tớ
- C. làm quan cách mạng
- D. làm cán bộ

Câu 43: Điền vào chỗ trống: "Nhân dân có quyền kiểm soát, phê bình nhà nước, có quyền (...) những đại biểu mà họ đã lựa chọn".

- A. bãi miễn
- B. bổ nhiệm
- C. ứng cử
- D. tự ứng cử

Câu 44: Chiều ngày 3-11-2020, Quốc hội khóa XIV đã biểu quyết thông qua nghị quyết bãi nhiệm đại biểu Quốc hội đối với ai?

- A. Nguyễn Đức Chung B. Trịnh Xuân Thanh
C. Đinh La Thăng D. Phạm Phú Quốc

Câu 45: Theo Hồ Chí Minh, nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền gì?

- A. Đuổi Chính phủ B. Khai trừ tư cách đại biểu Quốc hội
C. Bỏ nhiệm Chính phủ mới D. Thành lập Chính phủ mới

Câu 46: Tên gọi đầy đủ của nước Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1976 là gì?

- A. Việt Nam B. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
C. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam D. Vạn Xuân

Câu 47: Tên gọi đầy đủ của nước Việt Nam từ năm 1976 đến nay là gì?

- A. Việt Nam B. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
C. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam D. Vạn Xuân

Câu 48: Ngày 20-6-2012, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, đã quy định ngày nào hằng năm là Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. 6/1 B. 11/9 C. 9/11 D. 1/6

Câu 49: Bản Hiến pháp đang có hiệu lực ở Việt Nam là bản Hiến pháp nào?

- A. Hiến pháp năm 1946 B. Hiến pháp năm 1980
C. Hiến pháp năm 1992 D. Hiến pháp năm 2013

Câu 50: Theo Hồ Chí Minh, thước đo của một nhà nước vì dân là phải:

- A. được lòng dân B. có đội ngũ cán bộ tốt
C. được dân ủng hộ D. mưu hạnh phúc cho giai cấp công nh

Chương 5

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

Mục tiêu Chương 5:

Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào sự nghiệp đổi mới đất nước.

Về kỹ năng: Sinh viên biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

Về tư tưởng: củng cố niềm tin của sinh viên vào khối đại đoàn kết toàn dân tộc và sự kết hợp sức mạnh dân tộc Việt Nam với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp đổi mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc

a. Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng

Nhìn lại lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, đoàn kết luôn là truyền thống quý báu, nguồn sức mạnh, động lực quan trọng, nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Khái quát lịch sử dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói rõ: “Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn”¹. Chính vì thế trong tư tưởng của Người, đại đoàn kết toàn dân tộc không phải sách lược hay thủ đoạn chính trị mà là chiến lược lâu dài, nhất quán của cách mạng Việt Nam. Đây là vấn đề mang tính sống còn của dân tộc Việt Nam nên chiến lược này được duy trì cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong mỗi giai đoạn cách mạng, trước những yêu cầu và nhiệm vụ khác nhau, chính sách và phương pháp tập hợp đại đoàn kết có thể và cần thiết phải điều chỉnh cho phù hợp với từng đối tượng khác nhau song không bao giờ được thay đổi chủ trương

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.3 tr.256.

đại đoàn kết toàn dân tộc, vì đó là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng.

Từ thực tiễn xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Hồ Chí Minh đã khái quát thành nhiều luận điểm mang tính chân lý về vai trò và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc: “Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta”¹, “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành thắng lợi”², “Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”³, “Bây giờ có một điểm rất quan trọng, cũng là điểm mấu chốt. Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt: Đó là đoàn kết”⁴. Và Người đã đi đến kết luận:

*“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công”*⁵.

b. Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng và vì quần chúng. Đại đoàn kết là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, là đòi hỏi khách quan của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng bởi nếu không đoàn kết thì chính họ sẽ thất bại trong cuộc đấu tranh vì lợi ích của chính mình. Vì thế đối với Hồ Chí Minh, đại đoàn kết không chỉ là khẩu hiệu chiến lược mà còn là mục tiêu lâu dài của cách mạng. Để thực hiện mục tiêu này, đại đoàn kết toàn dân tộc phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách, tới hoạt động thực tiễn của Đảng. Trong lời kết thúc buổi ra mắt Đảng Lao động Việt Nam ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh tuyên bố: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong tám chữ là: ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC”⁶.

2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

a. Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của dân tộc đảm bảo thắng lợi cho công cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Do đó chủ thể

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.9, tr 145.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.9, tr 177.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.14, tr 186.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.10, tr.589.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.13, tr 120.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.7, tr.49.

của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, theo Hồ Chí Minh phải bao gồm toàn thể nhân dân, tất cả những người Việt Nam yêu nước ở các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội, các ngành, các giới, các lứa tuổi, các dân tộc, đồng bào các tôn giáo, các đảng phái... “Nhân dân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh vừa được hiểu với nghĩa là con người Việt Nam cụ thể, vừa là một tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân và cả hai đều là *chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc*. Nói đại đoàn kết toàn dân tộc tức là phải tập hợp, đoàn kết được tất cả mọi người dân vào một khối thống nhất, không phân biệt dân tộc, giai cấp, tầng lớp, đảng phái, tôn giáo, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, ở trong nước hay ở ngoài nước cùng hướng vào mục tiêu chung, “ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”. Từ “ta” ở đây là chủ thể, vừa là Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng, vừa là mọi người dân Việt Nam nói chung.

Khối đại đoàn kết toàn dân phải được xây dựng trên lập trường của giai cấp công nhân, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc để tập hợp lực lượng, không bỏ sót một lực lượng nào miễn là họ có lòng trung thành và sẵn sàng phục vụ Tổ quốc, không phản bội lại quyền lợi của nhân dân. Tư tưởng của Người đã định hướng cho việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

b. Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Đại đoàn kết dân tộc là đoàn kết toàn dân nhưng phải xác định được nền tảng của khối đoàn kết ấy. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đa số nhân dân mà đại đa số nhân dân là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác. Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”¹. Như vậy, lực lượng làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo quan điểm của Hồ Chí Minh là công nhân, nông dân và trí thức. Nền tảng này càng được củng cố vững chắc thì khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng có thể mở rộng, khi ấy không có thế lực nào có thể làm suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.9, tr.244.

Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phải đặc biệt chú trọng yếu tố “hạt nhân” là sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng vì đó là điều kiện cho sự đoàn kết ngoài xã hội. Sự đoàn kết của Đảng càng được củng cố thì sự đoàn kết toàn dân tộc càng được tăng cường. Đảng đoàn kết, dân tộc đoàn kết và sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân đã tạo nên sức mạnh bên trong của cách mạng Việt Nam để vượt qua mọi khó khăn, thử thách, chiến thắng mọi kẻ thù, đi tới thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, tập hợp được mọi giai cấp, tầng lớp cần phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

Một là, phải lấy lợi ích chung làm điểm quy tụ, đồng thời tôn trọng các lợi ích khác biệt chính đáng. Phải chú trọng xử lý các mối quan hệ lợi ích rất đa dạng, phong phú trong xã hội Việt Nam. Chỉ có xử lý tốt quan hệ lợi ích, trong đó tìm ra điểm tương đồng, lợi ích chung thì mới đoàn kết được lực lượng. Mục đích chung của Mặt trận được Hồ Chí Minh xác định cụ thể, phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, nhằm tập hợp tới mức cao nhất lực lượng dân tộc vào khối đại đoàn kết. Theo Người, đại đoàn kết phải xuất phát từ mục tiêu vì nước, vì dân, trên cơ sở yêu nước, thương dân, chống áp bức bóc lột, nghèo nàn lạc hậu. Đoàn kết phải lấy lợi ích tối cao của dân tộc, lợi ích căn bản của nhân dân lao động làm mục tiêu phấn đấu, đây là nguyên tắc bất di bất dịch, là ngọn cờ đoàn kết và là mẫu số chung để quy tụ các tầng lớp, giai cấp, đảng phái, dân tộc và tôn giáo vào trong Mặt trận.

Hai là, phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc. Truyền thống này được hình thành, củng cố và phát triển trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm của dân tộc và đã trở thành giá trị bền vững, thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của mỗi con người Việt Nam và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Truyền thống đó là cội nguồn sức mạnh vô địch để cả dân tộc chiến đấu và chiến thắng thiên tai địch họa, làm cho đất nước được trường tồn, bản sắc dân tộc được giữ vững.

Ba là, phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người. Theo Hồ Chí Minh, trong mỗi cá nhân cũng như mỗi cộng đồng đều có những ưu điểm, khuyết điểm, mặt tốt, mặt xấu... Cho nên, vì lợi ích của cách mạng, cần phải có lòng khoan dung độ lượng, trân trọng phần thiện dù nhỏ nhất ở mỗi người, có vậy mới tập hợp, quy tụ rộng rãi mọi lực lượng. Người từng căn dặn đồng bào: “Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng

vấn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thể này hay thể khác, nhưng thể này hay thể khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ về vang”¹.

Bốn là, phải có niềm tin vào nhân dân. Với Hồ Chí Minh, yêu dân, tin dân, dựa vào dân và phấn đấu vì hạnh phúc của nhân dân là nguyên tắc tối cao trong cuộc sống. Nguyên tắc này vừa là sự tiếp nối truyền thống dân tộc “Nước lấy dân làm gốc”, “Chở thuyền và lật thuyền cũng là dân”, đồng thời là sự quán triệt sâu sắc nguyên lý mácxít “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”. Dân là chỗ dựa vững chắc đồng thời cũng là nguồn sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyết định thắng lợi của cách mạng. Vì vậy, muốn thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, phải có niềm tin vào nhân dân.

4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất

a. Mặt trận dân tộc thống nhất

Khối đại đoàn kết toàn dân tộc chỉ trở thành lực lượng to lớn, có sức mạnh khi được tập hợp, tổ chức lại thành một khối vững chắc, đó là Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận dân tộc thống nhất là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, tập hợp mọi người dân nước Việt, cả trong nước và kiều bào sinh sống ở nước ngoài. Hồ Chí Minh rất chú trọng đến việc tập hợp quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước phù hợp như các hội ái hữu hay tương trợ, công hội hay nông hội, đoàn thanh niên hay hội phụ nữ, đội thiếu niên nhi đồng hay phụ lão, hội Phật giáo cứu quốc, Công giáo yêu nước hay những nghiệp đoàn... trong đó bao trùm là Mặt trận dân tộc thống nhất.

Tùy theo từng thời kỳ và căn cứ vào nhiệm vụ của từng chặng đường cách mạng, Mặt trận dân tộc thống nhất có những tên gọi khác nhau như: Hội Phản đế đồng minh (1930), Mặt trận dân chủ Đông Dương (1936), Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương (1939), Mặt trận Việt Minh (1941), Mặt trận Liên Việt (1951), Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (1960), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955,1976)... Tuy nhiên,

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.280-281.

thực chất chỉ là một, đó là tổ chức chính trị - xã hội rộng rãi, tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, các tổ chức, cá nhân yêu nước ở trong và ngoài nước, phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập, thống nhất của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân dân.

b. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Mặt trận dân tộc thống nhất cần được xây dựng và hoạt động trên cơ sở bốn nguyên tắc:

Một là, phải được xây dựng trên nền tảng liên minh công nhân - nông dân – trí thức và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Mặt trận dân tộc thống nhất là một khối đoàn kết chặt chẽ, có tổ chức trên nền tảng khối liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đây là nguyên tắc cốt lõi trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó để mở rộng Mặt trận, làm cho Mặt trận thực sự quy tụ được cả dân tộc, kết thành một khối vững chắc. Người chỉ rõ rằng, sở dĩ phải lấy liên minh công nông làm nền tảng “vì họ là người trực tiếp sản xuất tất cả mọi tài phú làm cho xã hội sống. Vì họ đông hơn hết, mà cũng bị áp bức bóc lột nặng nề hơn hết. Vì chí khí cách mạng của họ chắc chắn, bền bỉ hơn của mọi tầng lớp khác”¹. Người căn dặn, không nên chỉ nhấn mạnh vai trò của công nông, mà còn phải thấy vai trò và sự cần thiết phải liên minh với các giai cấp khác, nhất là với đội ngũ trí thức.

Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là lực lượng lãnh đạo Mặt trận. Hoạt động của Mặt trận cần đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng vì Đảng không có lợi ích riêng, mà gắn liền với lợi ích toàn xã hội, toàn dân tộc và chỉ có Đảng vừa đạo đức, vừa văn minh mới đủ khả năng lãnh đạo Mặt trận. Đảng lãnh đạo đối với Mặt trận thể hiện ở khả năng nắm bắt thực tiễn, phát hiện ra quy luật khách quan sự vận động của lịch sử để vạch đường lối và phương pháp cách mạng phù hợp, lãnh đạo Mặt trận hoàn thành nhiệm vụ của mình là đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Hai là, phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ.

Mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của cả dân tộc do vậy, hoạt động của Mặt trận phải dựa trên nguyên tắc hiệp

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.10, tr.376

thương dân chủ. Mọi vấn đề của Mặt trận đều phải được đem ra để tất cả các thành viên cùng nhau bàn bạc công khai, để đi đến nhất trí, loại trừ mọi sự áp đặt hoặc dân chủ hình thức. Những lợi ích riêng chính đáng, phù hợp với lợi ích chung của đất nước, của dân tộc cần được tôn trọng, những gì riêng biệt, không phù hợp sẽ dần được giải quyết bằng lợi ích chung của dân tộc, bằng sự nhận thức ngày càng đúng đắn hơn của mỗi người, mỗi bộ phận về mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng. Do vậy, hoạt động của Mặt trận phải theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ mới quy tụ được được các tầng lớp, giai cấp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo vào Mặt trận dân tộc thống nhất.

Ba là, phải đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết trong Mặt trận phải là lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Trong Mặt trận, các thành viên có những điểm tương đồng nhưng cũng có những điểm khác biệt, nên cần có sự bàn bạc để đi đến nhất trí. Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm “cầu đồng tồn dị”, lấy cái chung để hạn chế cái riêng, cái khác biệt; đồng thời Người nêu rõ: “Đoàn kết thực sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thực sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân”¹ để tạo nên sự đoàn kết gắn bó chặt chẽ, lâu dài tạo tiền đề mở rộng khối đại đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Một là, làm tốt công tác vận động quần chúng (Dân vận)

Hồ Chí Minh coi đoàn kết, đại đoàn kết như một mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, do vậy, để thực hiện tốt mục tiêu thì phải làm tốt công tác vận động quần chúng. Theo Người, để phát huy đầy đủ vai trò, trí tuệ, khả năng to lớn của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng và Nhà nước cũng như mọi cán bộ, đảng viên phải biết làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền, hướng dẫn, giúp đỡ và vận động quần chúng nhân dân thực hiện mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, và pháp luật của Nhà nước; phải giúp nhân dân hiểu đầy đủ, sâu sắc về quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của người công dân đối với Đảng, với Tổ quốc và với dân tộc,

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.11, tr.362.

từ đó họ tích cực, chủ động, tự giác phấn đấu và cống hiến cho sự nghiệp cách mạng. Người dặn: “cần phải chịu khó tìm đủ cách giải thích cho họ hiểu rằng: những việc đó là vì ích lợi của họ mà phải làm”¹. Theo Hồ Chí Minh mọi phương pháp tiếp cận và vận động quần chúng đều phải phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của quần chúng; đồng thời phải xuất phát từ thực tế trình độ dân trí và văn hoá, theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp, bao gồm cả phong tục, tập quán và cụ thể đối với từng địa phương, từng đối tượng của nhân dân.

Hai là, thành lập đoàn thể, tổ chức quần chúng phù hợp với từng đối tượng để tập hợp quần chúng.

Theo Hồ Chí Minh, để tập hợp quần chúng nhân dân một cách có hiệu quả cần phải hình thành các tổ chức đoàn thể, tổ chức quần chúng phù hợp từng giai cấp, dân tộc, tôn giáo, lứa tuổi, giới tính, vùng miền... như các tổ chức: Công đoàn, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ... Các tổ chức này có nhiệm vụ giáo dục, động viên và phát huy tính tích cực của các tầng lớp nhân dân, góp phần thực hiện nhiệm vụ của cách mạng trong từng giai đoạn. Chính vì vậy mà trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, xây dựng và bảo vệ đất nước, các tổ chức, đoàn thể không ngừng lớn mạnh về số lượng, hoạt động ngày càng có hiệu quả, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng, là hạt nhân của khối đại đoàn kết toàn dân.

Ba là, các đoàn thể, tổ chức quần chúng được tập hợp và đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

Nhằm phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc theo Hồ Chí Minh, các đoàn thể, tổ chức quần chúng phải hợp thành Mặt trận dân tộc thống nhất. Người chỉ rõ: “Mặt trận dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam... Phải đoàn kết tốt các Đảng phái, các đoàn thể, các nhân sĩ trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thực hiện hợp tác lâu dài, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tiến bộ. Phải đoàn kết các dân tộc anh em, cùng nhau xây dựng Tổ quốc... Phải đoàn kết chặt chẽ giữa đồng bào lương và đồng bào các tôn giáo, cùng nhau xây dựng đời sống hòa thuận ấm no, xây dựng Tổ quốc”². Mặt trận dân tộc thống nhất càng rộng rãi, càng chặt chẽ, thống nhất bao nhiêu thì khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng mạnh mẽ, càng bền vững bấy nhiêu. Các đoàn thể, tổ chức quần chúng và Mặt trận dân tộc thống nhất là sợi dây gắn kết Đảng

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr.286.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.13, tr.453-454.

với nhân dân. Người khẳng định: “Những đoàn thể ấy là tổ chức của dân phấn đấu cho dân, bênh vực quyền của dân, liên lạc mật thiết nhân dân với Chính phủ”¹. Như vậy, bản chất của đoàn thể nhân dân, các tổ chức quần chúng là tổ chức của dân do đó vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân là phải vận động quần chúng bao gồm các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội tham gia vào các tổ chức của mình. Công tác vận động quần chúng phải dựa trên chiến lược: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công!”². Đối với các đoàn thể, tổ chức quần chúng, Hồ Chí Minh cho rằng được tập hợp và đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất, do vậy đều có sự chỉ đạo trong công tác vận động thu hút, tập hợp quần chúng tham gia sinh hoạt trong tổ chức của mình.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế

a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược của cách mạng mà đoàn kết quốc tế cũng là vấn đề lâu dài, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam. Thực hiện đoàn kết quốc tế là để tập hợp lực lượng bên ngoài, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của các trào lưu cách mạng thời đại để tạo thành sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam. Đây là một trong những nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế và cũng là một trong những bài học quan trọng mang tính thời sự sâu sắc của cách mạng Việt Nam.

Sức mạnh dân tộc là sự tổng hợp của các yếu tố vật chất và tinh thần, song trước hết là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và ý thức tự lực, tự cường dân tộc; sức mạnh của tinh thần đoàn kết; của ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập, tự do... Sức mạnh đó đã giúp cho dân tộc Việt Nam vượt qua mọi thử thách, khó khăn trong dựng nước và giữ nước.

Sức mạnh thời đại là sức mạnh của phong trào cách mạng thế giới và sức mạnh của chủ nghĩa Mác - Lênin được xác lập bởi thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga 1917. Trong quá trình hoạt động cách mạng, nhờ chú ý tổng kết thực tiễn dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã từng bước phát hiện ra sức mạnh vĩ đại tiềm ẩn trong các phong

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.6 tr.397.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.13, tr.119.

trào cách mạng thế giới mà Việt Nam cần tranh thủ. Các phong trào đó nếu được liên kết, tập hợp trong khối đoàn kết quốc tế sẽ tạo nên sức mạnh to lớn.

Hồ Chí Minh đã sớm xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới ngay từ khi tìm thấy con đường cứu nước, Người cho rằng, cách mạng Việt Nam chỉ có thể thành công khi thực hiện đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới. Thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế; đại đoàn kết toàn dân tộc là cơ sở cho việc thực hiện đoàn kết quốc tế. Cùng với quá trình phát triển thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong quan hệ với quốc tế, tư tưởng đoàn kết với phong trào cách mạng thế giới đã được Hồ Chí Minh phát triển ngày càng đầy đủ, rõ ràng và cụ thể hơn.

b. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại

Thời đại mà Hồ Chí Minh sống và hoạt động chính trị là thời đại đã chấm dứt thời kỳ tồn tại biệt lập giữa các quốc gia, mở ra các quan hệ quốc tế ngày càng sâu rộng cho các dân tộc, làm cho vận mệnh của mỗi dân tộc không thể tách rời vận mệnh chung của cả loài người. Chính vì thế mà trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa nếu chỉ có chủ nghĩa yêu nước không thôi thì sẽ không thể đánh bại hệ thống các nước đế quốc. Từ đó Người chỉ ra rằng, chủ nghĩa yêu nước chân chính phải được gắn liền với chủ nghĩa quốc tế vô sản, đại đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế; thực hiện đoàn kết quốc tế không vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà còn vì sự nghiệp chung của nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế vì các mục tiêu cách mạng của thời đại.

Nhận thức được đặc điểm của thời đại mới, Hồ Chí Minh đã hoạt động không mệt mỏi để phá thế đơn độc của cách mạng Việt Nam, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Trong suốt quá trình đó, Người không chỉ phát huy triệt để sức mạnh chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc trong đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc mình mà còn kiên trì đấu tranh không mệt mỏi để củng cố và tăng cường đoàn kết giữa các lực lượng cách mạng thế giới đấu tranh cho mục tiêu chung hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, muốn tăng cường đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh vì mục tiêu chung, các đảng cộng sản trên thế giới phải tiến hành có hiệu quả việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ

nghĩa quốc tế vô sản cho nhân dân đồng thời phải kiên quyết chống lại mọi khuynh hướng sai lầm của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa vị kỷ dân tộc, chủ nghĩa sô vanh... - những khuynh hướng làm suy yếu sức mạnh đoàn kết.

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện đoàn kết quốc tế, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản là nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của dân tộc và thời đại. Bởi lẽ, nhân dân Việt Nam không chỉ chiến đấu vì độc lập, tự do của đất nước mình mà còn vì độc lập, tự do của các nước khác, không chỉ bảo vệ lợi ích sống còn của dân tộc mình mà còn vì những mục tiêu cao cả của thời đại là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức

a. Các lực lượng cần đoàn kết

Lực lượng đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất phong phú, song tập trung chủ yếu vào ba lực lượng chính: phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và phong trào hoà bình, dân chủ thế giới.

Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh cho rằng, sự đoàn kết giữa giai cấp công nhân quốc tế là một bảo đảm vững chắc cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. Chủ trương đoàn kết giai cấp công nhân quốc tế, đoàn kết giữa các đảng cộng sản trong tư tưởng Hồ Chí Minh xuất phát từ tính tất yếu về vai trò của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay. Hồ Chí Minh cho rằng, chủ nghĩa tư bản là một lực lượng phản động quốc tế, là kẻ thù chung của nhân dân lao động toàn thế giới. Trong hoàn cảnh đó, chỉ có sức mạnh của sự đoàn kết nhất trí, sự đồng tình và ủng hộ lẫn nhau của lao động toàn thế giới theo tinh thần “bốn phương vô sản đều là anh em” mới có thể chống lại được những âm mưu thâm độc của chủ nghĩa đế quốc thực dân.

Đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã thấy rõ âm mưu chia rẽ dân tộc của các nước đế quốc. Chính vì vậy, Người đã lưu ý quốc tế Cộng sản về những biện pháp nhằm “làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”¹. Thêm vào đó, để tăng cường đoàn kết giữa cách mạng thuộc địa và

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.2, tr.134.

cách mạng vô sản chính quốc, Hồ Chí Minh còn đề nghị Quốc tế Cộng sản, bằng mọi cách phải “làm cho đội quân tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này; chỉ có sự hợp tác này mới bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành thắng lợi cuối cùng”¹.

Đối với các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hoà bình, dân chủ, tự do và công lý, Hồ Chí Minh cũng tìm mọi cách để thực hiện đoàn kết. Trong xu thế mới của thời đại, sự thức tỉnh dân tộc gắn liền với sự thức tỉnh giai cấp, Hồ Chí Minh đã gắn cuộc đấu tranh vì độc lập ở Việt Nam với mục tiêu bảo vệ hòa bình, tự do, công lý và bình đẳng để tập hợp và tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới.

Gắn cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc với mục tiêu hòa bình, tự do và công lý, Hồ Chí Minh đã khơi gọi lương tri của những người tiến bộ tạo nên những tiếng nói ủng hộ mạnh mẽ của các tổ chức quần chúng, các nhân sĩ trí thức và từng con người trên hành tinh. Thật hiếm có những cuộc đấu tranh giành được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi và lớn lao như vậy. Đã nhiều lần, Hồ Chí Minh khẳng định: Chính vì đã biết kết hợp phong trào cách mạng nước ta với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và của các dân tộc bị áp bức, mà Đảng đã vượt qua được mọi khó khăn, đưa giai cấp công nhân và nhân dân ta đến những thắng lợi vẻ vang.

b. Hình thức tổ chức

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã từng bước xây dựng và củng cố khối đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các trào lưu cách mạng thời đại, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam. Đoàn kết quốc tế trong tư tưởng của Người không phải là vấn đề sách lược, một thủ đoạn chính trị nhất thời mà là vấn đề có tính nguyên tắc, một đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam. Từ năm 1924, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm về thành lập “Mặt trận thống nhất của nhân dân chính quốc và thuộc địa”² chống chủ nghĩa đế quốc, đồng thời kiến nghị Quốc tế Cộng sản cần có giải pháp cụ thể để quan điểm này trở thành sự thật.

Đối với các dân tộc trên bán đảo Đông Dương, Hồ Chí Minh dành sự quan tâm đặc biệt. Cả ba dân tộc đều là láng giềng gần gũi của nhau, có nhiều điểm tương đồng về lịch sử, văn hoá và cùng chung một kẻ thù là

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.2, tr.134.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.1, tr.304.

thực dân Pháp. Năm 1941, để khơi dậy sức mạnh và quyền tự quyết của mỗi dân tộc, theo đúng quan điểm của Hồ Chí Minh về tập hợp lực lượng cách mạng, Đảng quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh); giúp Lào và Campuchia thành lập mặt trận yêu nước. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Hồ Chí Minh đã chỉ đạo việc hình thành Mặt trận nhân dân ba nước Đông Dương.

Đối với nước láng giềng Trung Quốc và các dân tộc Châu Á, Châu Phi từ những năm 20 của thế kỷ XX, cùng với việc sáng lập *Hội Liên hiệp thuộc địa* tại Pháp, Hồ Chí Minh đã tham gia sáng lập *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức* tại Trung Quốc. Đây là hình thức sơ khai của mặt trận thống nhất các dân tộc bị áp bức theo xu hướng vô sản, lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Với việc tham gia sáng lập các tổ chức này, Hồ Chí Minh đã góp phần đặt cơ sở cho sự ra đời của *Mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam*.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, bằng hoạt động ngoại giao không mệt mỏi, Hồ Chí Minh đã nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, của bạn bè quốc tế và nhân loại tiến bộ, trong đó có cả nhân dân yêu chuộng hoà bình Pháp trong kháng chiến chống Pháp và cả nhân dân yêu chuộng hoà bình Mỹ trong kháng chiến chống Mỹ, hình thành *Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược*.

Như vậy, tư tưởng đoàn kết vì thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã định hướng cho việc hình thành bốn tầng mặt trận: Mặt trận đại đoàn kết dân tộc, Mặt trận đoàn kết Việt Nam - Lào - Campuchia, Mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam, Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược. Đây thực sự là sự phát triển rực rỡ nhất và thắng lợi to lớn nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết.

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình

Đoàn kết quốc tế muốn lâu dài và hiệu quả theo Hồ Chí Minh là phải tìm ra được những điểm tương đồng về mục tiêu và lợi ích giữa các dân tộc, các lực lượng tiến bộ và phong trào cách mạng thế giới. Từ rất sớm Hồ Chí Minh đã phát hiện ra sự tương đồng này nhờ đặt cách mạng Việt Nam trong bối cảnh chung của thời đại từ đó biết kết hợp lợi ích của cách mạng Việt Nam với trào lưu cách mạng thế giới và nhận thức về nghĩa vụ

của Việt Nam đối với sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện đoàn kết thống nhất trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình. Là một chiến sĩ cách mạng quốc tế kiên định, Hồ Chí Minh đã suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp củng cố khối đoàn kết, thống nhất trong cách mạng thế giới, trước hết là phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, lực lượng tiên phong của cách mạng thế giới đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Đối với các dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Hồ Chí Minh không chỉ suốt đời đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc mình mà còn đấu tranh cho độc lập, tự do cho các dân tộc khác. Trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước trên thế giới, Hồ Chí Minh thực hiện nhất quán quan điểm có tính nguyên tắc: Dân tộc Việt Nam tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của tất cả các dân tộc - quốc gia trên thế giới, đồng thời mong muốn các nước trên thế giới quan hệ hợp tác, hữu nghị với Việt Nam trên cơ sở những nguyên tắc đó.

Thời đại Hồ Chí Minh sống là thời đại của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ trên hầu khắp các châu lục của thế giới. Trong đó, Người không chỉ là nhà tổ chức, người cổ vũ mà còn là người ủng hộ nhiệt thành cuộc đấu tranh của các dân tộc vì các quyền dân tộc cơ bản của họ. Nêu cao tư tưởng độc lập và quyền bình đẳng giữa các dân tộc, Hồ Chí Minh trở thành người khởi xướng, người cầm cờ và là hiện thân của những khát vọng của nhân dân thế giới trong việc khẳng định cốt cách dân tộc, đồng thời thúc đẩy sự đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước.

Đối với các lực lượng tiến bộ trên thế giới, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ hòa bình, chống chiến tranh xâm lược. Tư tưởng đó bắt nguồn từ truyền thống hoà hiếu của dân tộc Việt Nam kết hợp với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản và những giá trị nhân văn nhân loại. Trong suốt hai cuộc kháng chiến, quan điểm hòa bình trong công lý, lòng thiết tha hòa bình trong sự tôn trọng độc lập và thống nhất đất nước của Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam đã làm rung động trái tim nhân loại. Nó có tác dụng cảm hoá, lôi kéo các lực lượng tiến bộ thế giới đứng về phía nhân dân Việt

Nam đòi chấm dứt chiến tranh. Trên thực tế, đã hình thành một mặt trận nhân dân thế giới, có cả nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ, đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược, góp phần kết thúc thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

c. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ

Đoàn kết quốc tế là để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng quốc tế nhằm tăng thêm nội lực, tạo sức mạnh thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng đã đặt ra. Để đoàn kết tốt phải có nội lực tốt. Nội lực là nhân tố quyết định, còn nguồn lực ngoại sinh chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua nguồn lực nội sinh. Chính vì vậy, trong đấu tranh cách mạng, Hồ Chí Minh luôn nêu cao khẩu hiệu: “Tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính”, “Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”¹. Trong đấu tranh giành chính quyền, Người chủ trương “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người chỉ rõ: “Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”². Trong quan hệ quốc tế, Người nhấn mạnh: phải có thực lực, thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng, chiêng có to tiếng mới lớn...

Hồ Chí Minh chỉ rõ, muốn tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế, Đảng phải có đường lối độc lập, tự chủ và đúng đắn. Trả lời một phóng viên nước ngoài, Người nói “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào”³. Trong quan hệ giữa các Đảng thuộc phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, Người xác định: “Các đảng dù lớn dù nhỏ đều độc lập và bình đẳng, đồng thời đoàn kết nhất trí giúp đỡ lẫn nhau”⁴. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, với đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng giành thắng lợi. Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, với đường lối độc lập, tự chủ, kết hợp hài hòa giữa lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế, Đảng ta đã tranh thủ được sự ủng hộ của phong trào nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam, nhận được sự giúp đỡ vô cùng to lớn của Liên xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t. 2, tr 320.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.7, tr.445.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr.162.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.12, tr. 732.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế ngày càng giữ vai trò quan trọng trong quá trình chủ động hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay. Nhận thức tầm quan trọng của vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc, ngày 2-11-1993, Bộ Chính trị Trung ương Đảng khóa VII đã ra Nghị quyết 07/NQ-TW “Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất”. Nghị quyết này đã phản ánh tập trung nhất sự kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong sự nghiệp đổi mới. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996), vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc đã được đặt ở một tầm cao mới, nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Đại hội Đảng lần thứ IX, X, XI tiếp tục bổ sung nhấn mạnh hơn vai trò, tầm quan trọng của đoàn kết dân tộc trong thời đại mới. Đại hội lần thứ XII của Đảng (2016) khẳng định: “Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹. Để phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, Đại hội XII đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo. Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường quan hệ mật thiết, giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết dân tộc.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.158.

Cùng với việc phát huy tối đa sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, qua hơn 30 năm đổi mới, tư tưởng đoàn kết quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã được Đảng ta vận dụng một cách sáng tạo trong việc hoạch định chủ trương, đường lối. Từ tuyên bố “muốn là bạn” (Đại hội VII), “sẵn sàng là bạn” (Đại hội VIII), “là bạn và đối tác tin cậy” (Đại hội IX) đến Đại hội Đảng lần thứ XII, Đảng ta khẳng định: “Quan hệ đối ngoại hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, có hiệu quả. Vì thế, uy tín quốc tế của nước ta tiếp tục được nâng cao”¹. Tinh thần đoàn kết quốc tế, huy động tối đa sức mạnh toàn dân tộc kết hợp sức mạnh thời đại để bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Trước đây, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là sức mạnh để chiến thắng giặc ngoại xâm. Hiện nay, sức mạnh ấy phải là sức mạnh để chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu. Phải xuất phát từ lợi ích dân tộc mà mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi khả năng có thể tranh thủ được để xây dựng, phát triển đất nước.

2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng

Đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh không có nghĩa là mọi lực lượng đều như nhau mà cần phải xác định được cái gốc, rễ của khối đại đoàn kết ấy. Nhờ xác định đúng đắn nền tảng của khối đại đoàn kết mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã biến sức mạnh tinh thần thành sức mạnh vật chất để đánh bại mọi kẻ thù. Sự ra đời của Mặt trận dân tộc thống nhất với liên minh công - nông - trí chặt chẽ, rộng rãi đã làm cho sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng được nhân lên to lớn hơn. Đại hội XII của Đảng đã khẳng định: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động; phát huy ngày càng tốt hơn vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; cùng Đảng, Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, quản lý xã hội; thường xuyên tổ chức các cuộc vận động, phong trào

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.59.

thi đua yêu nước, góp phần tích cực vào những thành tựu chung của đất nước”¹.

Để tiếp tục tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời gian tới, cần thực hiện tốt một số vấn đề cơ bản sau: Trước hết, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền để các cấp, ngành, lực lượng nhận thức sâu sắc về sự cần thiết phải tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay. Hai là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc. Ba là, giải quyết tốt quan hệ lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và toàn xã hội. Bốn là, tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Năm là, kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ có ý nghĩa trong sự nghiệp giải phóng dân tộc mà càng có ý nghĩa quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay. Chính vì thế Đảng cộng sản Việt Nam luôn phải nhất quán coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng thế giới, tiếp tục đoàn kết ủng hộ các phong trào cách mạng, các xu hướng và trào lưu tiến bộ của thời đại vì các mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Để nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới, Đảng, Nhà nước ta chủ trương nêu cao nguyên tắc độc lập tự chủ, tự lực tự cường, chủ trương phát huy mạnh mẽ sức mạnh dân tộc, sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, sức mạnh của người làm chủ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, trên cơ sở sức mạnh bên trong mà tranh thủ và tận dụng sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của lực lượng bên ngoài.

Trước tình hình quốc tế và trong nước hiện nay biến chuyển nhanh chóng và sâu sắc, đặt ra những điều kiện mới đòi hỏi phải rút ra những bài

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.159.

học trong chiến lược đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh để vận dụng cho phù hợp:

Trước hết, làm rõ đoàn kết để thực hiện mục tiêu cách mạng trong giai đoạn hiện nay là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, xã hội công bằng, văn minh.

Hai là, mở cửa, hội nhập quốc tế, là bạn của tất cả các nước, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, đồng thời phải tham gia những vấn đề toàn cầu hiện nay của quốc tế.

Ba là, phải nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Bốn là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh làm hạt nhân đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế, tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng cho ngang tầm nhiệm vụ của dân tộc và của thời đại.

Những quan điểm cơ bản cùng những giá trị thực tiễn của tư tưởng đoàn kết quốc tế Hồ Chí Minh là những bài học quý báu cần được nhận thức và vận dụng sáng tạo cho phù hợp với cách mạng Việt Nam và thế giới tiến bộ trong giai đoạn hiện nay.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Câu 1: Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc? Trong giai đoạn hiện nay Đảng ta cần phải làm gì để phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc?

Câu 2: Theo Hồ Chí Minh, tại sao đại đoàn kết toàn dân tộc được xem là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng? Trong giai đoạn hiện nay, đại đoàn kết dân tộc có còn được xác định là vấn đề có ý nghĩa chiến lược nữa hay không?

Câu 3: Tại sao trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, liên minh giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức lại giữ vai trò nền tảng? Trong quá trình bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay, Việt Nam cần làm gì để phát huy sức mạnh của khối liên minh công- nông và trí thức?

Câu 4: Phân tích những điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh?

Câu 6: Phân tích những phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh?

Câu 7: Theo Hồ Chí Minh, tại sao phải thực hiện đoàn kết quốc tế? Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm gì để gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới? Lấy ví dụ minh họa.

Câu 8: Quá trình nhận thức và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế đã được thể hiện qua những hoạt động thực tiễn nào?

Câu 9: Tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại được thể hiện như thế nào? Lấy ví dụ minh họa.

Câu 10: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam cần phải đoàn kết với các lực lượng quốc tế nào? Trong các lực lượng cần đoàn kết, lực lượng nào giữ vai trò quan trọng nhất? Tại sao?

Câu 11: Hãy phân tích những nguyên tắc đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh? Trong những nguyên tắc đó, nguyên tắc nào là nguyên tắc cơ bản nhất? Vì sao? Liên hệ việc thực hiện nguyên tắc này trong đoàn kết quốc tế hiện nay của nước ta?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và đào tạo: *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, theo Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về lý luận chính trị* (<https://moet.gov.vn/van-ban/vbdh/Pages/chi-tiet-van-ban.aspx?ItemID=2729>), Hà Nội, 2019.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết với vấn đề phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP CHƯƠNG 5

Câu 1. Đại đoàn kết toàn dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc vì:

- a. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng và vì quần chúng.
- b. Đại đoàn kết toàn dân tộc là đại đoàn kết toàn dân, dựa trên nền tảng liên minh công - nông.
- c. Truyền thống yêu nước - nhân nghĩa.
- d. Tất cả đều đúng.

Câu 2. Tìm phương án sai: Theo Hồ Chí Minh, điều kiện để thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc là:

- a. Tôn trọng sự tương đồng của tập thể, tìm điểm khác biệt của cá nhân.
- b. Kế thừa truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết.
- c. Có lòng khoan dung, độ lượng với con người.
- d. Có niềm tin vào nhân dân.

Câu 3. Tìm phương án đúng.

- a. Đại đoàn kết toàn dân tộc là cơ sở cho việc thực hiện đoàn kết quốc tế.
- b. Thực hiện đoàn kết quốc tế là cơ sở cho đại đoàn kết dân tộc.
- c. Đại đoàn kết toàn dân tộc là đại đoàn kết các dân tộc bị áp bức.
- d. Đoàn kết toàn dân là cơ sở của đoàn kết dân tộc.

Câu 4. Điều kiện thực hiện khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là:

- a. Phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người
- b. Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
- c. Tôn trọng lợi ích của mỗi dân tộc.
- d. Câu b và c.

Câu 5. Khái niệm “Nhân dân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh được hiểu:

- a. Mỗi con người Việt Nam cụ thể.
- b. Quần chúng nhân dân.
- c. Người tán thành mục tiêu cách mạng.
- d. Cả a và b.

Câu 6. Theo Hồ Chí Minh, mối quan hệ giữa đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế:

- a. Đại đoàn kết toàn dân tộc là cơ sở cho việc thực hiện đoàn kết quốc tế.
- b. Đại đoàn kết quốc tế là cơ sở cho đại đoàn kết dân tộc.
- c. Đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế có vai trò ngang nhau, cùng là cơ sở của nhau.
- d. Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế không có mối quan hệ với nhau

Câu 7. Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết quốc tế có vai trò:

- a. Là vấn đề có ý nghĩa chiến lược quyết định thành công của cách mạng.
- b. Là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của mọi giai đoạn cách mạng.
- c. Nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng.
- d. Là vấn đề có ý nghĩa sách lược đối với cách mạng Việt Nam.

Câu 8. Trong nguyên tắc đoàn kết quốc tế, “có lý” được hiểu là:

- a. Tôn trọng lẫn nhau trên tinh thần cùng chung lý tưởng.
- b. Tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.
- c. Cảm thông lẫn nhau trên tinh thần cùng chung mục tiêu.
- d. Tôn trọng lợi ích của mỗi dân tộc, không xâm hại đến lợi ích chung.

Câu 9. Tìm phương án sai:

- a. Đoàn kết quốc tế là một nhân tố thường xuyên và hết sức quan trọng đối với thắng lợi của cách mạng nước ta.
- b. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam.
- c. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại.
- d. Đoàn kết quốc tế giữ vai trò quyết định nhất đối với thắng lợi của cách mạng nước ta.

Câu 10. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết toàn dân tộc được coi là:

- a. Vấn đề chiến lược, bảo đảm thành công của cách mạng
- b. Thủ đoạn chính trị
- c. Vấn đề mang tính sách lược, tạm thời
- d. Không quan trọng

Câu 11. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh là:

- a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất quyền lợi và trách nhiệm.

b. Đoàn kết trên cơ sở tận dụng tối đa nguồn lực các nước.

c. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường.

d. Cả a, b và c đều đúng.

Câu 12. Đại đoàn kết toàn dân tộc với cách mạng Việt Nam có ý nghĩa:

a. Chiến lược, cơ bản, nhất quán, lâu dài, xuyên suốt.

b. Lâu dài, xuyên suốt, hàng đầu.

c. Hàng đầu, trọng yếu.

d. Cơ bản trong giành độc lập.

Câu 13. Trong lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam 3-3-1951, Hồ Chí Minh nêu: mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là:

a. Đoàn kết toàn dân, phụng sự tổ quốc.

b. Toàn Đảng, toàn dân, phụng sự tổ quốc.

c. Toàn quân, toàn dân, xây dựng tổ quốc.

d. Tất cả đều sai

Câu 14. Trong đoàn kết quốc tế, đối với các lực lượng tiến bộ trên thế giới, Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ:

a. Hòa bình, chống chiến tranh xâm lược.

b. Dân chủ và dân sinh.

c. Dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

d. Tự do, quyền bình đẳng.

Câu 15. Trong đoàn kết quốc tế, đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ:

a. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

b. Dân tộc, dân chủ và dân sinh.

c. Tự do, bình đẳng các dân tộc.

d. Tự do và quyền bình đẳng, bình quyền.

Câu 16. Trong đoàn kết quốc tế, đối với các dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ:

a. Độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

b. Hòa bình trong công lý.

c. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

d. Dân tộc, dân chủ và dân sinh.

Câu 17. Để thực hiện đại đoàn kết toàn dân, theo Hồ Chí Minh cần phải:

a. Phải lấy lợi ích chung làm điểm quy tụ, đồng thời tôn trọng các lợi ích khác biệt chính đáng

b. Kế thừa truyền thống: yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết toàn dân tộc

c. Phải có lòng khoan dung, độ lượng đối với con người và có lòng tin vào nhân dân.

d. Tất cả đều đúng.

Câu 18. Theo Hồ Chí Minh, hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc là:

a. Mặt trận dân tộc thống nhất

b. Đảng cộng sản

c. Các tổ chức Hội, Đoàn của quần chúng

d. Nhà nước của dân, do dân, vì dân

Câu 19. Theo Hồ Chí Minh, đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, yếu tố nào đảm bảo vững chắc cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản?

a. Đoàn kết giữa các Đảng

b. Đoàn kết giữa giai cấp công nhân quốc tế

c. Đoàn kết giữa giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức

d. Cả a, b, c đều đúng.

Câu 20. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, lực lượng của đoàn kết quốc tế là:

a. Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế

b. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc

c. Các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hòa bình

d. Cả a, b, c đều đúng.

Câu 21. Đề đại đoàn kết toàn dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, cần phải làm gì?

a. Phải quán triệt trong mọi lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách tới hoạt động thực tiễn của Đảng

b. Phải cụ thể hóa thành mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp cách mạng phù hợp với từng giai đoạn lịch sử

c. Phải tập hợp được tất cả các giai cấp, tầng lớp vào việc thực hiện mục tiêu chung của cách mạng

d. Phải thấm nhuần lời dạy: “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”

Câu 22. Nguyên tắc cốt lõi trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh để xây dựng và hoạt động Mặt trận dân tộc thống nhất là:

a. Mặt trận phải được xây dựng trên nền tảng của khối liên minh công nhân – nông dân – trí thức và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

b. Mặt trận phải hoạt động trên cơ sở bảo đảm lợi ích tối cao của dân tộc và quyền lợi cơ bản của giai cấp công nhân.

c. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, bảo đảm đoàn kết ngày càng rộng rãi và bền vững.

d. Các câu trên đều sai.

Câu 23. Tìm câu sai: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh thì đối tượng đoàn kết quốc tế là:

a. Đoàn kết với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

b. Đoàn kết với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở chính quốc.

c. Đoàn kết với những nước tư bản chủ nghĩa, với Lào, Campuchia

d. Đoàn kết với phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Câu 24. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Mặt trận dân tộc thống nhất là gì?

a. Là lực lượng lãnh đạo

b. Là thành viên

c. Vừa là thành viên, vừa là lực lượng lãnh đạo

d. Không có vai trò gì

Câu 25. Tháng 9/1947, Hồ Chí Minh tuyên bố chính sách đối ngoại của nước Việt Nam là:

a. Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai

b. Làm bạn với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa, không xâm phạm lợi ích của ai

c. Làm bạn với tất cả các nước tư bản chủ nghĩa

d. Tất cả các câu trên đều sai

Câu 26. Điền vào chỗ trống: Theo Hồ Chí Minh, “đoàn kết là [...], là [...] của thành công”.

a. Quan trọng, mâu chốt

b. Sức mạnh, then chốt

c. Quan trọng, quyết định

d. Sức mạnh, quyết định

Câu 27. Theo Hồ Chí Minh, trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phải đứng vững trên lập trường của giai cấp:

a. Nông dân

b. Công nhân

c. Liên minh công – nông – trí thức

d. Trí thức

Câu 28. Lực lượng làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo quan điểm của Hồ Chí Minh là:

a. Công nhân

b. Nông dân

c. Công nhân, nông dân

d. Công nhân, nông dân và trí thức

Câu 29. Yếu tố “hạt nhân” trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc là:

a. Liên minh công – nông - trí thức

b. Sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng

c. Sự đoàn kết trong toàn thể nhân dân

d. Tất cả các phương án trên đều đúng

Câu 30. Trong mối quan hệ giữa Đảng và Mặt trận, sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận được thể hiện ở:

a. Khả năng nắm bắt thực tiễn, phát hiện ra quy luật khách quan để vạch đường lối và phương pháp cách mạng phù hợp

b. Chỉ ra đường lối, chủ trương, biện pháp tiến hành cách mạng một cách tối ưu nhất

c. Chỉ ra đường lối, chủ trương, biện pháp tiến hành cách mạng một cách nhanh nhất có thể

d. Vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin vào công tác lãnh đạo các hoạt động của Mặt trận

Câu 31. Tìm câu sai: Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là:

a. Làm tốt công tác vận động quần chúng (dân vận)

b. Thành lập đoàn thể, tổ chức quần chúng phù hợp với từng đối tượng để tập hợp quần chúng

c. Tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho tất cả các giai cấp, tầng lớp nhân dân

d. Các đoàn thể, tổ chức quần chúng được tập hợp và đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất

Câu 32. Điền vào chỗ trống: Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Một dân tộc không [...] mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”.

a. Tự lực cánh sinh

b. Tự lực tự cường

- c. Độc lập tự chủ
- d. Tự mình nỗ lực

Câu 33. Trong các lực lượng đoàn kết quốc tế, lực lượng nào quan trọng nhất?

- a. Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế
- b. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc
- c. Lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hòa bình, dân chủ, tự do và công lý
- d. Các lực lượng đều có vai trò ngang nhau

Câu 34. Theo Hồ Chí Minh: “Cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc của [...]”.

- a. Công nhân
- b. Nông dân
- c. Nhân dân
- d. Một hai người.

Câu 35. Điền vào chỗ trống. Theo Hồ Chí Minh: “Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn tách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của [...]”.

- a. Cách mạng thế giới.
- b. Cách mạng vô sản.**
- c. Cách mạng thuộc địa.
- d. Cách mạng giải phóng dân tộc.

Câu 36. Năm 1941, Mặt trận dân tộc thống nhất được lấy tên là “Việt Nam độc lập đồng minh”, gọi tắt là:

- a. Liên Việt
- b. Đồng minh
- c. Việt Minh
- d. Tất cả đều sai

Câu 37. Tháng 9/1955, tổ chức của Mặt trận dân tộc thống nhất ra đời có tên gọi là?

- a. Việt Nam độc lập đồng minh.
- b. Mặt trận Tân Việt.
- c. Mặt trận độc lập đồng minh.
- d. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 38. “...toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần

xúng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”. Đoạn văn trên được trích trong văn kiện nào của Hồ Chí Minh?

- a. Đường Kách mệnh.
- b. Lời kêu gọi ngày 17/7/1966.
- c. Báo cáo Chính trị tại Đại hội III của Đảng năm 1960.
- d. Di chúc.

Câu 39. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết toàn dân tộc là:

- a. Vấn đề có ý nghĩa chiến lược
- b. Vấn đề có ý nghĩa sách lược
- c. Phương pháp chính trị
- d. Thủ đoạn chính trị

Câu 40. Sức mạnh dân tộc bao gồm những yếu tố chủ yếu nào?

- a. Chủ nghĩa yêu nước.
- b. Tinh thần đoàn kết.
- c. Ý thức tự lực, tự cường.
- d. Cả a, b và c đều đúng

Câu 41. Sức mạnh thời đại bao gồm những yếu tố nào?

- a. Sức mạnh khoa học và công nghệ.
- b. Sự đoàn kết giai cấp công nhân quốc tế.
- c. Sự đoàn kết các dân tộc bị áp bức.
- d. Cả a, b và c đều đúng

Câu 42. Tổ chức, lực lượng nào sau đây không nằm trong Mặt trận dân tộc thống nhất?

- a. Đảng Cộng sản.
- b. Nhà nước xã hội chủ nghĩa.
- c. Các tổ chức chính trị xã hội.
- d. Tất cả các phương án trên

Câu 43. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, có mấy nguyên tắc xây dựng khối đoàn kết quốc tế?

- a. 1 nguyên tắc
- b. 2 nguyên tắc
- c. 3 nguyên tắc
- d. 4 nguyên tắc

Câu 44. Trong những khẩu hiệu tập hợp lực lượng dưới đây, khẩu hiệu nào do Hồ Chí Minh nêu lên?

- a. Vô sản tất cả các nước liên hiệp lại
- b. Vô sản các nước và các dân tộc bị áp bức trên thế giới đoàn kết lại

c. Lao động tất cả các nước, đoàn kết lại

d. Nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới đoàn kết lại

Câu 45. Chọn câu trả lời đúng nhất theo tư tưởng Hồ Chí Minh về Mặt trận dân tộc thống nhất:

a. Mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức của các đảng phái, các đoàn thể, các nhân sĩ

b. Mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức của các tầng lớp nhân dân

c. Mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức của giai cấp công nhân, nông dân, lao động trí óc

d. Mặt trận dân tộc thống nhất là nơi quy tụ mọi tổ chức chính trị – xã hội và cá nhân người Việt nam ở trong nước và nước ngoài

Câu 46. Điền vào chỗ trống. Hoàn thành câu nói của Hồ Chí Minh: “Đoàn kết thực sự nghĩa là [...] phải nhất trí và [...] cũng phải nhất trí”.

a. Mục đích, lập trường

b. Lập trường, mục đích

c. Lợi ích, quyền lợi

d. Quyền lợi, lợi ích

Câu 47. Nguyên tắc *cốt lõi* trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh để xây dựng và hoạt động Mặt trận dân tộc thống nhất là:

a. Mặt trận phải được xây dựng trên nền tảng của khối liên minh công – nông.

b. Mặt trận phải hoạt động trên cơ sở bảo đảm quyền lợi cơ bản của giai cấp công nhân.

c. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

d. Các câu trên đều sai.

Câu 48. “Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thể này hay thể khác, nhưng thể này hay thể khác đều dòng dõi của tổ tiên ta... Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ”. Quan điểm trên của Hồ Chí Minh thể hiện điều kiện gì để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc?

a. Phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc

b. Phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người

c. Phải có niềm tin vào nhân dân

d. Tất cả đều đúng

Câu 49. Chọn câu sai. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất là:

- a. Mặt trận phải được xây dựng trên nền tảng của khối liên minh công nhân – nông dân – trí thức và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- b. Mặt trận phải hoạt động trên cơ sở bảo đảm quyền lợi cơ bản của giai cấp công nhân.
- c. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ
- d. Mặt trận phải đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Câu 50. Chọn câu sai. Theo Hồ Chí Minh, điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là:

- a. Phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc
- b. Phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người
- c. Phải có niềm tin vào nhân dân
- d. Phải có tinh thần lạc quan, yêu đời, quý trọng hiền tài.

Chương 6

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI

Mục tiêu Chương 6:

Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người. Trên cơ sở đó, người học biết vận dụng vào thực tiễn, thể hiện trách nhiệm trong việc xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng của Hồ Chí Minh.

Về kỹ năng: Góp phần giúp cho sinh viên có phương pháp tư duy mới trong học tập, nghiên cứu; hiểu rõ bản chất của lý luận, vai trò của thực tiễn; chủ động, sáng tạo trong học tập và công tác.

Về tư tưởng: Trên cơ sở nhận thức khoa học, sinh viên có niềm tin về giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta; đồng thời chống lại các quan điểm sai trái, luận điệu thù địch nhằm phủ nhận, xóa bỏ tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng của Người về văn hóa, đạo đức, con người nói riêng.

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa

Hồ Chí Minh tiếp cận văn hóa theo bốn cách: 1. Tiếp cận theo nghĩa rộng, tổng hợp mọi phương thức sinh hoạt của con người; 2. Tiếp cận theo nghĩa hẹp là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng; 3. Tiếp cận theo nghĩa hẹp hơn là bàn đến các trường học, số người đi học, xóa nạn mù chữ, biết đọc, biết viết (thường xuất hiện trong các bài thi nói với đồng bào miền núi); 4. Tiếp cận theo “phương thức sử dụng công cụ sinh hoạt”.

Tháng 8-1943, khi còn ở trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan niệm nhấn mạnh ý nghĩa của văn hóa: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với

biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹.

Ở đây, văn hóa đã được hiểu theo nghĩa rộng, đó là toàn bộ những giá trị vật chất và những giá trị tinh thần mà loài người sáng tạo ra nhằm đáp ứng lẽ sinh tồn, đồng thời cũng là mục đích cuộc sống của loài người.

Sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh có bàn đến văn hóa nhưng theo nghĩa hẹp. Người xác định: Văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng, là toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội.

Như vậy, ngay từ rất sớm Hồ Chí Minh đã quan tâm đến văn hóa, đã thấy rõ vai trò, vị trí của văn hóa trong đời sống xã hội. Điều này cắt nghĩa vì sao ngay sau khi giành được độc lập, Hồ Chí Minh đã bắt tay vào việc xây dựng, kiến tạo một nền văn hóa mới.

b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

Quan hệ giữa văn hóa với chính trị. Hồ Chí Minh cho rằng trong đời sống xã hội có bốn vấn đề phải được coi là quan trọng ngang nhau và có sự tác động qua lại lẫn nhau, đó là chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Hồ Chí Minh cho rằng, chính trị có được giải phóng thì văn hóa mới được giải phóng. Chính trị giải phóng sẽ mở đường cho văn hóa phát triển. Ở Việt Nam thời thuộc địa, tiến hành cách mạng chính trị thực chất là tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc để giành chính quyền, xóa ách nô lệ, thiết lập nhà nước của dân, do dân, vì dân, từ đó, giải phóng văn hóa mở đường cho văn hóa phát triển. Tuy vậy, văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong chính trị, tức là văn hóa phải phục vụ nhiệm vụ chính trị; đồng thời mọi hoạt động của tổ chức và nhà chính trị phải có hàm lượng văn hóa.

Quan hệ giữa văn hóa với kinh tế. Trong mối quan hệ với kinh tế, Hồ Chí Minh đưa ra luận điểm: Văn hóa là một kiến trúc thượng tầng, vì vậy những cơ sở hạ tầng của xã hội có kiến thiết rồi, văn hóa mới kiến thiết được và có đủ điều kiện phát triển. Tuy nhiên, văn hóa cũng không thể đứng ngoài mà phải đứng trong kinh tế, nghĩa là văn hóa không hoàn toàn phụ thuộc vào kinh tế, mà có vai trò tác động tích cực trở lại kinh tế. Tóm lại, sự phát triển của chính trị, kinh tế, xã hội, sẽ thúc đẩy văn hóa phát triển; ngược lại, mỗi bước phát triển của kinh tế, chính trị, xã hội đều có sự khai sáng của văn hóa.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.3, tr.458

Quan hệ giữa văn hóa với xã hội, giải phóng chính trị đồng nghĩa với giải phóng xã hội, từ đó văn hóa mới có điều kiện phát triển. Xã hội thế nào, văn hóa thế ấy. Theo Hồ Chí Minh: “Xã hội thế nào, văn nghệ thế ấy. Văn nghệ của dân tộc ta vốn rất phong phú, nhưng dưới chế độ thực dân và phong kiến, nhân dân ta bị nô lệ, thì văn nghệ cũng bị nô lệ, bị tòi tàn, không thể phát triển được.”¹. Vì vậy phải làm cách mạng giải phóng dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng chính trị, giải phóng xã hội, thì mới giải phóng được văn hóa.

Về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu văn hóa nhân loại. Bản sắc văn hóa dân tộc là những giá trị văn hóa bền vững của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; là thành quả của quá trình lao động, sản xuất, chiến đấu và giao lưu của con người Việt Nam. Bản sắc văn hóa dân tộc được nhìn nhận qua hai lớp quan hệ: nội dung và hình thức. Về nội dung, đó là lòng yêu nước, thương nòi; tinh thần độc lập, tự cường, tự tôn dân tộc... Về hình thức, cốt cách văn hóa dân tộc biểu hiện ở ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lễ hội, truyền thống, cách cảm và nghĩ...

Bản sắc văn hóa dân tộc chứa đựng giá trị lớn và có một ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nó phản ánh những nét độc đáo, đặc tính dân tộc. Vì vậy, trách nhiệm của con người Việt Nam là phải trân trọng, khai thác, giữ gìn, phát huy, phát triển những giá trị của văn hóa dân tộc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng của từng giai đoạn lịch sử. Theo Người, “dân ta phải biết sử ta, cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”²; “càng thấm nhuần chủ nghĩa Mác-Lênin càng phải coi trọng những truyền thống tốt đẹp của cha ông”. “Mỗi dân tộc cần phải chăm lo đặc tính dân tộc mình trong nghệ thuật”. Chăm lo cốt cách dân tộc, đồng thời cần triệt để tẩy trừ mọi di hại thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc, tôn trọng phong tục tập quán, văn hóa của các dân tộc ít người.

Đồng thời với giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, phải biết tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Theo Hồ Chí Minh, văn hóa Việt Nam có sự ảnh hưởng của văn hóa phương Tây và phương Đông: “Tây phương hay Đông phương có cái gì tốt ta học lấy để tạo ra một nền văn hóa Việt Nam”. Hồ Chí Minh chú trọng chắt lọc tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho văn hóa Việt Nam, xây dựng văn hóa Việt Nam hợp với tinh thần dân

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.9, tr. 231.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.3, tr. 255.

chủ, một nhà báo Mỹ viết: “Cụ Hồ không phải là một người dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi, mà cụ là một người yêu mến văn hóa Pháp trong khi chống thực dân Pháp, một con người biết coi trọng những truyền thống cách mạng Mỹ trong khi Mỹ phá hoại đất nước Cụ”¹. Hồ Chí Minh tiếp thu nội dung văn hóa là toàn diện bao gồm Đông, Tây, kim, cổ, tất cả các mặt, các khía cạnh, tiếp thu cái gì hay, cái gì tốt thì học lấy. Mỗi quan hệ giữa giữ gìn cốt cách văn hóa dân tộc và tiếp thu văn hóa nhân loại là phải lấy văn hóa dân tộc làm gốc, đó là điều kiện, cơ sở để tiếp thu văn hóa nhân loại.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

a. Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng

Văn hóa là mục tiêu: Mục tiêu là những giá trị mà con người cần phải hướng tới. Mục tiêu của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Như vậy, cùng với chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa nằm trong mục tiêu chung của toàn bộ tiến trình cách mạng.

Văn hóa là mục tiêu - nhìn một cách tổng quát – là quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc; là khát vọng của nhân dân về các giá trị chân, thiện, mỹ. Đó là một xã hội mà đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân luôn luôn được quan tâm và không ngừng nâng cao, con người có điều kiện phát triển toàn diện.

Văn hóa là động lực: Động lực là cái thúc đẩy làm cho phát triển. Di sản Hồ Chí Minh cho chúng ta một nhìn nhận về động lực phát triển đất nước, bao gồm động lực vật chất và tinh thần; động lực cộng đồng và cá nhân; nội lực và ngoại lực. Tất cả đều quy tụ ở con người và có thể được xem xét dưới góc độ văn hóa. Tuy nhiên, nếu tiếp cận các lĩnh vực văn hóa cụ thể trong tư tưởng Hồ Chí Minh, động lực có thể nhận thức ở các phương chủ yếu diện sau:

Văn hóa chính trị là một trong những động lực có ý nghĩa soi đường cho quốc dân đi, lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ.

Văn hóa văn nghệ góp phần nâng cao lòng yêu nước, lý tưởng, tình cảm cách mạng, sự lạc quan, ý chí, quyết tâm và niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Văn hóa giáo dục diệt giặc dốt, xóa mù chữ, giúp con người hiểu biết quy luật phát triển của xã hội.

¹ Trần Văn Giàu (1993), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr.331.

Văn hóa đạo đức, lối sống nâng cao phẩm giá, phong cách lành mạnh cho con người, hướng con người tới các giá trị chân, thiện, mỹ.

Văn hóa pháp luật bảo đảm dân chủ, trật tự, kỷ cương, phép nước.

b. Văn hóa là một mặt trận

Hồ Chí Minh khẳng định văn hóa là một mặt trận, tức khẳng định vai trò, vị trí của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng, coi mặt trận văn hóa cũng có tầm quan trọng như mặt trận quân sự, kinh tế, chính trị.

Nội dung của mặt trận văn hóa phong phú, đấu tranh trên các lĩnh vực tư tưởng đạo đức, lối sống,... của các hoạt động văn nghệ, báo chí, công tác lý luận, đặc biệt là định hướng giá trị chân, thiện, mỹ của văn hóa nghệ thuật.

Hồ Chí Minh coi mặt trận văn hóa như cuộc chiến không lờ giữa chính và tà, giữa cách mạng và phản cách mạng. Cuộc chiến đó rất quyết liệt, rất lâu dài, song cũng rất vẻ vang. Trong cuộc chiến đó người nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí đấu tranh. Trước khi giành lấy chính quyền văn nghệ có nhiệm vụ thức tỉnh quần chúng, tập hợp lực lượng, cổ vũ cho thắng lợi tất yếu của cách mạng. Sau khi có chính quyền, văn nghệ phải tham gia vào công cuộc bảo vệ và xây dựng chế độ mới, xây dựng con người mới. Mặt trận văn nghệ lúc này còn gay go hơn, quyết liệt hơn, bởi thắng đế quốc thực dân đã khó, thắng nghèo nàn, lạc hậu còn khó hơn nhiều.

Để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang đó, Hồ Chí Minh yêu cầu “chiến sĩ nghệ thuật cần phải có lập trường vững vàng, tư tưởng đúng... Đặt lợi ích của kháng chiến, của tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải ngòi bút là vũ khí sắc bén trong sự nghiệp “phò chính trừ tà”. Phải bám sát cuộc sống thực tiễn, đi sâu vào quần chúng, để phê bình nghiêm khắc những thói xấu như tham ô, lười biếng, lãng phí, quan liêu, và ca tụng chân thật những người tốt việc tốt để làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay và giáo dục con cháu đời sau. Đó chính là “chất thép” của văn nghệ theo tinh thần “kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”.

c. Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân

Theo Hồ Chí Minh, mục tiêu của văn hóa là phục vụ quần chúng, phục vụ nhân dân. Do vậy, mọi hoạt động văn hóa phải trở về với cuộc sống thực tại của quần chúng, phản ánh được tư tưởng và khát vọng của quần chúng.

Tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ III (ngày 1-12-1962) Hồ Chí Minh nói với văn nghệ sĩ: “Quần chúng đang chờ đợi những tác phẩm văn

nghệ xứng đáng với thời đại vẻ vang của chúng ta”¹. Tác phẩm xứng đáng với thời đại phải là những tác phẩm vừa hay, vừa chân thật. Người nói: “quần chúng mong muốn những tác phẩm có nội dung chân thật và phong phú, có hình thức sáng tạo và vui tươi. Khi chưa xem thì muốn xem, xem rồi thì bỏ ỉch”². Đó là một tác phẩm hay. Một tác phẩm hay là tác phẩm diễn đạt vừa đủ điều muốn nói, ai đọc cũng hiểu được và khi đọc xong phải suy ngẫm. Tác phẩm đó phải kế thừa tinh hoa văn hóa dân tộc, mang hơi thở của thời đại, phản ánh chân thật những gì đã có trong đời sống, vừa phê phán cái dở, cái xấu, cái sai, hướng nhân dân đến cái chân, cái thiện, cái mỹ.

Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân là phải miêu tả cho hay, cho thật, cho hùng hồn; phải trả lời được các câu hỏi: Viết cho ai? Mục đích viết? Lấy tài liệu đâu mà viết? Cách viết như thế nào? Viết phải thiết thực, tránh cái lối viết rau muống mà ham dùng chữ. Nói cũng vậy. Nói ít, nhưng nói cho thấm thía, nói cho chắc chắn, thì quần chúng thích hơn. Tóm lại “từ trong quần chúng ra. Về sâu trong quần chúng”. Trên cơ sở đó để định hướng giá trị cho quần chúng. Chiến sĩ văn hóa phải hiểu và đánh giá đúng quần chúng. Quần chúng là những người sáng tác rất hay. Họ cũng cung cấp cho những nhà hoạt động văn hóa những tư liệu quý. Và chính họ là những người thẩm định khách quan, trung thực, chính xác các sản phẩm văn nghệ.

3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945: Tháng 8-1943, cùng với việc đưa ra quan niệm về ý nghĩa của văn hóa, Hồ Chí Minh quan tâm đến việc xây dựng nền văn hóa dân tộc với năm nội dung. Xây dựng tâm lý: Tinh thần độc lập tự cường. Xây dựng luân lý: Biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng. Xây dựng xã hội: Mọi sự nghiệp liên quan đến phúc lợi của nhân dân. Xây dựng chính trị: dân quyền. Xây dựng kinh tế.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp: Khi cả dân tộc bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ, Hồ Chí Minh khẳng định lại quan điểm của Đảng ta từ năm 1943 trong Đề cương văn hóa Việt Nam về phương châm xây dựng nền văn hóa mới. Đó là một nền văn hóa có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 13, trang 504.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 13, trang 504 – 505.

Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội: Trong thời kỳ nhân dân miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc.

Tóm lại, quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam, đó là là một nền văn hóa toàn diện, giữ gìn được cốt cách văn hóa dân tộc, bảo đảm tính khoa học, tiên bộ và nhân văn.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng

Khi đánh giá vai trò của đạo đức trong đời sống, từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã *coi đạo đức là nguồn nuôi dưỡng, phát triển con người*. Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định đạo đức là *gốc*, là *nền tảng*, là *sức mạnh*, là *tiêu chuẩn hàng đầu* của người cách mạng. Đạo đức là nền tảng của người cách mạng, cũng giống như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (1947), Người viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân?”¹. Người so sánh: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”².

Hồ Chí Minh chỉ rõ, cán bộ, đảng viên muốn cho dân tin, dân phục thì: “không chỉ viết lên trán chữ “cộng sản” là được nhân dân yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức”³. “Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”⁴

Đạo đức trở thành nhân tố quyết định của sự thành bại của mọi công việc, phẩm chất mỗi con người. Trong bài *Người cán bộ cách mạng* (1955), Hồ Chí Minh yêu cầu “Người cán bộ cách mạng phải có đạo đức

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr. 292.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.11, tr. 601.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.6, tr.16.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr. 292-293.

cách mạng... Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có thấm nhuần đạo đức cách mạng hay là không”¹. Bởi vì, có đạo đức cách mạng trong sáng mới làm được những việc cao cả, vẻ vang. Hồ Chí Minh đã nói, “Có đạo đức cách mạng thì gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước., khi gặp thuận lợi và thành công vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn.”².

Đạo đức thể hiện trong hành động, lấy hiệu quả thực tế làm thước đo. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh luôn đặt đạo đức bên cạnh tài năng, gắn đức với tài, lời nói đi đôi với hành động và hiệu quả trên thực tế. Người nói: “Phải lấy kết quả thiết thực đã góp sức bao nhiêu cho sản xuất và lãnh đạo sản xuất mà đo ý chí cách mạng của mình. Hãy kiên quyết chống bệnh nói suông, thói phô trương hình thức, lối làm việc không nhằm mục đích nâng cao sản xuất”³.

Đức và tài, hồng và chuyên, phẩm chất và năng lực thống nhất là một. Đức là gốc của tài, hồng là gốc của chuyên, phẩm chất là gốc của năng lực. Tài là thể hiện cụ thể của đức trong hành động. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Có tài mà không có đức ví như một anh làm kinh tế tài chính rất giỏi nhưng lại đi đến thụt két thì chẳng những không làm được gì ích lợi cho xã hội, mà còn có hại cho xã hội nữa. Nếu có đức mà không có tài ví như ông Bụt không làm hại gì, nhưng cũng không lợi gì cho loài người”⁴.

Vai trò của đạo đức còn thể hiện là thước đo lòng cao thượng của con người. Trong bài Đạo đức cách mạng (1955), Hồ Chí Minh viết: “Tuy năng lực và công việc của mỗi người khác nhau, người làm việc to, người làm việc nhỏ; nhưng ai giữ được đạo đức đều là người cao thượng”⁵. Thực hành tốt đạo đức cá nhân không chỉ có tác dụng tôn vinh nâng cao giá trị của mình mà còn tạo ra sức mạnh nội sinh giúp ta vượt qua mọi thử thách.

Theo Hồ Chí Minh, sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội chưa phải là lý tưởng cao xa, ở mức sống vật chất dồi dào, mà là ở tư tưởng được tự do, giải phóng, những giá trị đạo đức cao đẹp, ở phẩm chất của những người cộng sản ưu tú, bằng tấm gương sống và hành động của mình và chiến đấu cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa thành hiện thực.

Trong *Bài xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội* (1961),

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.9, tr. 354.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.11, tr. 602 - 603.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.13, tr. 68.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.11, tr. 399.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.9, tr.508.

Người viết: “Nhà nước ta ngày nay là *tất cả những người lao động*. Vậy công nhân, nông dân, trí thức cách mạng cần nhận rõ rằng: Hiện nay, nhân dân lao động ta là những người làm chủ nước ta, chứ không phải là những người làm thuê cho giai cấp bóc lột như thời cũ nữa. Chúng ta có quyền và có đủ điều kiện để tự tay mình xây dựng đời sống tự do, hạnh phúc cho mình. Nhân dân lao động là những người chủ tập thể của tất cả những của cải vật chất và văn hoá, đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Bởi vậy mọi người đều phải thấm nhuần sâu sắc tư tưởng “mình vì mọi người, mọi người vì mình”¹. Người nói rõ: “Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo. Khác hẳn với trước kia, công nhân bây giờ là người chủ đất nước, chủ xã hội, chủ cuộc sống. Bởi vậy mọi người đều phải thấm nhuần sâu sắc ý thức làm chủ tập thể và đạo đức cách mạng “mình vì mọi người”².”

Vai trò của đạo đức thể hiện ngay ở tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh, tấm gương đạo đức và nhân cách cao đẹp của Người đã có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới, là nguồn cổ vũ, động viên tinh thần quan trọng đối với nhân dân ta và nhân loại tiến bộ đoàn kết đấu tranh vì mục tiêu hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

a. Trung với nước, hiếu với dân

Trung với nước, hiếu với dân là phẩm chất đạo đức quan trọng nhất, bao trùm và chi phối các phẩm chất khác.

Trung và hiếu là những khái niệm đạo đức cũ đã có từ lâu trong tư tưởng đạo đức truyền thống Việt Nam và phương Đông, phản ánh mối quan hệ lớn nhất và cũng là phẩm chất bao trùm nhất: “Trung với vua, hiếu với cha mẹ”. Hồ Chí Minh đã mượn khái niệm trung hiếu trong tư tưởng đạo đức truyền thống dân tộc và đưa vào đó một nội dung mới, rộng lớn: “Trung với nước, hiếu với dân”, tạo nên một cuộc cách mạng trong quan niệm về đạo đức. Người nói: “Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngừng lên trời”³. Đầu năm 1946, Người đã nói: “Đạo đức, ngày trước thì chỉ trung với vua, hiếu với cha mẹ. Ngày nay, thời đại mới, đạo đức cũng phải mới. Phải trung với nước. Phải hiếu với

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.13, tr 66.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr. 678.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.7, tr. 220.

toàn dân, với đồng bào”¹.

Tư tưởng “trung với nước, hiếu với dân” của Hồ Chí Minh không những kế thừa giá trị yêu nước truyền thống của dân tộc, mà còn vượt qua những hạn chế của truyền thống đó. Hồ Chí Minh cho rằng, trung với nước phải gắn liền hiếu với dân. Vì nước là của dân, còn dân lại là chủ của nước. “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân... Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”². Đảng và Chính phủ là “đầy tớ nhân dân” chứ không phải “quan nhân dân để đè đầu cưỡi cổ nhân dân”.

Nội dung mới của trung và hiếu theo Hồ Chí Minh là: *Trung với nước*, là tuyệt đối trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, là suốt đời phấn đấu cho Đảng, cho cách mạng. *Hiếu với dân*, là phải thương dân, tin dân, phục vụ nhân dân hết lòng. Để làm được như vậy, phải gần dân, kính trọng và học tập nhân dân. Phải dựa vào dân và lấy dân làm gốc. Đối với cán bộ lãnh đạo Hồ Chí Minh yêu cầu phải nắm vững dân tình, hiểu rõ dân tâm, thường xuyên quan tâm cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí.

b. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nội dung cốt lõi của đạo đức cách mạng, đó là phẩm chất đạo đức gắn liền với hoạt động hằng ngày của mỗi người. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã đề cập phẩm chất này nhiều nhất, thường xuyên nhất, phản ánh xuyên suốt trong đời hoạt động cách mạng của mình.

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng: “bọn phong kiến ngày xưa nêu ra cần, kiệm, liêm, chính nhưng không bao giờ thực hiện mà lại bắt nhân dân tuân theo để phụng sự quyền lợi cho chúng. Ngày nay ta đề ra cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để lợi cho nước cho dân”³. Với ý nghĩa như vậy, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư cũng là một biểu hiện cụ thể của phẩm chất “trung với nước, hiếu với dân”.

Cần tức là siêng năng, chăm chỉ, lao động có kế hoạch, có hiệu quả, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng.

Kiệm là tiết kiệm thời gian, công sức, của cải, tiền của của dân, của nước, của bản thân mình; không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi,

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr. 170.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.6, tr. 232.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.7, tr. 220.

không phô trương hình thức, không liên hoan chè chén lu bù. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ: “Tiết kiệm không phải là bủn xỉn. Khi không nên tiêu xài thì một đồng xu cũng không nên tiêu. Khi có việc Đảng làm, việc ích lợi cho đồng bào, cho Tổ quốc, thì dù bao nhiêu đồng, tốn bao nhiêu của, cũng vui lòng. Như thế mới đúng là kiệm. Việc đáng tiêu mà không tiêu, là bủn xỉn, chứ không phải là kiệm. Tiết kiệm phải kiên quyết không xa xỉ”¹.

Liêm là liêm khiết, trong sạch, không tham lam, luôn tôn trọng giữ gìn của công và của dân. Không tham địa vị, tiền tài, danh vọng.

Chính là thẳng thắn, đứng đắn. Hồ Chí Minh đưa ra một số yêu cầu:

Đối với mình – không được tự cao, tự đại, phải khiêm tốn học hỏi, phát triển cái hay, sửa đổi cái dở của mình. *Đối với người* – không nịnh người trên, không khinh người dưới, thật thà, không dối trá. *Đối với việc* – phải đề công việc lên trên, lên trước, việc thiện nhỏ mấy cũng làm, việc ác nhỏ mấy cũng tránh.

Theo Hồ Chí Minh cần, kiệm, liêm là gốc rễ của chính. Cần, kiệm, liêm, chính là tứ đức của con người là thước đo văn minh, tiến bộ của dân tộc

Hồ Chí Minh đã khẳng định:

“Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông
Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc
Người có bốn đức: cần, kiệm, liêm, chính
Thiếu một mùa thì không thành trời
Thiếu một phương thì không thành đất
Thiếu một đức thì không thành người”².

Hồ Chí Minh cho rằng, các đức tính cần, kiệm, liêm, chính có quan hệ chặt chẽ với nhau, ai cũng phải thực hiện, song cán bộ, đảng viên phải là người thực hành trước để làm kiểu mẫu cho dân. Người thường nhắc nhở cán bộ, công chức, những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hạn. Nếu không giữ đúng cần, kiệm, liêm, chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân.

Chí công vô tư, về thực chất là nối tiếp cần, kiệm, liêm, chính, nhưng nó cũng có nội hàm riêng. *Chí công vô tư*, là công bằng, công tâm, không thiên tư, thiên vị; làm việc gì cũng không nghĩ đến mình trước, chỉ biết vì

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 6, tr.123.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 6, tr. 117

Đảng, vì dân tộc, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”. Chí công vô tư là nêu cao chủ nghĩa tập thể, trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân. Người nói: “Đem lòng chí công vô tư mà đối với người, với việc”¹. “Khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, ... làm việc gì mình cũng nghĩ đến lợi ích chung trước và lợi ích riêng sau”².

Hồ Chí Minh cũng lưu ý phải phân biệt đâu là chủ nghĩa cá nhân và đâu là lợi ích cá nhân con người. Hồ Chí Minh chủ trương xóa bỏ chủ nghĩa cá nhân nhưng không bao giờ chủ trương xóa bỏ lợi ích cá nhân chính đáng của con người. Người nói: “Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là “giày xéo lên lợi ích cá nhân”. Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và của gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể thì không phải là xấu. Nhưng lại phải thấy rằng chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình”³.

c. Thương yêu con người, sống có tình nghĩa

Yêu thương con người được Hồ Chí Minh xác định là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất. Người nói, người cách mạng là người giàu tình cảm, có tình cảm cách mạng mới đi làm cách mạng. Vì yêu thương nhân dân, yêu thương con người mà chấp nhận mọi gian khổ hy sinh để đem lại độc lập, tự do, cơm no áo ấm và hạnh phúc cho con người.

Tình yêu thương con người, là tình cảm rộng lớn, trước hết dành cho những người nghèo khổ, những người bị mất quyền, những người bị áp bức, bị bóc lột không phân biệt màu da, dân tộc. Người cho rằng, nếu không có tình yêu thương như vậy thì không thể nói đến cách mạng, càng không thể nói đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Tình thương yêu con người theo Hồ Chí Minh phải được xây dựng trên lập trường của giai cấp công nhân, thể hiện trong mối quan hệ hằng ngày với bạn bè, đồng chí, anh em, phải được thể hiện ở hành động cụ thể thiết thực. Nó đòi hỏi mỗi người phải chặt chẽ và nghiêm khắc với mình; rộng rãi, độ lượng và giàu lòng vị tha đối với người khác; phải có thái độ tôn trọng những quyền của con người, tạo điều kiện cho con người phát

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 5, tr. 217.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 11, tr. 400.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 11, tr. 610.

huy tài năng; nâng con người lên. Tình thương yêu con người còn thể hiện đối với những người có sai lầm, khuyết điểm biết sửa chữa, đối với người lầm đường lạc lối đã hối cải. Người dạy: “Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được”¹. Trong *Di chúc* Người viết: “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”².

d. Tinh thần quốc tế trong sáng

Chủ nghĩa quốc tế là một trong những phẩm chất quan trọng nhất của đạo đức cộng sản chủ nghĩa. Điều này được bắt nguồn từ bản chất của giai cấp công nhân, nhằm vào mối quan hệ rộng lớn vượt ra khỏi quốc gia dân tộc.

Nội dung chủ nghĩa quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất rộng lớn và sâu sắc. Đó là sự tôn trọng, hiểu biết, thương yêu và đoàn kết với giai cấp vô sản toàn thế giới, với tất cả các dân tộc và nhân dân các nước, với những người tiến bộ trên toàn cầu, chống lại mọi sự chia rẽ, hằn thù, bất bình đẳng và phân biệt chủng tộc, chống lại chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, sô vanh, biệt lập và chủ nghĩa bành trướng bá quyền... Hồ Chí Minh chủ trương giúp bạn là tự giúp mình.

Đoàn kết quốc tế là nhằm thực hiện những mục tiêu lớn của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, là hợp tác và hữu nghị theo tinh thần: “Quan sơn muôn dặm một nhà, bốn phương vô sản đều là anh em”. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã dày công xây đắp tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới. Đã tạo ra một kiểu quan hệ quốc tế mới: đối thoại thay cho đối đầu, nhằm kiến tạo một nền văn hóa hòa bình cho nhân loại, đó là di sản thời đại vô giá của Người về hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển giữa các dân tộc.

3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng

a. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức

Nói đi đôi với làm, là một trong những đặc điểm và nét đẹp của truyền thống văn hóa, truyền thống đạo đức phương Đông. Hồ Chí Minh coi đây là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng nền đạo đức mới. Nguyên tắc cơ bản này là sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, nó đã trở thành phương pháp luận trong cuộc sống và là nền tảng triết lý sống

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 15, tr. 668.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 15, tr. 611.

hết sức bình dị mà vô cùng sâu sắc của Người. Trong tác phẩm Đường cách mệnh, khi đề cập tư cách một người cách mệnh, Hồ Chí Minh yêu cầu: “Nói thì phải làm”¹. Trong bài Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân Người viết: “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”². Trong suốt cuộc đời mình Hồ Chí Minh đã giáo dục mọi người và chính Người đã thực hiện điều đó một cách nghiêm túc và đầy đủ nhất. Hồ Chí Minh là tấm gương trong sáng tuyệt vời về lời nói đi đôi với việc làm.

Nêu gương về đạo đức là một nét đẹp của truyền thống văn hóa phương Đông. Đề đạo đức cách mạng thấm sâu, bám chắc vào đời sống xã hội và trở thành nền tảng tinh thần của nhân dân, Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ, đảng viên: “Trước hết, mình phải làm gương, gắng làm gương trong anh em, và khi đi công tác, gắng làm gương cho dân. Làm gương về cả ba mặt: Tinh thần, vật chất và văn hóa”³. Sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong lời nói và việc làm không chỉ là cách thức để giáo dục đạo đức cho quần chúng, mà còn là một phương pháp để tự giáo dục bản thân mình. Nói đi đôi với làm phải gắn liền với nêu gương về đạo đức. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”⁴. Với ý nghĩa đó, Hồ Chí Minh đã đào tạo các thế hệ cán bộ cách mạng Việt Nam không chỉ bằng lý luận cách mạng tiên phong mà còn bằng chính tấm gương đạo đức cao cả của mình.

Hồ Chí Minh cho rằng, hơn bất cứ một lĩnh vực nào khác, trong việc xây dựng một nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng phải đặc biệt chú trọng “đạo làm gương”. Người nói: “Lấy gương người tốt, việc tốt hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới”⁵. Đối với cán bộ, đảng viên, Người nêu luận điểm quan trọng: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”⁶.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.2, tr. 280.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr. 546.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội t.4, tr.171.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội t.1, tr.284.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr. 672.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.6, tr. 16.

Muốn làm được như vậy, phải chú ý phát hiện, xây dựng những điển hình “người tốt, việc tốt” rất gần gũi trong đời thường, trong các lĩnh vực lao động, sản xuất, chiến đấu, học tập...bởi vì, theo Người: “Từng giọt nước nhỏ thấm vào lòng đất, chảy về một hướng mới thành suối, thành sông, thành biển cả”¹. Không nhận thức được điều này là “chỉ thấy ngọn mà quên mất gốc”. Người nói: “Người tốt, việc tốt nhiều lắm. Ở đâu cũng có. Ngành, giới nào, địa phương nào, lứa tuổi nào cũng có”².

b. Xây đi đôi với chống

Để đào tạo nên những con người hoàn thiện về tài, đức, phục vụ cho sự nghiệp cách mạng, theo Hồ Chí Minh cần quán triệt nguyên tắc xây phải đi đôi với chống. *Xây* tức là xây dựng các giá trị, các chuẩn mực về đạo đức mới; *chống* là chống các biểu hiện, các hành vi vô đạo đức.

Để xây dựng một nền đạo đức mới, cần phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống. Trong đời sống hằng ngày, những hiện tượng tốt - xấu, đúng - sai, cái đạo đức và cái vô đạo đức thường đan xen nhau, đối chọi nhau thông qua hành vi của những con người khác nhau, thậm chí trong mỗi con người. “Không có ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay”³. Chính vì vậy, việc xây và chống trong lĩnh vực đạo đức rõ ràng không đơn giản. Xây phải đi đôi với chống, muốn xây phải chống, chống nhằm mục đích xây.

Vấn đề quan trọng trong việc giáo dục đạo đức là phải khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh ở mỗi người, để mọi người tự giác nhận thức được trách nhiệm đạo đức của mình như Hồ Chí Minh đã nói, cảm nhận thấy sâu sắc sự trau dồi đạo đức cách mạng là việc làm “sung sướng và vẻ vang nhất trên đời”. Tiếp nhận sự giáo dục đạo đức là vấn đề nhất thiết không thể thiếu được, nhưng sự tự giáo dục, tự trau dồi đạo đức ở mỗi người còn quan trọng hơn.

Xây dựng đạo đức mới, đạo đức cách mạng trước hết phải được tiến hành bằng việc giáo dục những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức mới. Việc giáo dục đạo đức mới phải được tiến hành phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, phù hợp với từng lứa tuổi, ngành nghề, giai cấp, tầng lớp và trong từng môi trường khác nhau; phải khơi dậy được ý thức đạo đức lành mạnh ở mỗi người. Hồ Chí Minh cho rằng, “Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr. 663.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr. 663.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr. 314.

người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng”¹.

Xây phải đi đôi với chống, với việc loại bỏ cái sai, cái xấu, cái vô đạo đức trong đời sống hằng ngày. Hồ Chí Minh cho rằng, trên con đường đi tới tiến bộ và cách mạng, đạo đức mới chỉ có thể được xây dựng thành công trên cơ sở kiên trì mục tiêu chống chủ nghĩa đế quốc, chống những thói quen và tập tục lạc hậu, phải loại trừ chủ nghĩa cá nhân – nguồn gốc của mọi thứ tệ nạn. Đây thực sự là “một cuộc chiến đấu không lờ” giữa tiến bộ và lạc hậu, giữa cách mạng và phản cách mạng. Để giành được thắng lợi trong cuộc chiến này, điều quan trọng là phải phát hiện sớm, phải tuyên truyền, vận động hình thành phong trào quần chúng rộng rãi đấu tranh cho sự lành mạnh, trong sạch về đạo đức.

c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời

Theo Hồ Chí Minh đã là con người ai cũng có chỗ hay, chỗ dở, chỗ tốt, chỗ xấu, ai cũng có cái thiện, cái ác... Do đó, muốn xây dựng một nền đạo đức mới, bản thân mỗi cá nhân phải không ngừng tu dưỡng đạo đức để loại bỏ những cái xấu, cái ác, phát huy những cái hay, cái tiến bộ.

Tu dưỡng đạo đức như một cuộc cách mạng trường kỳ, gian khổ vì đó là một cuộc cách mạng trong bản thân của mỗi người. Bồi dưỡng tư tưởng mới để đánh thắng tư tưởng cũ, đoạn tuyệt với con người cũ để trở thành con người mới không phải là một việc dễ dàng.

Mỗi người phải nhìn thẳng vào mình, kiên trì rèn luyện liên tục, tu dưỡng suốt đời như công việc rửa mặt hàng ngày. Hồ Chí Minh nói: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”². Từ rất sớm, Người đã lưu ý: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”³.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr. 672.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.11, tr. 612.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr. 672.

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI

1. Quan niệm Hồ Chí Minh về con người

Theo Hồ Chí Minh, con người là một chỉnh thể, thống nhất về trí lực, tâm lực, thể lực, đa dạng bởi mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội (quan hệ gia đình, dòng tộc, làng xã, quan hệ giai cấp, dân tộc...) và các mối quan hệ xã hội (quan hệ chính trị, văn hoá, đạo đức, tôn giáo...). Trong mỗi con người đều có tính tốt và tính xấu. Người giải thích “chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bè bạn; nghĩa rộng là đồng bào cả nước; rộng hơn nữa là cả loài người”. Con người có tính xã hội, là con người xã hội, thành viên của một cộng đồng xã hội.

Hồ Chí Minh, cũng cho ta những hiểu biết về yếu tố sinh vật của con người. Theo Người, trong mọi đường lối, chủ trương, chính sách, nhiệm vụ phải thực hiện ngay làm cho dân có ăn, có mặc, có chỗ ở, có học hành.

Trong thực tiễn, con người có nhiều chiều quan hệ: quan hệ với cộng đồng xã hội (là một thành viên); quan hệ với một chế độ xã hội (làm chủ hay bị áp bức); quan hệ với tự nhiên (một bộ phận không tách rời).

Khi nói về con người, Hồ Chí Minh luôn nhìn nhận con người lịch sử - cụ thể về giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp, chức vụ, vị trí, đảng viên, công dân..., trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Nét đặc sắc trong quan niệm của Hồ Chí Minh về con người là nhìn nhận đặc điểm con người Việt Nam với những điều kiện lịch sử cụ thể, với những cấu trúc kinh tế, xã hội cụ thể. Cách tiếp cận này đi đến việc giải quyết mối quan hệ dân tộc và giai cấp rất sáng tạo, không chỉ về mặt đường lối cách mạng mà cả về mặt con người

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

Con người là mục tiêu của cách mạng: Đó là tư tưởng xuyên suốt và nhất quán trong di sản lý luận của Hồ Chí Minh. Khẳng định quyền con người là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm, quyền sống, quyền tự do, quyền bình đẳng, quyền mưu cầu hạnh phúc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, thực hiện độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đó chính là mục tiêu mà cách mạng phải hướng tới.

Mục tiêu này được cụ thể hóa trong cuộc cách mạng nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người.

Giải phóng dân tộc là xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, giành lại độc lập cho dân tộc.

Giải phóng giai cấp là xóa bỏ sự áp bức, bóc lột của giai cấp này

đổi với giai cấp khác; xóa bỏ sự bất công, bất bình đẳng xã hội; xóa bỏ nền tảng kinh tế - xã hội đẻ ra sự bóc lột giai cấp; dần dần thủ tiêu sự khác biệt giai cấp xác lập một xã hội không có giai cấp, không có chế độ người bóc lột người, tức tiến tới giải phóng xã hội, xây dựng một xã hội có nền sản xuất phát triển cao và bền vững, văn hóa tiên tiến, mọi người là chủ và làm chủ xã hội, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, một xã hội văn minh, tiến bộ.

Giải phóng con người là xóa bỏ tình trạng áp bức, bóc lột, nô dịch con người; xóa bỏ các điều kiện xã hội làm tha hóa con người, làm cho mọi người được hưởng tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát huy năng sáng tạo, làm chủ xã hội, làm chủ tự nhiên và làm chủ bản thân, phát triển toàn diện theo đúng bản chất tốt đẹp của con người.

Sự nghiệp giải phóng này cần kết hợp chặt chẽ với nhau, thực hiện nối tiếp nhau để thực hiện thành công mục tiêu cách mạng là giải phóng dân tộc mở đường giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Con người là động lực của cách mạng. Theo Hồ Chí Minh, con người là vốn quý nhất, động lực, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng. Con người không thụ động hưởng thành quả cách mạng mà là chủ nhân của quá trình phát triển, chủ nhân của cách mạng. Người nhấn mạnh “mọi việc đều do người làm ra”; “trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng sức mạnh đoàn kết của nhân dân”¹. “Dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong”². Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Nhân dân là những người sáng tạo chân chính ra lịch sử thông qua các hoạt động thực tiễn cơ bản như lao động sản xuất, đấu tranh chính trị - xã hội,... Sự nghiệp kháng kiến quốc là sự nghiệp của dân, công cuộc đổi mới xây dựng là trách nhiệm của dân. Muốn giành thắng lợi Đảng phải giáo dục toàn dân, tổ chức và tập hợp toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của nhân dân, tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân.

3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng con người

Ý nghĩa của việc xây dựng con người.

Xây dựng con người là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, vừa cấp bách vừa lâu dài, có ý nghĩa chiến lược. Xây dựng con người là một trọng tâm, là bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển đất

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.10, tr. 453.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr. 280.

nước, có mối quan hệ chặt chẽ với nhiệm vụ xây dựng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Hồ Chí Minh nêu hai quan điểm nổi bật làm sáng tỏ sự cần thiết xây dựng con người.

“Vì lợi ích trăm năm thì phải “trồng người”. “Trồng người” là công việc lâu dài, gian khổ, vừa vì lợi ích trước mắt vừa vì lợi ích lâu dài, là công việc của văn hóa giáo dục. “Trồng người” phải được tiến hành thường xuyên trong suốt tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội và phải đạt được những kết quả cụ thể trong từng giai đoạn cách mạng. Công việc “trồng người” là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội kết hợp với tính tích cực, chủ động của từng người.

“Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần phải có những con người xã hội chủ nghĩa”.

Chủ nghĩa xã hội sẽ tạo ra những con người xã hội chủ nghĩa, con người xã hội chủ nghĩa là động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội. Không phải chờ cho kinh tế, văn hóa phát triển cao rồi mới xây dựng con người xã hội chủ nghĩa; cũng không phải xây dựng xong những con người xã hội chủ nghĩa rồi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việc xây dựng con người xã hội chủ nghĩa được đặt ra ngay từ đầu và phải được quan tâm trong suốt tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. “Trước hết cần phải có những con người xã hội chủ nghĩa” cần được hiểu trước hết cần có những con người với những nét tiêu biểu của xã hội xã hội chủ nghĩa như lý tưởng, đạo đức, lối sống, tác phong xã hội chủ nghĩa. Đó là những con người đi trước, làm gương lối cuốn người khác theo con đường xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trong bất cứ phong trào cách mạng nào, tiên tiến là số ít và số đông là trung gian muốn củng cố và mở rộng phong trào, cần phải nâng cao hơn nữa trình độ giác ngộ của trung gian để kéo chậm tiến”¹.

Nội dung xây dựng con người

Hồ Chí Minh quan tâm xây dựng con người toàn diện vừa “hồng” vừa “chuyên”. Đó là những con người có mục đích và lối sống cao đẹp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, những con người của chủ nghĩa xã hội, có tư tưởng, tác phong và đạo đức xã hội chủ nghĩa và năng lực làm chủ. Xây dựng con người toàn diện với những khía cạnh chủ yếu sau:

- Có ý thức làm chủ, tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa và tư tưởng “mình vì mọi người, mọi người vì mình”.
- Cần kiệm xây dựng đất nước, hăng hái bảo vệ Tổ quốc.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội t.12, tr.358.

- Có lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần quốc tế trong sáng.
- Có phương pháp làm việc khoa học, phong cách quần chúng, dân chủ, nêu gương.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân; bồi dưỡng về năng lực trí tuệ, trình độ lý luận chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, sức khỏe.

Phương pháp xây dựng con người.

Mỗi người tự rèn luyện, tu dưỡng ý thức, kết hợp chặt chẽ với xây dựng cơ chế, tính khoa học của bộ máy và tạo dựng nền dân chủ. Việc nêu gương, nhất là người đứng đầu, có ý nghĩa rất quan trọng. Hồ Chí Minh thường nói đến “tu thân, chính tâm” thì mới có thể “trị quốc, bình thiên hạ” (làm những việc có lợi cho nước, cho dân). Văn hóa phương Đông cho thấy “một tấm gương sáng có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”¹ và “tiên trách kỷ, hậu trách nhân”. Hồ Chí Minh thường nhắc lại những điều ấy trong khi bàn biện pháp xây dựng con người. Người nói rằng: “Lấy gương người tốt, việc tốt có thật trong nhân dân và cán bộ, đảng viên ta mà giáo dục lẫn nhau”² là rất cần thiết và bổ ích.

Biện pháp giáo dục có một vị trí quan trọng. Hồ Chí Minh nhắc nhở rằng “Thiện, ác vốn chẳng phải là bản tính cố hữu, Phần lớn đều do giáo dục mà nên”³. Theo Người các cháu mẫu giáo, tiểu học như tờ giấy trắng. Chúng ta vẽ xanh thì xanh, vẽ đỏ thì đỏ. Nói như vậy để thấy giáo dục rất quan trọng trong việc xây dựng con người.

Chú trọng vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng. Thông qua các phong trào cách mạng như “Thi đua yêu nước”, “Người tốt việc tốt”. Đặc biệt phải dựa vào quần chúng theo quan điểm “dựa vào ý kiến của dân chúng mà sửa chữa cán bộ và tổ chức của ta”⁴.

4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Thực tiễn hơn 30 năm đổi mới đất nước, Việt Nam đã đạt được những kết quả nhất định trong lĩnh vực văn hóa, đạo đức, con người tạo động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, việc xây dựng văn hóa, đạo đức, con người vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Đại

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội t.1, tr. 284.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội t.15, tr. 669.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội t.3, tr. 413.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr.338.

hội XII chỉ ra: “So với những thành quả trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành quả trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ tầm mức đề tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Đạo đức, lối sống có mặt xuống cấp đáng lo ngại”¹. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Việc xây dựng hệ giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức lối sống, con người có mặt xuống cấp đáng lo ngại. Môi trường văn hóa còn tồn tại những biểu hiện thiếu lành mạnh, việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa đạt hiệu quả chưa cao. ngoại lai, trái với thuần phong, mỹ tục; tệ nạn xã hội và một số loại tội phạm có chiều hướng gia tăng. Do đó, phải chú trọng hơn nữa việc xây dựng văn hóa, đạo đức, con người để đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn hiện nay.

a. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (1998) nêu những quan điểm chỉ đạo cơ bản: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí giữ vai trò quan trọng; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định phải xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ. Làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

Trên tinh thần của nghị quyết, chúng ta cần nhận thức đúng đắn, sâu sắc và đầy đủ hơn nữa về văn hóa và vị trí vai trò của văn hóa đối với sự

phát triển bền vững của đất nước trong giai đoạn hiện nay. Cần nhận thức bản chất của văn hóa là gắn với con người, phản ánh những tư tưởng, đạo đức, lối sống, nhân cách, tâm hồn, cách ứng xử của con người. Phát triển nền văn hóa toàn diện, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ, làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển đất nước.

Đồng thời cũng cần nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị, xã hội. Phát huy nguồn lực con người với tư cách là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể của sự phát triển. Tạo mọi điều kiện để con người phát huy năng lực sáng tạo của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Về xây dựng con người Việt Nam, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (7-1998) xác định xây dựng con người Việt Nam với những giá trị chung. Đó là, con người có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên, có tinh thần đoàn kết cùng nhân dân trong nước và thế giới đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung, có tinh thần lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp cao, có tính sáng tạo, tạo ra năng suất lao động cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội. Thường xuyên học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm phát triển toàn diện bản thân.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định “con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân”.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9-6-2014) và *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (1-2016)* nêu phương hướng: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn

minh”¹.

b. Xây dựng đạo đức cách mạng

Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương của một vĩ nhân, nhà hiền triết, một lãnh tụ cách mạng vĩ đại, một người cộng sản ưu tú; đồng thời, cũng là tấm gương đạo đức của một người chân chính, bình thường, gần gũi mà bất kỳ ai cũng có thể học theo và làm theo để trở thành một người cách mạng, người công dân tốt. Hồ Chí Minh cho rằng, đối với các dân tộc phương Đông giàu tình cảm, trọng đạo lý, việc tu dưỡng đạo đức của mỗi cá nhân, mỗi con người có vai trò vô cùng quan trọng. Riêng với thế hệ trẻ, việc tu dưỡng này càng quan trọng hơn, vì họ là “người chủ tương lai của nước nhà”, là cái cầu nối các thế hệ. Vì vậy, việc giáo dục đạo đức và chăm lo rèn luyện đạo đức cho sinh viên đã được Hồ Chí Minh quan tâm từ rất sớm. Nói về sinh viên, Người yêu cầu: “Thanh niên phải có đức, có tài. Có tài mà không có đức vì như một anh làm kinh tế tài chính rất giỏi nhưng lại đi đến thụt két thì chẳng những không làm được gì có ích lợi cho xã hội mà còn có hại cho xã hội nữa. Nếu có đức mà không có tài ví như ông Bụt không làm hại gì nhưng cũng không lợi gì cho loài người”².

Người còn chỉ rõ, việc thực hành tốt đạo đức cách mạng trong đời sống hằng ngày của mỗi cá nhân không chỉ có tác dụng tôn vinh, nâng cao giá trị chính họ mà còn tạo sức mạnh nội sinh, giúp họ vượt qua khó khăn, thử thách. Người viết “Có đạo đức cách mạng thì khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ được tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn”, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”; lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ, không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hóa”³.

Học tập và làm theo đạo đức Hồ Chí Minh là đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế để trở thành người công dân tốt, xứng đáng là người làm chủ đất nước phấn đấu cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Học tập đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh là phải trung với nước, hiếu với dân, suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng. Ngay từ thuở thiếu thời, Hồ Chí Minh đã lựa chọn một cách rõ ràng và dứt khoát mục

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.126.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.11, tr. 399.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.11, tr. 603.

tiêu hiến dâng cả cuộc đời mình cho cách mạng. Người đã chấp nhận mọi sự hy sinh, luôn kiên định, dũng cảm và sáng suốt để vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, “thắng không kiêu, bại không nản”, “giàu sang thể không quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy lực không thể khuất phục”¹ nhằm thực hiện bằng được mục tiêu đó. Người nói: “Bài học chính trong đời tôi là tuyệt đối và hoàn toàn cống hiến đời mình cho sự nghiệp giải phóng và thống nhất Tổ quốc, giải phóng giai cấp công nhân và dân tộc bị áp bức, cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, cho sự hợp tác anh em và hoà bình giữa các dân tộc”; “Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên”¹. Đến lúc phải xa rời thế giới này, điều luyện tiếc duy nhất của Người là “không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”.

Tấm gương vì nước, vì dân, suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người của Hồ Chí Minh đã được nhân dân thế giới và bạn bè quốc tế thừa nhận và kính phục. Họ đã dùng những lời lẽ đẹp đẽ và trang trọng nhất để ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Nhà cách mạng triệt để”, “nhà hoạt động quốc tế thần thoại”, “một nhân vật nổi bật nhất trong thời đại của chúng ta”². Chủ tịch Phiden Caxtorô (Cu Ba) đã viết: “Cuộc đời của Người là một tấm gương sáng chói những phẩm chất cách mạng và nhân đạo cao cả nhất. Hiếm có một nhà lãnh đạo nào trong những giờ phút thử thách lại tỏ ra sáng suốt, bình tĩnh, gan dạ, quên mình, kiên nghị và dũng cảm một cách phi thường như vậy. Hồ Chí Minh thuộc lớp những người đặc biệt mà cái chết là mầm mống của sự sống và là nguồn cổ vũ đời đời bất diệt”³.

Học tập đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh là phải tu dưỡng, rèn luyện theo tám gương cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đức khiêm tốn, trung thực. Hồ Chí Minh thường dạy cán bộ, đảng viên phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, ít lòng ham muốn vật chất, đó là tư cách người cán bộ cách mạng, và tự mình Người đã gương mẫu thực hiện. Suốt đời Người sống trong sạch thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, luôn vì nước, vì dân, vì con người, không gọn chút riêng tư. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng viết: “Hồ Chủ tịch không có cái gì riêng. Cái gì của nước, của dân là của Người. Quyền lợi tối cao của nước, lợi ích hằng

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr. 407

² *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chí Minh*, Nxb. Thanh niên, 2004, tr.36.

³ *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chí Minh*, Nxb Thanh niên, 2004, tr.6, 7.

ngày của dân là sự lo lắng đêm ngày của Người. Gia đình của Người là đại gia đình Việt Nam”¹.

Là lãnh tụ cách mạng, Hồ Chí Minh luôn coi khinh mọi sự xa hoa, không ưa chuộng những nghi thức trang trọng cầu kỳ, suốt đời giữ một nếp sống thanh bạch tao nhã, giản dị để mưu cầu hạnh phúc cho dân. Nói về những đức tính vĩ đại của Hồ Chí Minh, X. Agiendê - vị Tổng thống anh hùng của nước Cộng hoà Chilê đã khái quát: “Nếu như muốn tìm một sự tiêu biểu cho tất cả cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì đó là đức tính vô cùng giản dị và sự khiêm tốn phi thường”².

Học tập đức tin tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân dân và hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, luôn nhân ái, vị tha, khoan dung và nhân hậu với con người

Hồ Chí Minh có tình thương yêu bao la đối với con người nó gắn liền với niềm tin tuyệt đối vào sức mạnh và trí tuệ của nhân dân. Người dạy cán bộ, đảng viên việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh; phải gần dân, hiểu dân, học dân, kính trọng nhân dân; hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân.

Với tình thương yêu bao la, Hồ Chí Minh giành cho tất cả, chia sẻ với mọi người những nỗi đau riêng. Người nói, trong: “Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi”¹. Cách mạng Tháng Tám thành công cũng là lúc Việt Nam vừa trải qua nạn đói khủng khiếp, Hồ Chí Minh chủ trương tăng gia sản xuất, mỗi tháng mỗi người nhin ăn ba bữa để góp gạo cứu đói và Người cũng đóng góp lon gạo của mình như mọi người dân.

Lòng nhân ái, khoan dung, nhân hậu của Hồ Chí Minh bắt nguồn từ đại nghĩa của dân tộc, nên có sức mạnh và cảm hóa to lớn trong việc xây dựng và tái tạo lương tri. Ở Hồ Chí Minh, thương người là một tình cảm lớn. Cho nên, khi làm cách mạng, Hồ Chí Minh đặt vấn đề tự do và hạnh phúc đi đôi. Đó chính là biểu hiện chủ nghĩa nhân văn cộng sản vừa thánh thiện, vừa gần gũi, đã làm xúc động trái tim nhân loại và Người được suy tôn như “một ông thánh cộng sản”; “một con người của huyền thoại”. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng bình luận: Lòng nhân đạo, tình thương đồng

¹ Đinh Xuân Dũng (Chủ biên, 2006), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.45

² Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, Nxb, **Sự thật**, Hà Nội, 1976, tr. 378

bào, đó là điều sâu sắc nhất, tốt đẹp nhất trong con người Hồ Chủ tịch.

Học tập tấm gương về ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, gian nguy để đạt được mục đích cuộc sống

Cuộc đời cách mạng Hồ Chí Minh là một chuỗi năm tháng vô cùng gian khổ. Hai lần ngồi tù, một lần đã nhận án tử hình, có giai đoạn hoạt động rất sôi nổi, được đánh giá rất cao, có giai đoạn bị hiểu nhầm, nghi kỵ, không giao nhiệm vụ....Song nhờ ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, Hồ Chí Minh đã bình tĩnh, kiên cường, chủ động vượt qua mọi thử thách gian nguy, kiên trì mục đích cuộc sống, bảo vệ chân lý, giữ vững quan điểm cách mạng của mình. Người đã làm thơ để tự răn: “Muốn lên sự nghiệp lớn, tinh thần càng phải cao”.

Dũng cảm, quyết tâm, bền bỉ, bất khuất là những đặc trưng trong nhân cách Hồ Chí Minh. Một tờ báo nước ngoài viết: “Đằng sau cái cốt cách dịu dàng của Cụ Hồ là một ý chí sắt thép. Dưới cái bề ngoài giản dị là một tinh thần quật khởi anh hùng không có gì uy hiếp nổi”¹.

Trong tình hình hiện nay, để phong trào học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh của sinh viên có hiệu quả, đòi hỏi phải có sự kết hợp của nhiều nhân tố. Sự giáo dục và việc tự tu dưỡng, rèn luyện của sinh viên, sự nêu gương của mọi người trong xã hội, gia đình, của cán bộ, đảng viên, của các thầy, cô giáo, các cán bộ quản lý giáo dục và sự hướng dẫn của dư luận xã hội và pháp luật. Nếu coi thường một trong những nhân tố trên, việc học tập và rèn luyện sẽ khó đạt được kết quả như mong muốn.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Câu 1. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa. Nhận thức bản thân anh/chị về những vấn đề văn hóa hiện nay?

Câu 2. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng. Anh/chị cần phải làm gì để bồi dưỡng những chuẩn mực đạo đức cách mạng ấy?

Câu 3. Vì sao Hồ Chí Minh xác định: yêu thương con người là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất của người cách mạng? Hiện nay có quan điểm cho rằng tình yêu thương con người của người Việt Nam đang dần mất đi, hãy nêu ý kiến của anh/chị về quan điểm này?

¹ Trần Văn Giàu (1990), *Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.228.

Câu 4. Phân tích những nguyên tắc cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đạo đức mới? Trong các nguyên tắc xây dựng đạo đức mới, nguyên tắc nào giữ vai trò quyết định nhất? Tại sao?

Câu 5. Hãy phân tích vai trò của nêu gương trong việc hình thành đạo đức cách mạng. Bản thân anh/chị đã học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về nêu gương như thế nào?

Câu 6. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng? Trong giai đoạn hiện nay, để phát huy vai trò của con người trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, anh/chị cần phải làm gì?

Câu 7. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội. Ý nghĩa của quan điểm này đối việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong giai đoạn hiện nay.

Câu 8. Phân tích câu nói của Hồ Chí Minh: “Trời có bốn mùa xuân hạ thu đông/ Đất có bốn phương đông tây nam bắc/ Người có bốn đức cần, kiệm, liêm chính/ Thiếu một mùa thì không thành trời/ Thiếu một phương thì không thành đất/ Thiếu một đức thì không thành người”. Vận dụng quan điểm trên vào việc xây dựng lối sống đạo đức của sinh viên hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và đào tạo: *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, theo Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về *Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về lý luận chính trị* (<https://moet.gov.vn/van-ban/vbdh/Pages/chi-tiet-van-ban.aspx?ItemID=2729>), Hà Nội, 2019.

2. Đinh Xuân Dũng (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006.

3. **Đảng Cộng sản Việt Nam:** *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

4. Trần Văn Giàu: *Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.

5. Trần Văn Giàu: *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

7. *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chí Minh*, Nxb. Thanh niên, 2004.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP CHƯƠNG 6

Câu 1. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, về nội dung, bản sắc văn hóa dân tộc là:

- a. Sự biểu hiện qua ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lễ hội, truyền thống, cách cảm và nghĩ.
- b. Lòng yêu nước, thương nòi; tinh thần độc lập, tự cường, tự tôn dân tộc.
- c. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- d. Sự tiếp nhận và biến đổi văn hóa.

Câu 2. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, về hình thức, bản sắc văn hóa dân tộc:

- a. Biểu hiện qua ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lễ hội, truyền thống, cách cảm và nghĩ
- b. Lòng yêu nước, thương nòi; tinh thần độc lập, tự cường, tự tôn dân tộc
- c. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
- d. Sự tiếp nhận và biến đổi văn hóa.

Câu 3. Bản Đề cương văn hóa Việt Nam (năm 1943) xác định nền văn hóa Việt Nam có tính chất là:

- a. Dân tộc về hình thức và tâm dân chủ về nội dung
- b. Dân chủ xã hội chủ nghĩa
- c. Dân tộc, khoa học, đại chúng
- d. Tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Câu 4. Quan điểm của Hồ Chí Minh về ý nghĩa của văn hóa: “Vì lẽ Sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng ảnh. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn” được Người viết vào thời gian nào?

- a. Năm 1943 (khi Người còn ở trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch)
- b. Năm 1947 (khi Người viết tác phẩm “Sửa đổi lỗi lầm việc”)
- c. Năm 1943 (trong bài “Người cán bộ cách mạng”)

d. Năm 1947 (trong “Bài xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội”)

Câu 5. Trong quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa văn hóa với chính trị, kinh tế, xã hội, Người cho rằng:

a. Chính trị là yếu tố quan trọng hàng đầu, giữ vai trò quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của dân tộc.

b. Văn hóa là một kiến trúc thượng tầng, tồn tại độc lập với kinh tế và hoàn toàn phụ thuộc vào kinh tế.

c. Đây là bốn vấn đề phải được coi là quan trọng ngang nhau và có sự tác động qua lại lẫn nhau

d. Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là bốn vấn đề quan trọng. Trong đó, yếu tố kinh tế giữ vai trò quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của một quốc gia.

Câu 6. Hồ Chí Minh viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân...” trong tác phẩm nào?

a. Di chúc (1969)

b. Đạo đức cách mạng (1958)

c. Người cán bộ cách mạng (1955)

d. Sửa đổi lối làm việc (1947)

Câu 7. Hồ Chí Minh viết: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang” trong tác phẩm nào?

a. Đạo đức cách mạng (1958)

b. Người cán bộ cách mạng (1955)

c. Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân (1969)

d. Đường cách mệnh (1927)

Câu 8. Hồ Chí Minh yêu cầu “Người cán bộ cách mạng phải có đạo đức cách mạng... Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có phẩm chất đạo đức cách mạng, hay là không”, thể hiện trong tác phẩm nào?

a. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư (1949)

b. Di chúc (1969)

c. Người cán bộ cách mạng (1955)

d. Đạo đức cách mạng (1958)

Câu 9. Hồ Chí Minh chỉ rõ, cán bộ, đảng viên muốn cho dân tin, dân phục, thì cần nhớ rằng: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có ...”. Phẩm chất Hồ Chí Minh đề cập đến trong câu trên là:

- a. Trí tuệ, nhân cách
- b. Tư cách, đạo đức
- c. Lối sống lành mạnh
- d. Trí lực, thể lực

Câu 10. Hồ Chí Minh viết: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân” trong tác phẩm nào?

- a. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư (1949)
- b. Đạo đức cách mạng (1958)
- c. Đường cách mệnh (1927)
- d. Di chúc (1969)

Câu 11. “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên và thanh niên, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên””. Lời dặn trên của Hồ Chí Minh được thể hiện trong tác phẩm nào?

- a. Di chúc (1969)
- b. Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân (1969)
- c. Đạo đức cách mạng (1955)
- d. Bài xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội (1961)

Câu 12. Trong bài Đạo đức cách mạng (1955), Hồ Chí Minh viết: “Tuy năng lực và công việc mỗi người khác nhau, người làm việc to, người làm việc nhỏ; nhưng ai giữ được [...] đều là người cao thượng”. Điền từ còn thiếu vào câu trên:

- a. Đức tính hy sinh
- b. Trí tuệ
- c. Đạo đức
- d. Chí công vô tư

Câu 13. “Nhà nước ta ngày nay là của tất cả những người lao động. Vậy công nhân, nông dân, trí thức cách mạng cần nhận rõ rằng: Hiện nay, nhân dân lao động ta là những người làm chủ nước ta, chứ không phải là những

người làm thuê cho giai cấp bóc lột như thời cũ nữa. Chúng ta có quyền và có đủ điều kiện để tự tay mình xây dựng đời sống tự do, hạnh phúc cho mình”. Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào của Hồ Chí Minh?

- a. Bài xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội (1961)
- b. Đường cách mạng (1927)
- c. Người cán bộ cách mạng (1955)
- d. Đạo đức cách mạng (1958)

Câu 14. Trong quan điểm của Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng, phẩm chất đạo đức bao trùm quan trọng nhất và chi phối các phẩm chất khác là:

- a. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư
- b. Trung với nước, hiếu với dân
- c. Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa
- d. Có tinh thần quốc tế trong sáng

Câu 15. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức có vai trò:

- a. Là nền tảng lý luận của người cách mạng
- b. Là cái gốc, là nền tảng của người cách mạng
- c. Là định hướng lý tưởng của người cách mạng
- d. Là cơ sở tư tưởng của người cách mạng

Câu 16. Năm 1965, Hồ Chí Minh viết: “Phải luôn luôn nâng cao chí khí cách mạng “trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”. Đây là lời dặn của Hồ Chí Minh với tầng lớp, đội ngũ nào?

- a. Trí thức
- b. Đội viên Đội Thiếu niên tiền phong
- c. Thanh niên
- d. Hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ

Câu 17. Theo Hồ Chí Minh, người cách mạng phải có [...] làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang. Hãy điền từ thích hợp vào chỗ (...)

- a. Lòng kiên nhẫn
- b. Chủ nghĩa Mác - Lênin
- c. Trình độ chuyên môn giỏi
- d. Đạo đức cách mạng

Câu 18. Hồ Chí Minh quan niệm: “Một dân tộc biết [...], là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh tiên bộ”

- a. Cần, kiệm, biết liêm

- b. Chí công vô tư
- c. Thương yêu con người
- d. Đoàn kết quốc tế

Câu 19. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng nền đạo đức mới là:

- a. Nêu gương về đạo đức
- b. Nói đi đôi với làm
- c. Xây đi đôi với chống
- d. Tu dưỡng đạo đức suốt đời

Câu 20. Trong nguyên tắc “Nêu gương về đạo đức”, Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ, đảng viên: “Trước hết, mình phải làm gương, gắng làm gương trong anh em, và khi đi công tác, gắng làm gương cho dân. Làm gương về cả ba mặt: [...]”. 3 mặt theo quan điểm của Hồ Chí Minh là:

- a. Vật chất, ý thức và tri thức
- b. Đạo đức, ý thức và kinh nghiệm
- c. Tinh thần, vật chất và văn hóa
- d. Đạo đức, ý thức và tinh thần

Câu 21. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, nguồn gốc của mọi thứ tệ nạn là:

- a. Thói ích kỷ, bẻ phái
- b. Tệ quan liêu, hách dịch
- c. Tệ tham ô, lãng phí
- d. Chủ nghĩa cá nhân

Câu 22. Hồ Chí Minh viết: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”. Lời dạy trên của Bác nhắc nhở mọi người phải:

- a. Nói đi đôi với làm
- b. Nêu gương đạo đức
- c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời
- d. Xây đi đôi với chống

Câu 23. “Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc Người có bốn đức: [...]”

Thiếu một mùa thì không thành trời

Thiếu một phương thì không thành đất Thiếu một đức thì không thành người”

Bốn đức Hồ Chí Minh nhắc đến trong câu trên là:

- a. Nhân, Trí, Dũng, Liêm
- b. Trí, Dũng, Trung, Hiếu
- c. Chí công vô tư
- d. Cần, Kiệm, Liêm, Chính

Câu 24. Những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới theo quan điểm của Hồ Chí Minh là:

- a. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, phong cách gương mẫu, nói đi đôi với làm.
- b. Trung với nước, hiếu với dân; Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; Yêu thương con người, sống có nghĩa có tình; Có tinh thần đoàn kết quốc tế trong sáng.
- c. Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức; Xây đi đôi với chống; Tu dưỡng đạo đức suốt đời.
- d. Chống chủ nghĩa cá nhân; Trung thực; Gắn bó mật thiết với nhân dân.

Câu 25. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, tinh thần quốc tế trong sáng phải gắn liền với:

- a. Chủ nghĩa yêu nước chân chính
- b. Sự tiến bộ của nhân loại
- c. Lợi ích của dân tộc
- d. Cả ba câu trên đều sai

Câu 26. Trong cuộc đấu tranh chống những hiện tượng phi đạo đức, theo Hồ Chí Minh kẻ địch nguy hiểm nhất:

- a. Thối ba hoa
- b. Sự tham lam
- c. Chủ nghĩa cá nhân
- d. Chủ nghĩa đế quốc

Câu 27. Theo Hồ Chí Minh: “Muốn có chủ nghĩa xã hội, phải có [...]”.

- a. Con người xã hội chủ nghĩa
- b. Nền tảng vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội
- c. Độc lập dân tộc
- d. Kinh tế phát triển

Câu 28. Trong mối quan hệ giữa văn hóa với chính trị, Hồ Chí Minh cho rằng:

- a. Văn hóa và chính trị có mối quan hệ độc lập hoàn toàn với nhau
- b. Văn hóa và chính trị có mối quan hệ với nhau, trong đó chính trị đóng vai trò quyết định

c. Văn hóa không đứng ngoài mà ở trong chính trị, phục vụ nhiệm vụ chính trị

d. Văn hóa và chính trị có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó văn hóa đóng vai trò quyết định

Câu 29. Trong mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, Hồ Chí Minh cho rằng:

a. Văn hóa và kinh tế có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó kinh tế đóng vai trò quyết định

b. Văn hóa và kinh tế có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó văn hóa đóng vai trò quyết định

c. Văn hóa là một kiến trúc thượng tầng, độc lập hoàn toàn với kinh tế.

d. Văn hóa đứng trong kinh tế, không hoàn toàn phụ thuộc vào kinh tế mà có vai trò tác động tích cực trở lại kinh tế.

Câu 30. Lĩnh vực văn hóa cụ thể đóng vai trò là động lực có ý nghĩa soi đường cho quốc dân đi, lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ là:

a. Văn hóa chính trị

b. Văn hóa văn nghệ

c. Văn hóa giáo dục

d. Văn hóa đạo đức, lối sống.

Câu 31. Lĩnh vực văn hóa cụ thể đóng vai trò là động lực góp phần nâng cao lòng yêu nước, lý tưởng, tình cảm cách mạng, sự lạc quan, ý chí, quyết tâm và niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng là:

a. Văn hóa chính trị

b. Văn hóa văn nghệ

c. Văn hóa giáo dục

d. Văn hóa đạo đức, lối sống.

Câu 32. Lĩnh vực văn hóa cụ thể đóng vai trò là động lực góp phần nâng cao phẩm giá, phong cách lành mạnh cho con người, hướng con người tới các giá trị chân, thiện, mỹ là:

a. Văn hóa chính trị

b. Văn hóa văn nghệ

c. Văn hóa giáo dục

d. Văn hóa đạo đức, lối sống.

Câu 33. Lĩnh vực văn hóa cụ thể đóng vai trò là động lực góp phần diệt giặc đói, xóa mù chữ, giúp con người hiểu biết quy luật phát triển của xã hội là:

- a. Văn hóa chính trị
- b. Văn hóa văn nghệ
- c. Văn hóa giáo dục
- d. Văn hóa đạo đức, lối sống.

Câu 34. Trước cách mạng tháng Tám, Hồ Chí Minh quan tâm đến việc xây dựng nền văn hóa dân tộc với các nội dung:

- a. Xây dựng tâm lý, xây dựng luân lý, xây dựng xã hội, xây dựng chính trị, xây dựng kinh tế.
- b. Xây dựng kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội
- c. Xây dựng tâm lý, xây dựng xã hội, xây dựng chính trị, xây dựng kinh tế
- d. Xây dựng chính trị, tâm lý, kinh tế

Câu 35. Điền vào chỗ trống. Hồ Chí Minh khẳng định: “Bao nhiêu lợi ích đều vì [...] Bao nhiêu quyền hạn đều của [...]. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi [...]”

- a. Dân
- b. Nhân dân
- c. Công nhân
- d. Nông dân

Câu 36. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, *trung với nước* là:

- a. Tất cả vì tổ quốc quyết sinh
- b. Yêu nước, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, suốt đời phấn đấu cho Đảng, cho cách mạng
- c. Yêu nước, thương dân, tin dân, thân dân, học hỏi dân, lấy trí tuệ ở dân, kính trọng dân, lấy dân làm gốc.
- d. Tất cả đều sai

Câu 37. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, *hiếu với dân* là:

- a. Đặt lợi ích của nhân dân là tối thượng
- b. Yêu nước, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, suốt đời phấn đấu cho Đảng, cho cách mạng
- c. Yêu nước, thương dân, tin dân, thân dân, học hỏi dân, lấy trí tuệ ở dân, kính trọng dân, lấy dân làm gốc.
- d. Tất cả đều đúng

Câu 38. Theo Hồ Chí Minh, “Đối với mình – Chớ tự kiêu, tự đại; Đối với người: ... Chớ nịnh hót người trên. Chớ xem khinh người dưới. Thái độ phải chân thành, khiêm tốn” là biểu hiện của chuẩn mực đạo đức nào?

- a. Cần

- b. Liêm
- c. Chính
- d. Chí công vô tư

Câu 39. Chuẩn mực đạo đức nào sau đây có biểu hiện là hoàn toàn vì lợi ích chung, không vì tư lợi; là hết sức công bằng, không chút thiên tư, thiên vị, công tâm, luôn đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết?

- a. Cần
- b. Liêm
- c. Chính
- d. Chí công vô tư

Câu 40. Theo Hồ Chí Minh, “hiểu chủ nghĩa Mác – Lênin là phải sống với nhau [...] Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không [...] thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác – Lênin được”.

- a. Có tình có nghĩa
- b. Có lý có tình
- c. Có nghĩa có tình
- d. Có tình có lý

Câu 41. Những biểu hiện sau đây đã vi phạm nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng nào? “Miệng thì nói dân chủ, nhưng làm việc thì họ theo lối “quan” chủ. Miệng thì nói “phụng sự quần chúng”, nhưng họ làm trái ngược với lợi ích của quần chúng, trái ngược với phương châm, chính sách của Đảng và Chính phủ”.

- a. Nêu gương về đạo đức
- b. Tu dưỡng đạo đức suốt đời
- c. Nói đi đôi với làm
- d. Xây đi đôi với chống

Câu 42. “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”. Quan điểm đó của Hồ Chí Minh đề cập đến nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng nào?

- a. Nêu gương về đạo đức
- b. Tu dưỡng đạo đức suốt đời
- c. Nói đi đôi với làm
- d. Xây đi đôi với chống

Câu 43. Trong nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng: Xây đi đôi với chống, *xây ở đây* có nghĩa là:

- a. Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật chủ nghĩa xã hội
- b. Xây dựng con người xã hội chủ nghĩa
- c. Xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội
- d. Xây dựng các giá trị, các chuẩn mực đạo đức mới

Câu 44. Trong nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng: Xây đi đôi với chống, *chống ở đây* có nghĩa là:

- a. Chống tệ nạn xã hội
- b. Chống các biểu hiện, các hành vi vô đạo đức, suy thoái đạo đức
- c. Chống lại các hành động chống phá cách mạng, chống phá nhà nước
- d. Tất cả đều đúng

Câu 45. Theo Hồ Chí Minh, ý nghĩa của việc xây dựng con người là:

- a. Yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng
- b. Vấn đề vừa cấp bách, vừa lâu dài
- c. Vấn đề có ý nghĩa chiến lược
- d. Tất cả đều đúng

Câu 46. Ý nào sau đây **không** nằm trong nội dung xây dựng con người theo tư tưởng Hồ Chí Minh?

- a. Có ý thức làm chủ, tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa và tư tưởng “mình vì mọi người, mọi người vì mình”
- b. Cần kiệm xây dựng đất nước, hăng hái bảo vệ Tổ quốc
- c. Chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ
- d. Có lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần quốc tế trong sáng

Câu 47. Nội dung nào sau đây **không** nằm trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về *xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* (7-1998)?

- a. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.
- b. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
- c. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam
- d. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng

Câu 48. Văn kiện nào sau đây khẳng định: “con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ

quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân”?

- a. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)
- b. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về *xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước* (9-6-2014)
- c. Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành trung ương khóa VIII (7-1998)
- d. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (1-2016)

Câu 49. Quan điểm “Dễ trăm lần không dân cũng chịu/ Khó vạn lần dân liệu cũng xong”, “trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng sức mạnh đoàn kết của nhân dân” thể hiện vai trò gì của con người?

- a. Con người là mục tiêu của cách mạng
- b. Con người là động lực của cách mạng
- c. Con người là chính thể thống nhất, toàn diện
- d. Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội.

Câu 50. Hồ Chí Minh viết: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”. Lời dạy trên của Bác nhắc nhở mọi người phải:

- a. Nói đi đôi với làm
- b. nêu gương đạo đức
- c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời
- d. Xây đi đôi với chống

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM CÁC CHƯƠNG

CHƯƠNG 1:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
C	A	D	B	C	A	B	C	A	D
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
B	A	C	D	B	A	B	C	D	A
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
B	C	D	C	B	C	A	B	C	A
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
D	C	B	A	A	D	A	B	C	D
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
A	B	C	D	A	C	B	A	D	C

CHƯƠNG 2:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
C	D	B	A	C	A	C	D	A	B
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	C	C	B	D	A	B	D	C	A
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
B	C	D	C	B	C	A	B	C	A
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
D	C	B	A	A	D	A	B	C	D
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
A	B	C	D	A	C	B	A	D	C

CHƯƠNG 3:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
D	A	C	B	B	D	A	D	C	D
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	C	B	B	A	D	A	D	C	D
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30

D	A	B	D	A	C	B	B	B	A
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
D	D	D	A	D	D	C	C	B	A
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
C	C	D	C	A	B	C	D	A	C

CHƯƠNG 4:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
B	A	C	D	A	B	C	B	A	C
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
D	B	C	A	C	B	D	A	C	B
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
C	D	A	C	A	C	A	D	A	C
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
B	C	A	C	D	B	C	D	A	B
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
C	A	A	D	A	B	C	C	D	A

CHƯƠNG 5:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	A	A	A	D	A	C	B	D	A
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
C	A	A	A	A	A	D	A	B	D
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
A	A	C	C	A	B	B	D	B	A
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
C	A	A	D	B	C	D	D	A	D
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
D	B	B	C	D	A	D	B	B	D

CHƯƠNG 6:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
B	A	C	A	C	D	A	C	B	D

11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	C	A	B	B	C	D	A	B	C
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
D	C	D	C	A	C	A	C	D	A
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
B	D	C	A	A	B	C	C	D	A
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
C	A	D	B	D	C	D	A	B	C